QUYỂN 1/2

UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/08/1993

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, thay đổi lần thứ 47 ngày 05/07/2017

TECHCOMBANK

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...54.../GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng ...9 năm 2017)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

VIET CAPITAL SECURITIES

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /2017 tại:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Địa chỉ:	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	
Điện thoại:	(84–24) 3944 6368	Fax: (84–24) 3944 6362
Website:	www.techcombank.com.vn	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính:	Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM	
Điện thoại:	(84-28) 3914 3588	Fax: (84-28) 3914 3209
Website:	www.vcsc.com.vn	

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên:	Thái Hà Linh
Chức vụ:	Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế
Số điện thoại:	(84–24) 3944 6368

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/08/1993

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, thay đổi lần thứ 47 ngày 05/07/2017

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Mệnh giá: 10.000 đồng

Giá bán: 30.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng chào bán ra công chúng: 500.000.000 (Năm trăm triệu) cổ phiếu

- **Đợt 1:** 70.000.000 cổ phiếu
- **Đợt 2:** 430.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)**:** 5.000.000.000.000 (Năm nghìn tỷ) đồng

- **Đợt 1:** 700.000.000.000 đồng
- **Đợt 2:** 4.300.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính:	Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM	
Điện thoại:	(84-28) 3914 3588	Fax: (84-28) 3914 3209
Website:	www.vcsc.com.vn	
Chi nhánh Hà Nội:	Tầng 6, Tòa nhà Capital, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	
Điên thoại:	(84-24) 6262 6999	Fax : (84-24) 6278 2688

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ:	Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	
Điện thoại:	(84–24) 3834 5100	Fax: (84–24) 3834 5090

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Bản Cáo Bạch này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc chào bán cổ phần ra công chúng của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("Tổ Chức Phát Hành").

Mỗi nhà đầu tư dự kiến mua cổ phần nên nghiên cứu đầy đủ nội dung của Bản Cáo Bạch này, lưu ý phần "CÁC NHÂN TỐ RỦI RO" và "CỔ PHẦN CHÀO BÁN", các tài liệu đính kèm và thông báo chào bán cổ phần ra công chúng.

Nhà đầu tư nên tự mình đánh giá tính liên quan của thông tin có trong Bản Cáo Bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để quyết định có mua cổ phần hay không. Mỗi nhà đầu tư dự kiến mua cổ phần không nên đăng ký mua trừ khi đã tự mình hoặc thông qua đại diện đầu tư của mình yêu cầu và đã nhận được tất cả thông tin để có thể đánh giá lợi ích và rủi ro của giao dịch mua cổ phần dự kiến và đã hài lòng về việc đó.

CÁC TUYÊN BỐ MANG TÍNH DỰ BÁO

Một số tuyên bố có trong Bản Cáo Bạch này là các "tuyên bố mang tính dự báo". Những tuyên bố đó có sử dụng các từ mang tính dự báo như "dự kiến", "tin tưởng", "kế hoạch", "dự định", "dự đoán", "ước tính", "có thể", "có khả năng" hoặc các từ ngữ hoặc cách diễn đạt tương tự. Các tuyên bố mang tính dự báo đó có thể bao hàm các rủi ro đã biết hoặc tiềm ẩn, sự không chắc chắn và các yêu tố khác có thể khiến cho kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động hoặc thành tựu mà Tổ Chức Phát Hành đạt được trên thực tế, hoặc các kết quả hoạt động chung của toàn ngành, sẽ có những khác biệt đáng kể so với các kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động hoặc thành tựu được đề cập, một cách rõ ràng hay ngụ ý, trong các tuyên bố mang tính dự báo đó. Các tuyên bố mang tính dự báo đó được đưa ra dựa trên một số giả định về chiến lược kinh doanh và môi trường kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm hiện tại và trong tương lai. Các nhân tố quan trọng có thể khiến cho kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động hoặc thành tựu mà Tổ Chức Phát Hành đạt được trên thực tế sẽ khác biệt đáng kể so với các thông tin được nêu trong các tuyên bố mang tính dự báo đó bao gồm những nhân tố sau đây (và các nhân tố khác không được liệt kê): tình hình và những thay đổi của nền kinh tế Việt Nam và các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới có thể ảnh hưởng bất lợi đến ngành ngân hàng tại Việt Nam, sức cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng, khả năng của Tổ Chức Phát Hành trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng. Các nhân tố khác có thể khiến cho kết quả kinh doanh, tình hình hoạt động hoặc thành tựu mà Tổ Chức Phát Hành đạt được trên thực tế khác biệt đáng kể với các dự báo còn bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở, các nội dung được đề cập tại mục "CÁC NHÂN TỐ RỦI RO" và "TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH". Các tuyên bố mang tính dự báo chỉ đề cập đến các vấn đề có liên quan tại ngày lập Bản Cáo Bạch này. Tổ Chức Phát Hành tuyên bố một cách rõ ràng rằng Tổ Chức Phát Hành sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm hoặc đưa ra bất kỳ cam kết nào về việc Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố bất kỳ thông tin cập nhật hoặc đưa ra bất kỳ sửa đổi nào đối với bất kỳ tuyên bố mang tính dự báo nào được nêu trong Bản Cáo Bạch này để sửa đổi bất kỳ dự báo nào do Tổ Chức Phát Hành đưa ra liên quan đến vấn đề đó hoặc để thể hiện bất kỳ sự thay đổi nào về các sự kiện, điều kiện hoặc tình huống được sử dụng để đưa ra dự báo đó.

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 9
1. Rủi ro về lãi suất 9
2. Rủi ro về tín dụng 9
3. Rủi ro về ngoại hối 9
4. Rủi ro về thanh toán 10
5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng 10
6. Rủi ro luật pháp 10
7. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán 11
8. Rủi ro pha loãng 11
9. Rủi ro khác 13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 17
1. Tổ chức phát hành 17
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành 17
3. Tổ chức tư vấn 17
III. CÁC KHÁI NIỆM 18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 19
1.1. Thông tin chung về tổ chức phát hành 19
1.2. Quá trình hình thành và phát triển 20
2. Cơ cấu tổ chức công ty 24
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và Cơ cấu cổ đông 26
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty 26
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập 27
3.3. Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng 27
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành; 28
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty 30
6. Hoạt động kinh doanh 32
6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty 32
6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn 56

6.3. Thị trường hoạt động 64

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện 65

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 65

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất 65

7.2. *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo* 67

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 69

8.1. Vị thế của Techcombank so với các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam *69*

8.2. Triển vọng phát triển *72*

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức phát hành với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới *73*

9. Chính sách đối với người lao động 73

10. Chính sách cổ tức 74

11. Tình hình tài chính 75

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 76

13. Tài sản 89

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 90

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 91

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức 91

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…) 91

17.1. Trái phiếu chuyển đổi do Techcombank *91*

17.2. Phát hành cổ phần theo chương trình ưu đãi cho người lao động *92*

17.3. Các cam kết khác *92*

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán 93

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 93

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 98

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 99

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 99

IX. PHỤ LỤC 100

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 21/08/2017 27

Bảng 2: Danh sách người có liên quan của Cổ đông lớn tại ngày 21/08/2017 27

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/07/2017 27

Bảng 4: Danh sách công ty con, công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 21/08/2017 29

Bảng 5: Quá trình tăng vốn của Techcombank 30

Bảng 6: Tình hình vốn huy động của Techcombank 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017 theo loại hình 42

Bảng 7: Tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước và nước ngoài của Techcombank 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017 42

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình năm 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017 43

Bảng 9: Hoạt động tín dụng của Techcombank 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017 44

Bảng 10: Dư nợ theo thời gian cho vay gốc năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 44

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 44

Bảng 12: Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 46

Bảng 13: Phân tích chất lượng nợ cho vay theo nhóm nợ năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 47

Bảng 14: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 48

Bảng 15: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại 30/6/2017 48

Bảng 16: Giao dịch đi của Dịch vụ thanh toán trong nước năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 51

Bảng 17: Giao dịch đến của Dịch vụ thanh toán trong nước năm 2015, 2016 và 6 tháng năm 2017 51

Bảng 18: Giao dịch đi của Dịch vụ thanh toán quốc tế năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 52

Bảng 19: Giao dịch đến của Dịch vụ thanh toán quốc tế năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 52

Bảng 20: Doanh số thanh toán qua dịch vụ Western Union năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 . 53

Bảng 21: Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn 54

Bảng 22: Chứng khoán kinh doanh năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 54

Bảng 23: Chứng khoán đầu tư năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 54

Bảng 24: Góp vốn, đầu tư dài hạn 55

Bảng 25: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và lũy kế đên quý II năm 2017 65

Bảng 26: Cơ cấu lao động Techcombank ngày 30/6/2017 74

Bảng 27: Tình hình tài chính Techcombank 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 75

Bảng 28: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị 76

Bảng 29: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc 83
Bảng 30: Danh sách thành viên Ban kiểm soát 85
Bảng 31: Kế toán trưởng 89
Bảng 32: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 89
Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 90

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư dự kiến mua cổ phần nên xem xét kỹ lưỡng các nhân tố rủi ro dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc đợt chào bán. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc mua cổ phần của đợt chào bán.

1. Rủi ro về lãi suất

Việc Tổ Chức Phát Hành có thể phải gánh chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ cơ cấu dư nợ cho vay, sở hữu chứng khoán, gửi và nhận tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng, và huy động vốn (từ doanh nghiệp và dân cư) của Tổ Chức Phát Hành. Khi lãi suất trên thị trường giảm, mức lãi suất biên của Tổ Chức Phát Hành nhìn chung sẽ giảm do Tổ Chức Phát Hành phải ngay lập tức định giá lại các khoản vay dựa trên lãi suất cho vay cơ bản của mình trong khi việc điều chỉnh lãi suất tiền gửi chỉ có thể tiến hành sau đó. Ảnh hưởng trên thực tế đối với thu nhập lãi do việc thay đổi lãi suất sẽ phụ thuộc vào mức độ và thời gian thay đổi lãi suất, hành vi của các bên và ngày định giá lại theo thỏa thuận đối với tài sản có và tài sản nợ của Tổ Chức Phát Hành và khả năng thích ứng đối với thay đổi lãi suất của các khoản vay liên ngân hàng. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") chỉ đang áp dụng trần lãi suất cho các khoản tiền huy động ngắn hạn. Tuy nhiên, không có gì đảm bảo trong tương lai NHNN không nới rộng phạm vi áp dụng trần lãi suất. Lãi suất cơ bản do NHNN ấn định nếu ở mức thấp sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh từ việc khách hàng của Tổ Chức Phát Hành chậm hoặc không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và các khoản phải trả khác theo cam kết. Trong giai đoạn kinh tế khó khăn, các ngân hàng đều phải đối mặt với trạng thái rủi ro tín dụng tăng lên. Nguyên nhân rủi ro tín dụng có thể là do kết quả kinh doanh sụt giảm của khách hàng dẫn đến khó khăn trong việc trả nợ, hoặc có thể do chủ ý lừa đảo của bên đi vay. Điều này ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận, khả năng thu hồi vốn và làm sụt giảm giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành và đòi hỏi Tổ Chức Phát Hành phải tăng mức dự phòng đối với rủi ro tài sản và các rủi ro tín dụng khác của Tổ Chức Phát Hành. Để đối phó với rủi ro này, Tổ Chức Phát Hành xây dựng chính sách tín dụng tập trung vào các phân khúc ít rủi ro đồng thời tăng dự phòng rủi ro nhằm chủ động giảm thiểu tối đa rủi ro tín dụng cho Tổ Chức Phát Hành.

3. Rủi ro về ngoại hối

Tổ Chức Phát Hành chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá hối đoái do một phần tài sản nợ và tài sản có của Tổ Chức Phát Hành được hạch toán bằng ngoại tệ, và do việc nắm giữ và giao dịch hối đoái và chứng khoán đầu tư, kể cả các công cụ phái sinh (như giao dịch hối đoái kỳ hạn, giao dịch hối đoái hoán đổi và giao dịch hối đoái quyền chọn) của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro (hedging) để giảm thiểu rủi ro ngoại hối, tuy nhiên các rủi ro liên quan đến ngoại hối vẫn có thể phát sinh khi Tổ Chức Phát Hành không thể dự đoán được một cách chính xác ảnh

hưởng của biến động tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam ("VND") và Đô la Mỹ ("USD") và các tiền tệ khác đối với doanh thu và lãi biên của Tổ Chức Phát Hành.

Ngoài ra, VND là đơn vị tiền tệ báo cáo của Tổ Chức Phát Hành. Biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng khi các tài sản có và tài sản nợ bằng ngoại tệ của Tổ Chức Phát Hành được chuyển đổi thành VND nhằm mục đích báo cáo tài chính. Nếu VND tăng giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ giảm (mặc dù giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng giảm). Ngược lại, nếu VND giảm giá so với các ngoai tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ tăng (nhưng giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng tăng). Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

4. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) phát sinh trong quá trình Tổ Chức Phát Hành huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Tổ Chức Phát Hành. Rủi ro tiềm tàng về tính thanh khoản luôn tồn tại trong hoạt động của các ngân hàng Việt Nam, kể cả Tổ Chức Phát Hành, do (i) lệch kỳ hạn đáo hạn giữa vốn huy động từ tiền gửi và các khoản cho vay khách hàng; hoặc do (ii) khách hàng vay không trả nợ đúng hạn. Với đặc tính thị trường, do khoảng lãi suất giữa các kỳ hạn huy động không đủ hấp dẫn và biến động, nên Tổ Chức Phát Hành cũng giống các ngân hàng khác, tỷ trọng tiền gửi ngắn hạn và không kỳ hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tiền gửi của khách hàng. Theo các nghiên cứu phân tích đánh giá, do thị trường Việt Nam còn thiếu các sản phẩm đầu tư thay thế, tỷ lệ lớn các khoản tiền gửi ngắn hạn không rút tiền trước thời hạn và thường quay vòng tiền gửi thêm một hoặc nhiều kỳ hạn. Do vậy, đây là một nguồn vốn huy động trung hạn ổn định của các ngân hàng. Để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn, Tổ Chức Phát Hành xây dựng và vận hành các chính sách, quy định vận hành và hệ thống kiểm soát cảnh báo nhằm giảm thiểu và quản trị chủ động các rủi ro này. Tuy nhiên, trong các trường hợp biến động thị trường vượt qua dự báo và hệ thống kiểm soát, Tổ Chức Phát Hành có thể bị giảm lợi nhuận do chi phí vốn cao hoặc các rủi ro không được dự báo khác.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đưa ra các cam kết tài trợ cho khách hàng, và các cam kết không được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán (kể cả các chấp thuận thanh toán, bảo lãnh và thư tín dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng của khách hàng của Tổ Chức Phát Hành, v.v.). Tổ Chức Phát Hành có thể phải chịu rủi ro tín dụng trong các cam kết ngoại bảng của mình do các cam kết ngoại bảng này cần được thực hiện trong một số trường hợp nhất định. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể thu hồi được khoản thanh toán từ các khách hàng của mình liên quan đến các cam kết mà Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện, thì kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi.

6. Rủi ro luật pháp

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi chính sách hay cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách "đổi mới" vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không rõ

ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp và sự lệ thuộc của các luật này vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính Phủ và các bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Tổ Chức Phát Hành đang hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và có kế hoạch tiếp tục mở rộng sang lĩnh vực chứng khoán ở Việt Nam. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước khác đang chuẩn bị ban hành và/hoặc thay đổi các chuẩn mực và đưa ra những hướng dẫn và các quy định giám sát đối với hoạt động của Tổ Chức Phát Hành. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các quy định pháp luật của Việt Nam có thể khác so với quy định tại các nước khác.

Tổ Chức Phát Hành nằm trong số 10 ngân hàng thí điểm áp dụng phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II theo lộ trình do NHNN xác định. Việc áp dụng Basel II cũng có thể ảnh hưởng đáng kể đến chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và huy động vốn của Tổ Chức Phát Hành. Không có gì bảo đảm rằng kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sẽ không bị ảnh hưởng bất lợi theo.

7. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Đợt chào bán được thực hiện đối với cổ đông hiện hữu của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành tin tưởng rằng với kết quả kinh doanh ấn tượng của mình trong những năm qua, cổ đông sẽ tiếp tục gắn bó với Tổ Chức Phát Hành, tuy nhiên không có gì bảo đảm chắc chắn rằng đợt chào bán sẽ thành công như dự kiến. Trong đợt chào bán cổ phần lần này, Tổ Chức Phát Hành không sử dụng dịch vụ bảo lãnh phát hành nên trong trường hợp phát sinh số cổ phần không chào bán hết, số cổ phần này sẽ không được mua lại theo phương thức bảo lãnh phát hành. Ngoài ra, nếu có cổ đông không đăng ký mua hết số lượng cổ phần được chào bán trong đợt chào bán theo quyền mua của mình thì các cổ đông khác có thể cũng không được mua hết số lượng cổ phần theo quyền mua của mình nếu việc mua hết như vậy dẫn đến cổ đông đó sở hữu vượt quá giới hạn sở hữu cổ phần có liên quan quy định tại Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, pháp luật Việt Nam và Nghị quyết số số 1632/NQ-TCB ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông của Tổ Chức Phát Hành về việc quản lý tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Phát Hành. Rủi ro có thể xảy ra do lượng vốn huy động được thông qua đợt chào bán thấp hơn dự kiến và vì thế ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng vốn đã đề ra.

8. Rủi ro pha loãng

1. Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

BVPS = A/B

Trong đó:

(i) BVPS là giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần;
(ii) A là nguồn vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành; và
(iii) B là tổng số cổ phần đang lưu hành (bằng tổng số cổ phần đã phát hành trừ tổng số cổ phiếu quỹ, nếu có).

Theo công thức trên, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Tổ Chức Phát Hành tính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 là:

	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách
A	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) (30/06/2017)*	21.751.117
B1	Tổng số cổ phần đã phát hành	887.807.871
B2	Tổng số cổ phiếu quỹ	172.353.345
BVPS	Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (VND) (= A/[B1 - B2])	30.402

*: *Giá trị sổ sách trên được tính trên cơ sở số liệu BCTC hợp nhất 6 tháng 2017 đã được kiểm toán soát xét.*

Các giả định:

1. Đợt 1 được chào bán thành công 100% trong năm 2017; Đợt 2 được chào bán thành công trong Quý II/2018;
2. Không tính đến ảnh hưởng của kết quả kinh doanh (chưa được kiểm toán) trong giai đoạn từ 30/06/2017 đến khi chào bán từng Đợt;
3. Giá chào bán dự kiến: 30.000 VND/ cổ phần.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần bị pha loãng sau phát hành mỗi đợt tương ứng là:

Khoản mục	Đợt 1	Đợt 2
Vốn chủ sở hữu sau phát hành (triệu đồng)	23.851.117	36.751.117
Tổng số cổ phần sau phát hành	957.807.871	1.387.807.871
Tổng số cổ phiếu quỹ	172.353.345	172.353.345
BVPS trước phát hành từng đợt (VND)	30.402	28.584
BVPS sau phát hành (VND)	28.584	22.009
Chênh lệch BVPS sau phát hành so với trước phát hành (VND)	-36	-129

2. Pha loãng lãi cơ bản trên mỗi cổ phần

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một số lượng cổ phần lớn hơn trong khi lợi nhuận thu được từ nguồn vốn bổ sung chưa phản ánh vào kết quả kinh doanh. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

EPS = M/N

Trong đó:

(i) EPS là lãi cơ bản trên mỗi cổ phần;
(ii) M là lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông;
(iii) N là số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

- Trong trường hợp, Techcombank không thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu thì với mức lợi nhuận trước thuế dự kiến trong năm 2017 là 5.020 tỷ VND, EPS năm 2017 được xác định như sau:

	Chỉ tiêu	Năm 2017
M(*)	Lãi (lỗ) dự kiến phân bổ cho cổ đông phổ thông (triệu đồng)	3.996.000

N	Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	822.171.940
EPS	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần (VND/cổ phần)	4.860

(*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến là 20 tỷ VND;

- Với giả định là đợt 1 được chào bán thành công 100% thì EPS năm 2017 sau đợt phát hành được xác định như sau:

	Chỉ tiêu	**Năm 2017**
M (*)	Lãi (lỗ) dự kiến phân bổ cho cổ đông phổ thông (triệu đồng)	3.996.000
N	Số lượng cổ phần lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	845.377.419
EPS	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần (VND/Cổ phần)	4.727

(*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến là 20 tỷ VND

Như vậy EPS sau đợt 1 dự kiến giảm 4.860 - 4.727 = 133 VND/cổ phần so với trước khi chào bán.

- Tương tự với giả định đợt phát hành thứ 2 được thực hiện thành công 100% trong quý II năm 2018, tác động pha loãng EPS của đợt 2 được ước tính như sau:

Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ (năm 2018) là 1.172.807.871 cổ phần.

Như vậy, % pha loãng EPS dự kiến sau phát hành đợt 2 so với EPS sau phát hành đợt 1 là:

(1.172.807.871 - 845.377.419)/845.377.419 * 100% = 38,73%

9. Rủi ro khác

*3. Rủi ro liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro ("**QTRR**"), chính sách và quy trình quản lý nội bộ*

Mặc dù Tổ Chức Phát Hành là một trong những ngân hàng đặc biệt chú trọng việc áp dụng các chính sách và kỹ thuật QTRR trong hoạt động, việc có thể kiểm soát đầy đủ và bảo vệ Tổ Chức Phát Hành khỏi mọi rủi ro vẫn là một vấn đề khó khăn. Các rủi ro về tuân thủ, lỗ hổng quy trình vẫn phát sinh trong quá trình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành. Để giảm thiểu các rủi ro này, Tổ Chức Phát Hành đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống QTRR và áp dụng các chuẩn mực tiêu chuẩn QTRR quốc tế. Tổ Chức Phát Hành cũng đang từng bước hoàn thiện các chính sách và quy trình quản trị nhằm giảm thiểu thấp nhất rủi ro. Bên cạnh việc hoàn thiện các chính sách và quy trình hệ thống hoạt động, Tổ Chức Phát Hành cũng thường xuyên rà soát và áp dụng các công cụ đo lường lượng hóa rủi ro nhằm đánh giá đúng đắn và phát triển các công cụ giảm thiểu rủi ro.

4. Rủi ro từ việc cho vay tập trung vào một số ngành nhất định

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, Tổ Chức Phát Hành chú trọng tài trợ cho các ngành, khu vực kinh tế có tiềm năng phát triển trong từng thời kỳ và việc này dẫn đến khả năng phát sinh rủi ro tập trung vào một số nhóm ngành. Do vậy, sự suy thoái của một số ngành kinh tế có thể dẫn đến việc gia tăng nợ xấu của Tổ Chức Phát Hành. Điều này có thể có ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

5. Rủi ro từ tài sản bảo đảm

Hầu hết các khoản cho vay của Tổ Chức Phát Hành và cả khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành được bảo đảm bằng tài sản của bên đi vay hoặc bên thứ ba. Một thực tế ở Việt Nam là thủ tục xử lý tài sản bảo đảm có thể bị kéo dài và quá trình xử lý tài sản bảo đảm có thể gặp nhiều khó khăn. Môi trường pháp luật hiện hành đang có nhiều thay đổi theo đó từ 1 tháng 1 năm 2017 thủ tục xử lý nợ và tài sản bảo đảm để thu hồi nợ chỉ có thể thực hiện thông qua tiến trình tố tụng tại tòa án và cơ quan thi hành án. Điều này có thể làm tăng chi phí xử lý nợ, dẫn đến giảm lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành.

6. Rủi ro do thiếu thông tin về khách hàng tín dụng

Hiện nay, Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) đang thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin về các khách hàng của ngân hàng và là trung tâm cung cấp thông tin tín dụng chính thống duy nhất do NHNN thành lập. Tuy nhiên, do những hạn chế khách quan của trình tự cung cấp thông tin từ các ngân hàng thương mại (**"NHTM"**) cho CIC và trình tự cung cấp thông tin từ CIC cho các NHTM, Tổ Chức Phát Hành có thể không được cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin của một số khách hàng tổ chức cũng như cá nhân. Điều này có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng thông tin nhằm đánh giá và lựa chọn các khách hàng tốt. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổ Chức Phát Hành cũng đa dạng hóa nguồn thông tin, xây dựng các hệ thống thông tin nội bộ và tăng cường đánh giá kiểm soát khách hàng sau khi giải ngân.

7. Rủi ro từ việc phân loại nợ và dự phòng nợ xấu ("NPL")

Tổ Chức Phát Hành áp dụng nguyên tắc cẩn trọng đối với hoạt động phân loại nợ và chính sách xử lý nợ xấu nhất quán với các quy định của NHNN. Từ tháng 6 năm 2014 đến nay, Tổ Chức Phát Hành cũng đã chủ động ước tính và xây dựng các kế hoạch tài chính dự toán theo các quy định của NHNN nhằm chủ động trước khả năng tăng tỷ lệ nợ xấu phải trích lập dự phòng rủi ro của Tổ Chức Phát Hành do tác động của Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2014 do NHNN ban hành quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành tin tưởng rằng Tổ Chức Phát Hành đã trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ đối với dư nợ cho vay của mình, tuy nhiên không có gì bảo đảm rằng mức trích lập dự phòng rủi ro như vậy là đủ trong tương lai và Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải trích lập bổ sung trong tương lai, một trong hai vấn đề này nếu phát sinh đều có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

8. Rủi ro từ việc mở rộng phạm vi hoạt động

Trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành đã giới thiệu một số sản phẩm và dịch vụ mới và mở rộng phạm vi của những sản phẩm và dịch vụ sẵn có, trong số đó có các sản phẩm và dịch vụ quản lý tài sản. Việc này khiến cho Tổ Chức Phát Hành có thể phải đối mặt với một số rủi ro và thách thức, kể cả các rủi ro và thách thức sau:

- Tổ Chức Phát Hành có thể cạnh tranh không hiệu quả trong một số sản phẩm;
- Lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành có thể không đạt được như kỳ vọng;
- Các hoạt động kinh doanh mới có thể thiếu nhân sự đủ năng lực thực hiện;
- Tổ Chức Phát Hành cần nâng cao hệ thống QTRR và hệ thống công nghệ thông tin (**"CNTT"**) để hỗ trợ nhiều hoạt động hơn. Việc này đòi hỏi thời gian, các chi phí bổ sung và các nguồn lực khác.

9. Rủi ro hệ thống CNTT

Tổ Chức Phát Hành sử dụng hệ thống CNTT để thực hiện một số lượng lớn các nghiệp vụ, các giao dịch một cách chính xác và kịp thời, đồng thời lưu trữ và xử lý về cơ bản tất cả các dữ liệu liên quan đến công việc kinh doanh, các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành. Ứng dụng hệ thống CNTT cho hoạt động kiểm soát tài chính, QTRR, phân tích tín dụng và báo cáo, hạch toán, kế toán, dịch vụ khách hàng và các hệ thống khác, cũng như các mạng lưới liên lạc giữa các chi nhánh của Tổ Chức Phát Hành và các trung tâm xử lý dữ liệu chính vận hành tốt có tính quyết định đối với hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh hiệu quả của Tổ Chức Phát Hành. Hệ thống CNTT của Tổ Chức Phát Hành cũng đã được áp dụng các biện pháp tổng thể an ninh thông tin, phòng chống rủi ro công nghệ từ con người, chính sách quy định, tiêu chuẩn, quy trình đến trang bị các giải pháp an ninh thông tin ("**ANTT**"), sử dụng trung tâm dự phòng. Mặc dù vậy hệ thống vẫn có thể bị gián đoạn, tấn công xâm nhập trái phép, thất thoát thông tin do phải đối mặt với các rủi ro:

- Các tấn công bằng công nghệ mới, đặc thù chuyên dụng vào lĩnh vực tài chính, gian lận đánh cắp thông tin;
- Các nhân viên vi phạm về ANTT, chưa tuân thủ về quy trì đảm bảo ANTT, chưa nhận thức hết vai trò, trách nhiệm trong việc đảm bảo ANTT đều dẫn đến có thể sơ xuất làm lộ thông tin, bị đánh cắp quyền truy cập;
- Sai sót khách quan con người trong quá trình nhập dữ liệu, thao tác vận hành;
- Hỏng hóc phần cứng, lỗi phần mềm;
- Các thiên tai, hỏa hoạn, mất điện diện rộng.

10. Ảnh hưởng do việc thực hiện Basel II trong tương lai

Tổ Chức Phát Hành là một trong các ngân hàng dẫn đầu trong việc triển khai dự án thực hiện các tiêu chuẩn an toàn vốn Basel II. Thực hiện Basel II sẽ góp phần tăng cường QTRR, định giá tín dụng theo rủi ro, xác định mức vốn phù hợp với mức độ rủi ro, v.v. Tuy nhiên, quá trình triển khai Basel II có thể sẽ làm phát sinh chi phí triển khai do cần thêm cán bộ, nhân viên có đủ năng lực, cơ sở CNTT hỗ trợ, thay đổi các quy trình hiện hành và các vấn đề khác.

11. Chưa có thị trường giao dịch tập trung cho cổ phần

Hiện nay, cổ phần của Tổ Chức Phát Hành đang được giao dịch trên thị trường phi tập trung. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành dự định sẽ niêm yết cổ phần hoặc đưa cổ phần vào giao dịch tập trung trên sở giao dịch chứng khoán trong năm 2017 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016, nhưng kế hoạch đó sẽ chưa thực hiện được ngay sau khi kết thúc đợt chào bán này. Điều đó có nghĩa là sau khi được chào bán, cổ phần sẽ tiếp tục được giao dịch trên thị trường phi tập trung cho tới khi được niêm yết/đăng ký giao dịch và không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của cổ phần trên thị trường cho tới thời điểm đó. Cổ phần có thể được giao dịch với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tuỳ thuộc vào nhiều yếu tố kể cả mức cổ tức, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.

12. Huy động vốn trong tương lai

Tổ Chức Phát Hành tùy từng thời điểm có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức mà Tổ Chức Phát Hành cho là phù hợp, kể cả việc phát hành thêm cổ phần hoặc các công cụ vốn chủ sở hữu khác, phụ thuộc vào việc xin được các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Theo các điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi năm 2010, Tổ Chức Phát Hành sẽ phải phát hành cổ phần để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trong tương lai (xem thêm phần có tiêu đề

“THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN”). Nếu phát hành thêm cổ phần mới hoặc công cụ vốn chủ sở hữu khác, số cổ phần đó, Tổ Chức Phát Hành có thể phát hành với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm đó và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông hiện hữu có thể bị pha loãng. Các yếu tố đó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phần trên thị trường thứ cấp.

13. Rủi ro bất khả kháng

Hoạt động của Tổ Chức Phát Hành còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh, v.v... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Tổ Chức Phát Hành. Các rủi ro này, nếu xảy ra, chắc chắn sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Ông Hồ Hùng Anh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Lê Quốc Anh Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông Hoàng Huy Trung Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Khánh Vân Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành

Không có

3. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Ông Nguyễn Quang Bảo Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn chào bán cổ phần ra công chúng số 15/2017/HĐ-IB.VCSC-HN với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Bản Cáo Bạch	Bản Cáo Bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
Chính Phủ	Chính Phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
Luật CTCTD	Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010
Luật Chứng Khoán	Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 (đã được sửa đổi, bổ sung)
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN hoặc SSC	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTLKCK hoặc VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
SWIFT	Hiệp hội Viễn thông Liên ngân hàng và Tài chính Quốc tế
Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành	Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt (VCSC)
Tổ Chức Phát Hành hoặc Techcombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
BKS	Ban kiểm soát
Công ty TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Điều Lệ	Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành
BCTC	Báo cáo tài chính

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- Logo: TECHCOMBANK
- Trụ sở chính: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (84–24) 3944 6368.
- Fax: (84–24) 3944 6362.
- Giấy phép hoạt động: Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP do NHNN cấp ngày 06 tháng 08 năm 1993.
- Giấy CNĐKDN: 0100230800 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 09 năm 1993, được đăng ký thay đổi lần thứ 47 ngày 05 tháng 07 năm 2017.
- Website: www.techcombank.com.vn
- Vốn điều lệ: 8.878.078.710.000 VND (*Tám nghìn tám trăm bảy mươi tám tỷ không trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng*)
- Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch HĐQT
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Huy động vốn ngắn hạn, vốn trung và dài hạn và nhận tiền gửi huy động vốn ngắn hạn, vốn trung và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn bằng VND;
  - Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với tổ chức và cá nhân tuỳ theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
  - Vay vốn từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác;
  - Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
  - Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
  - Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với ngước ngoài khi được NHNN cho phép;
  - Phát hành trái phiếu, góp vốn liên doanh và mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
  - Tham gia quản lý tài sản cho các tổ chức tài chính trong nước khác;
  - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của luật các tổ chức tín dụng, luật chứng khoán, quy

định của chính phủ và hướng dẫn của NHNN;

- Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng;
- Mua, bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;
- Mua, bán nợ;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, dịch vụ quản lý tài sản;
- Ủy thác, nhận ủy thác và
- Các nghiệp vụ khác theo giấy phép của NHNN.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Techcombank được thành lập ngày 27 tháng 09 năm 1993 dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP do NHNN cấp ngày 06 tháng 08 năm 1993 với thời hạn hoạt động ban đầu là 20 năm, sau đó được tăng lên 99 năm tính từ ngày 08 tháng 10 năm 1997 theo Quyết Định số 330/QĐ-NH5 của NHNN.

Đặt trụ sở chính tại Hà Nội, Techcombank đã phát triển thành một ngân hàng có quy mô toàn quốc, với chức năng của một tổ chức tài chính trung gian tư nhân có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam, với tổng tài sản đạt trên 235 nghìn tỷ đồng, và mạng lưới ngân hàng rộng khắp cả nước với 01 Hội sở chính, 02 văn phòng đại diện và 314 chi nhánh, điểm giao dịch, mở rộng kết nối với trên 17.472 máy ATM trong hệ thống BankNet, Smartlink và đội ngũ nhân viên lên tới hơn 7.000 người tính đến 31 tháng 12 năm 2016. Hiện có trên 1,32 triệu khách hàng cá nhân, và khoảng 17.532 khách hàng doanh nghiệp đang tin tưởng và đang sử dụng dịch vụ của Techcombank, tính đến 31 tháng 12 năm 2016. Qua hơn 23 năm hoạt động, Techcombank đã xây dựng được một thương hiệu mạnh gắn với hình ảnh một ngân hàng an toàn và có bộ máy quản trị tốt, cung cấp dịch vụ cho khách hàng với chất lượng cao. Techcombank đã nhận được nhiều giải thưởng uy tín quốc tế và trong nước:

Năm 2011, Techcombank tiếp tục khẳng định thành tích vượt bậc trong lịch sử hoạt động của mình với 16 giải thưởng quốc tế và 03 giải thưởng trong nước, “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam”, “Ngân Hàng Quản Lý Tiền Tệ Tốt Nhất Việt Nam”, “Ngân Hàng Tài Trợ Thương Mại Tốt Nhất Việt Nam” do FinanceAsia bình chọn; “Ngân Hàng Cung Cấp Dịch Vụ Ngoại Hối Tốt Nhất Việt Nam” do Asiamoney (nay là GlobalCapital) trao tặng; “Ngân Hàng Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” do The Asset trao tặng; “Top 500 Doanh Nghiệp Lớn Nhất Việt Nam” do Bộ thông tin và truyền thông bình chọn; “Giải Doanh Nghiệp Dẫn Đầu Tại Việt Nam” do World Confederation of Businesses bình chọn và nhiều giải thưởng quan trọng khác. Techcombank đã xây dựng được một thương hiệu đặc biệt vững mạnh phục vụ khách hàng cá nhân “phân khúc thu nhập cao và khá”. Đồng thời, Techcombank cũng được coi là một trong những ngân hàng hàng đầu trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam, vốn là một thị trường nằm trong chiến lược quy hoạch phát triển của Chính Phủ. Phù hợp với điều kiện tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ đang phát triển nhanh chóng khi đóng góp tới khoảng 90% tổng số doanh nghiệp toàn quốc và đóng góp khoảng 40% GDP hàng năm.

Năm 2012, tổng tài sản của Techcombank đạt mức 179.934 tỷ đồng, cao nhất trong các ngân hàng thương mại cổ phần. Ngoài ra Techcombank còn được trao tặng 20 giải thưởng quốc tế trong 02 năm bởi các tổ chức bình chọn có uy tín trong nước và quốc tế, đáng chú ý là giải thưởng Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam do tạp chí Finance Asia bình chọn.

Năm 2013, ra mắt hội sở mới ở miền Nam tại tòa nhà hạng A ngay trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện sự cam kết cung cấp sản phẩm dịch vụ tốt nhất của Techcombank. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ tại Techcombank tăng lên 1,05 triệu và được trao tặng 13 giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

Năm 2014, số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ tại Techcombank gia tăng lên gần 1,12 triệu, khách hàng doanh nghiệp đạt gần 13.361. Techcombank vẫn tiếp tục được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế trao tặng các giải thưởng danh giá như Giải Ngân hàng Thương mại Tốt nhất Việt Nam; Giải Ngân hàng Bán lẻ Tốt nhất Việt Nam; Giải Ngân hàng có Dịch vụ khách hàng Tốt nhất Việt Nam và Giải Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam. Đến cuối năm 2014 Techcombank đã nhận được tổng cộng 23 giải thưởng trong nước và quốc tế.

Techcombank chú trọng vào nhiệm vụ triển khai công nghệ mới làm nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng cho khách hàng nhanh chóng, tự động, chính xác và hiện đại. Techcombank hiện đang là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về ứng dụng công nghệ với các chiến lược và mục tiêu xác định. Công nghệ cũng được sử dụng nhằm xây dựng các công cụ kiểm soát rủi ro và quản lý tự động cho hoạt động quản trị của Techcombank. Techcombank quảng bá các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng tiên tiến về mặt công nghệ cho phân nhóm khách hàng có định hướng tại các khu vực địa lý được xác định là các khu vực mục tiêu.

Năm 2015, tổng tài sản của Techcombank đạt 191.994 tỷ đồng, đứng thứ 5 trong top các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam (không tính 4 NHTMNN lớn, kể cả các NHTMNN được cổ phần hóa mà Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối) với các giải thưởng danh giá như Giải Ngân Hàng Tốt Nhất Việt Nam; Giải Ngân Hàng Tài Trợ Thương Mại Tốt Nhất Việt Nam; Giải Ngân Hàng Quản Lý Tiền Tệ Tốt Nhất Việt Nam và Giải Ngân Hàng Cung Cấp Dịch Vụ Ngoại Hối Tốt Nhất Việt Nam do các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế trao tặng. Số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ của Techcombank tăng lên 1,21 triệu khách hàng, khách hàng doanh nghiệp là gần 16.480 khách hàng.

Năm 2015 đánh dấu cột mốc quan trọng trong công tác quản trị rủi ro của Techcombank thông qua việc thiết lập khung quản trị rủi ro toàn diện. Techcombank là một trong 10 ngân hàng được lựa chọn để triển khai và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel II và mức độ đáp ứng vốn của Techcombank được đánh giá ở mức an toàn. Techcombank cũng thiết lập mô hình Xác suất vỡ nợ (Probability of Default) được kiểm chứng độc lập và đang ngày càng được nâng cấp để tăng độ chính xác và ổn định. Cùng năm, Techcombank đã hợp tác chặt chẽ với hai công ty tư vấn có uy tín của nước ngoài là NICE và Experian để thực hiện kiểm định chất lượng của hệ thống xếp hạng tín dụng, đồng thời tiếp quản nhiều phương pháp và kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cấp năng lực quản trị rủi ro hoạt động của hệ thống.

Năm 2016**,** Techcombank vinh dự nhận giải thưởng Ngân Hàng Tốt Nhất Việt Nam từ tạp chí Alpha Southest Asia, Ngân Hàng Tốt Nhất Việt Nam từ tạp chí FinanceAsia, Ngân Hàng Cung Cấp Dịch Vụ Ngoại Hối Tốt Nhất Việt Nam 2016 từ tạp chí Global Finance, Ngân Hàng Thực Hiện Dự Án Mobile Banking Tốt Nhất Việt Nam và giải Ngân Hàng Thực Hiện Dự Án Quản Lý Nguồn Vốn Tốt Nhất Việt Nam năm 2016 từ tạp chí The Asian Banker, Ngân Hàng Nội Địa Tốt Nhất Từ tạp chí The Assets, Ngân Hàng

Quản Lý Tiền Tệ Tốt Nhất Việt Nam từ tạp chí The Corporate Treasurer. Techcombank cũng lọt vào Top 2 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam trong ngành tài chính và ngân hàng theo khảo sát Sức khoẻ thương hiệu nhà tuyển dụng Việt Nam do Anphabe và đối tác nghiên cứu thị trường Nielsen thực hiện.

Dưới đây là các mốc thời gian gắn liền với những sự kiện chính trong quá trình hình thành và phát triển của Techcombank kể từ ngày thành lập:

Năm 1993:
- Thành lập dưới hình thức là một ngân hàng thương mại cổ phần theo giấy phép thành lập và hoạt động số 0040/NH-GP do NHNN cấp ngày 06 tháng 08 năm 1993, hoạt động tại Hà Nội.

Năm 1995:
- Khai trương chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, bắt đầu việc mở rộng mạng lưới của Techcombank ra các khu vực đô thị chính.

Năm 1996:
- Tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ đồng.

Năm 1999:
- Tăng vốn điều lệ lên 80,02 tỷ đồng.

Năm 2002:
- Tăng vốn điều lệ lên 109,82 tỷ đồng.

Năm 2003:
- Triển khai thành công phần mềm Globus trên toàn hệ thống vào ngày 16 tháng 12 năm 2003.
- Tăng vốn điều lệ lên 180 tỷ đồng.
- Bắt đầu phát hành thẻ F@st Access, đây là sản phẩm thẻ ghi nợ đầu tiên của Techcombank.

Năm 2004:
- Khai trương biểu trưng mới của Techcombank.
- Tăng vốn điều lệ lên 412,7 tỷ đồng (qua 3 lần trong năm 2004).
- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000: 2000 được chứng nhận bởi BVQI: là một trong số ít ngân hàng áp dụng hệ thống này để nâng cao chất lượng hoạt động.

Năm 2005:
- Tăng vốn điều lệ lên 617,66 tỷ đồng (thông qua 4 lần phát hành cổ phiếu trong năm 2005).
- Nâng cấp hệ thống phần mềm Globus sang phiên bản mới nhất Temenos T24R05.
- Ký kết hợp đồng cổ đông chiến lược với Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải ("**HSBC**") dẫn đến việc HSBC trở thành cổ đông nắm giữ 10% vốn điều lệ của Techcombank.

Năm 2006:
- Ra mắt thẻ thanh toán quốc tế Techcombank Visa.
- Tiếp tục phát triển thêm các hệ thống CNTT với việc giới thiệu hệ thống quản lý thẻ và chuyển đổi thẻ mới sử dụng công nghệ Compass Plus; hệ thống ngân hàng lõi được nâng cấp lên phiên bản mới nhất khi đó Temenos T24R05 (Techcombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng phiên bản này).
- Lần đầu tiên được tổ chức định mức tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng tín nhiệm quốc tế và trong nước.

Năm 2007:
- Đạt được thỏa thuận với HSBC để tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của HSBC tại Techcombank từ 10% lên 15%.
- Nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi lên phiên bản T24R06.
- Là ngân hàng đầu tiên và duy nhất của Việt Nam được Financial Insights công nhận thành tựu về ứng dụng công nghệ đi đầu trong giải pháp phát triển thị trường.
- Triển khai chương trình "Khách Hàng Bí Mật" đánh giá chất lượng dịch vụ của

các giao dịch viên và điểm giao dịch của Techcombank.

Năm 2008:
- Ra mắt thẻ tín dụng Techcombank Visa Credit.
- Triển khai hàng loạt dự án hiện đại hóa công nghệ như: nâng cấp hệ thống phần mềm ngân hàng lõi lên phiên bản T24R07, gia nhập hai liên minh thẻ lớn nhất trong hệ thống thẻ ngân hàng Việt Nam là Smartlink và BankNet, kết nối hệ thống ATM với hệ thống của đối tác chiến lược HSBC, triển khai số Dịch Vụ Khách Hàng Miễn Phí (hỗ trợ 24/7) 1800 588 822.
- Thành lập các Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank AMC), Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (Techcom Securities) và Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital).
- Tăng tỷ lệ sở hữu của đối tác chiến lược HSBC từ 15% lên 20% và tăng vốn điều lệ lên 3.165 tỷ đồng.
- Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 3.642 tỷ đồng.

Năm 2009:
- Tăng vốn điều lệ lên 4.337 tỷ đồng (tháng 06/2009) và tới 5.400,42 tỷ đồng (tháng 9/2009).
- Thuê tư vấn McKinsey để xây dựng chiến lược cho Techcombank.

Năm 2010:
- Tăng vốn điều lệ lên 6.932.183.710.000 Đồng.

Năm 2011:
- Tăng vốn điều lệ lên 8.788.078.710.000 Đồng.

Năm 2012:
- Tăng vốn điều lệ lên 8.848.078.710.000 Đồng.

Năm 2013:
- Tăng vốn điều lệ lên 8.878.078.710.000 Đồng.
- Ra mắt hội sở mới tại miền Nam nằm tại trung tâm TP. HCM.

Năm 2014:
- Ra mắt ứng dụng mobile banking F@st Mobile với dịch vụ chuyển tiền qua mạng xã hội. Techcombank trở thành ngân hàng đầu tiên giới thiệu dịch vụ tân tiến này tới khách hàng, đánh dấu một bước ngoặt mới trong việc chuyển và nhận tiền cũng như thanh toán các giao dịch trực tuyến trên thị trường Việt Nam.

Năm 2015:
- Mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Hoá chất Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Kỹ Thương (TechcomFinance) (tháng 6/2015).
- Ký thoả thuận hợp tác toàn diện với Vietnam Airlines (tháng 8/2015). Thỏa thuận hợp tác toàn diện lần này là bước tiến mới trong quan hệ hợp tác sâu rộng đã có trong hơn 16 năm qua giữa hai bên. Theo đó, Vietnam Airlines và Techcombank đồng ý đẩy mạnh hợp tác toàn diện, lâu dài, có hiệu quả, cùng có lợi trên nhiều lĩnh vực và sử dụng dịch vụ của nhau, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, tạo hiệu quả kinh doanh, tăng vị thế và sức cạnh tranh của hai bên.

Năm 2016:
- Chuyển chiến lược kinh doanh từ “Sản phẩm làm trọng tâm” sang “khách hàng làm trọng tâm”.
- Tổng tài sản đạt mức 235.363 tỷ đồng, tăng 22,6% so với năm 2015.
- Được ghi nhận là “Ngân Hàng Tốt Nhất Việt Nam” do tổ chức Finance Asia bình chọn.
- Top 2 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam trong ngành tài chính và ngân hàng theo khảo sát Sức khoẻ thương hiệu nhà tuyển dụng Việt Nam do Anphabe và đối tác nghiên cứu thị trường Nielsen thực hiện.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Techcombank

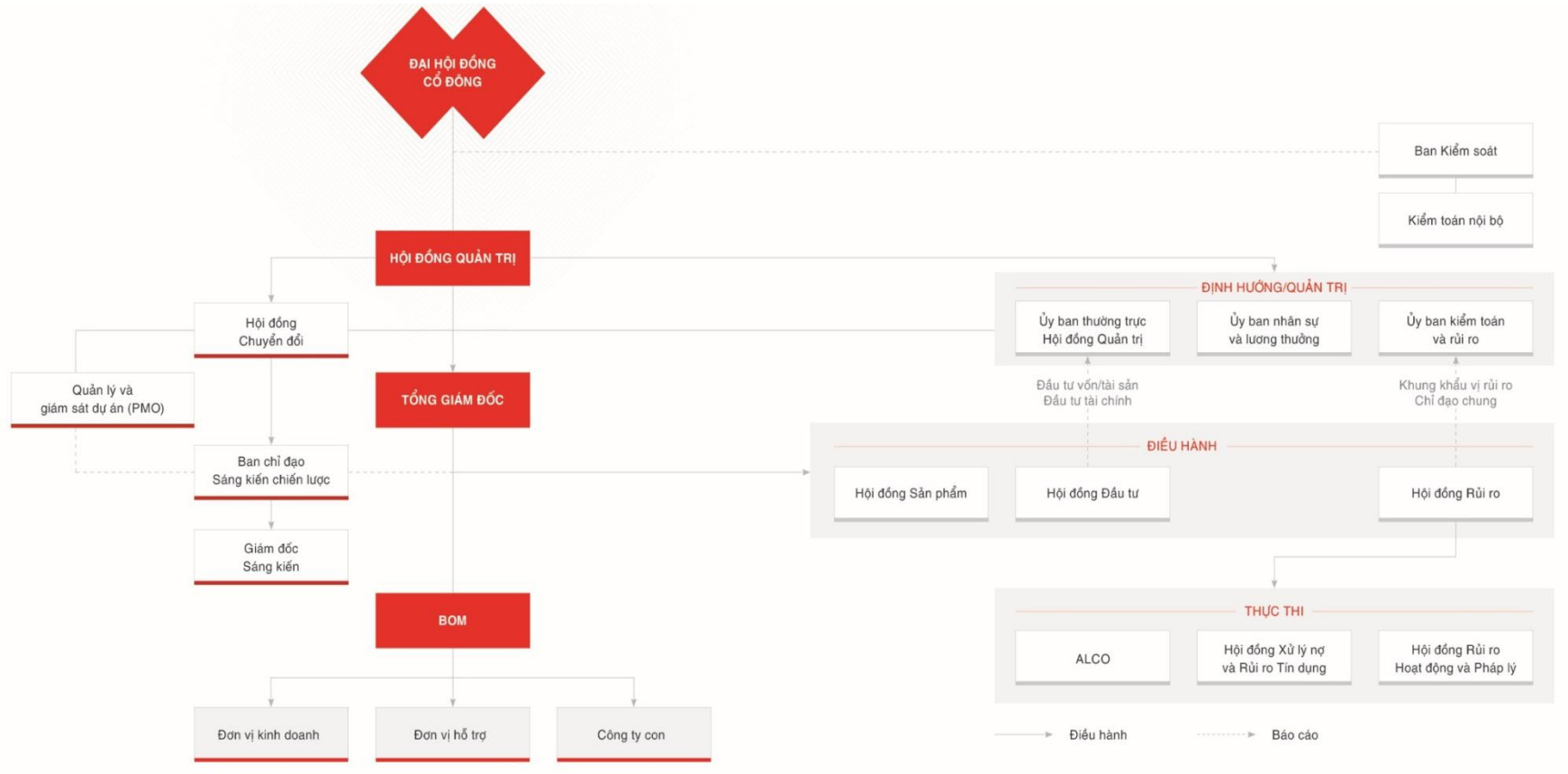

Nguồn: Techcombank

1.3. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định những vấn đề quan trọng của Techcombank theo quy định tại Luật CTCTD, Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của Techcombank, và bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT và BKS của Techcombank và thực hiện các quyền hạn khác. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ được triệu tập hàng năm chủ yếu bởi HĐQT và có thể được triệu tập bất thường trong một số trường hợp đặc biệt.

1.4. Hội đồng quản trị

HĐQT của Techcombank là cơ quan quản trị Techcombank với các thành viên được bầu bởi ĐHĐCĐ. HĐQT nhân danh Techcombank để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Techcombank thành lập 4 hội đồng/ủy ban trực thuộc HĐQT, bao gồm:

1. Ủy Ban Thường Trực Hội Đồng Quản Tri ("**UBTT HĐQT**"): UBTT HĐQT là cơ quan được HĐQT thành lập để đại diện cho HĐQT hỗ trợ Ban điều hành ra quyết định kịp thời đối với những hoạt động kinh doanh quan trọng phát sinh giữa các kỳ họp chính thức của HĐQT.
2. Ủy Ban Kiểm Toán Và Quản Tri Rủi Ro ("**ARCO**"): ARCO là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng.
3. Uỷ Ban Nhân Sự Và Lương Thưởng ("**NORCO**"): NORCO là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến nhân sự lãnh đạo cao cấp và thực hiện thông qua các nguyên tắc, chính sách và quy định nội bộ về nhân sự và lương thưởng của Techcombank theo phân công và/hoặc ủy quyền của HĐQT.
4. Hội Đồng Chuyển Đổi ("**TECO**"): TECO là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến định hướng triển khai Chương trình chuyển đổi toàn Ngân hàng.

Techcombank thành lập 3 hội đồng ở cấp Điều hành nhằm cụ thể hóa chiến lược do HĐQT ban hành thành các chính sách, khẩu vị, kế hoạch, sáng kiến… trong hoạt động của Ngân hàng, đồng thời điều hành các hoạt động ngắn hạn và quyết định các vấn đề có tầm ảnh hưởng tới toàn hàng. Các hội đồng ở cấp Điều hành của Techcombank bao gồm:

1. Hội đồng Sản phẩm: Hội đồng Sản phẩm được thành lập nhằm đưa ra quyết định liên quan đến việc phát triển sản phẩm dựa trên mức độ rủi ro, hiệu quả và chi phí đầu tư liên quan đến từng sản phẩm cụ thể. Hội đồng sản phẩm cũng chịu trách nhiệm phê duyệt, ban hành cây sản phẩm và các sản phẩm trên toàn hệ thống Techcombank.
2. Hội đồng Đầu tư: Hội đồng Đầu tư là đơn vị chịu trách nhiệm định hướng, chỉ đạo, phê duyệt các hoạt động đầu tư tài sản phi tài chính, đầu tư tài chính và đâu tư dự án theo kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời báo cáo, đề xuất điều chỉnh kế hoạch, phương án đầu tư phù hợp với tình hình thực tế và/hoặc các vấn đề phát sinh, nhằm mục tiêu đảm bảo hiệu quả của các hoạt động đầu tư của Techcombank.
3. Hội đồng Rủi ro: Hội đồng Rủi ro là đơn vị chịu trách nhiệm điều hành tất cả các vấn đề liên quan đến rủi ro, chấp nhận rủi ro trong phạm vi được phân quyền, bao gồm chính sách, chiến lược Quản trị Rủi Ro ("QTRR"), trạng thái rủi ro, khẩu vị rủi ro, khung QTRR và giới hạn rủi ro, các mô hình, quy trình, hạ tầng vận hành/hệ thống/ mô hình rủi ro của Techcombank một cách hiệu quả.

Techcombank thành lập 3 hội đồng ở cấp Thực thi nhằm triển khai, thực hiện các chính sách, khẩu vị, kế hoạch… trong hoạt động hàng ngày, quyết định các vấn đề có tầm ảnh hưởng tới đơn vị hoặc có tính chất sự vụ. Các hội đồng ở cấp Thực thi của Techcombank bao gồm:

1. Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Có ("**ALCO**"): ALCO là đầu mối phụ trách đối với các vấn đề liên quan đến việc quản trị bảng cân đối kế toán. ALCO thực hiện giám sát chặt chẽ và định hướng cho cơ cấu tài chính của Techcombank, và đồng thời là một cấu phần không thể tách rời của bộ khung tổng thể về quản trị vốn và rủi ro. Mục tiêu của ALCO là nhằm kiểm soát các rủi ro ảnh hưởng đến bảng cân đối bao gồm rủi ro thanh khoản, nguồn vốn, lãi suất và tỷ giá. ALCO đánh giá môi trường bên ngoài, nhận định xu hướng để xác định môi trường tương lai thích hợp nhất cho kế hoạch dài hạn của bảng cân đối, và xem xét các tình huống căng thẳng.
2. Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng: Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng là đơn vị được thành lập nhằm đảm bảo sự thống nhất, tập trung, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của HĐQT đối với công tác quản trị, xử lý dự phòng rủi ro tín dụng và xử lý nợ của Techcombank. Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng triển khai cơ chế tổ chức, điều hành ngân hàng hiện đại, tiên tiến theo cơ chế HĐQT phân quyền, tạo điều kiện thuận lợi, tự chủ cho từng cấp phán quyết trên cơ sở, cơ chế giám sát, báo cáo chặt chẽ với HĐQT, qua đó tăng cường và giám sát chặt chẽ công tác quản lý và xử lý rủi ro tín dụng, góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
3. Hội đồng rủi ro hoạt động và pháp lý: Hội đồng rủi ro hoạt động và pháp lý là cơ quan chuyên trách xem xét, đánh giá, xử lý các rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý trên toàn hệ thống Techcombank, đảm bảo các rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý được nhận diện, đánh giá, xử lý một cách kịp thời, nhất quán, phù hợp với các quy định pháp luật, với chính sách điều hành được đưa ra từ Hội đồng Rủi ro, với chính sách, khẩu vị và khung Quản Trị Rủi Ro Hoạt Động và pháp lý của Ngân hàng. Hội đồng rủi ro hoạt động và pháp lý đồng thời cũng định hướng hoạt động quản trị dữ liệu, bao gồm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá, giám sát và cải thiện công tác quản trị dữ liệu trong hệ thống Techcombank đảm bảo gắn liền mục tiêu quản trị dữ liệu với mục tiêu kinh doanh/tuân thủ/quản trị của hệ thống Techcombank.

1.5. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ của Techcombank bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. BKS giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật và Điều lệ Techcombank trong việc quản trị, điều hành ngân hàng Techcombank, thực hiện công việc vì lợi ích cao nhất của cổ đông của Techcombank theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Techcombank đã thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc BKS để giúp BKS triển khai chứ năng nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo tính đầy đủ, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, góp phần nâng cao năng lực hoạt động quản trị rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các tồn tại trong hoạt động của ngân hàng.

1.6. Ban điều hành

Ban Điều Hành quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Techcombank. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và thuộc danh sách dự kiến đã được Thống Đốc NHNN chấp thuận.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 21/08/2017

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	0303576603	Tầng 8, phòng 802 tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM	133.171.185	15%
Tổng cộng				**133.171.185**	**15%**

Nguồn: Techcombank

Bảng 2: Danh sách người có liên quan của Cổ đông lớn tại ngày 21/08/2017

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Danh sách người có liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan				
1	Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	Tầng 8, phòng 802 tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM	2.855.158	0,32%
2	Ông Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	B110 Bạch Đằng ,Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	11.935.866	1,34%
Tổng cộng				**14.791.024**	**1,67%**

Nguồn: Techcombank

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3. Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/07/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu			
			Số lượng hạn chế chuyển nhượng	Số lượng tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
	(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)+(4)*	*(6)*
I	**Cổ đông trong nước**	**1.480**	**164.505.332**	**549.519.834**	**714.025.166**	**80,43%**
	Cá nhân	1.456	31.334.147	376.818.383	**408.152.530**	45,97%
	Tổ chức	24	133.171.185	172.701.451	**305.872.636**	34,46%

II	**Cổ đông nước ngoài**	**1**	**0**	**172.353.345**	**172.353.345**	**19,41%**
	Cá nhân	0	0	0	0	0,00%
	Tổ chức	1	0	172.353.345	172.353.345	19,41%
III	**Công đoàn Công ty**	**1**	**0**	**1.429.360**	**1.429.360**	**0,16%**
IV	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0,00%**
Tổng cộng		**1.482**	**164.505.332**	**723.302.539**	**887.807.871**	**100%**

Nguồn: Techcombank

Lưu ý: Ngày 18/08/2017 UBCKNN đã có công văn số 5627/UBCK-QLCB về báo cáo kết quả mua lại cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, do đó cơ cấu cổ đông Techcombank tại ngày 21/08/2017 thay đổi như sau:

STT	**Đối tượng**	**Số lượng cổ phiếu**			
		Số lượng hạn chế chuyển nhượng	**Số lượng tự do chuyển nhượng**	**Tổng cộng**	**Tỷ lệ sở hữu (%)**
	(1)	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)+(4)*	*(6)*
I	**Cổ đông trong nước**	**164.505.332**	**549.519.834**	**714.025.166**	**80,43%**
II	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0	0
III	**Công đoàn Công ty**	**0**	**1.429.360**	**1.429.360**	**0,16%**
IV	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**172.353.345**	**172.353.345**	**19,41%**
Tổng cộng		**164.505.332**	**723.302.539**	**887.807.871**	**100%**

Nguồn: Techcombank

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành;

- *Danh sách những công ty mẹ của tổ chức phát hành*

  Không có.

- *Danh sách công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối*

Bảng 4: Danh sách công ty con, công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 21/08/2017

STT	Công ty con	Địa chỉ	Giấy phép hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (TechcomSecurities)	Tầng 10+21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	98/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008	Môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.	1.000	1.000	100%
2	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank AMC)	Tầng 19, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2008	Nhận và quản lý nợ chưa thanh toán và tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm, mua bán và xử lý nợ chưa thanh toán của các doanh nghiệp khác phù hợp các quy định của pháp luật.	410	410	100%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương (TechcomCapital)	Tầng 10, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng Hà Nội, Việt Nam	40/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	40	40	100%
4	Công ty Tài chính TNHH MTV Kỹ Thương (TechcomFinance)	Tầng 14, số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	340/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29/12/2008	Tài chính - Tín dụng	600	600	100%

Nguồn: Techcombank

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 5: Quá trình tăng vốn của Techcombank

Năm	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Mức vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
1993		20.000.000.000	Cổ đông sáng lập + cổ đông thường góp vốn thành lập Techcombank	NHNN
1995	31.495.000.000	51.495.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
1996	18.505.000.000	70.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
1999	10.020.000.000	80.020.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2001	5.230.000.000	85.250.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu + Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông	NHNN
2002	17.095.000.000	102.345.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu + cổ đông mới đăng ký mua cổ phần tăng vốn	NHNN
2002	2.090.000.000	104.435.000.000	Ngân hàng TMCP Nông thôn Hải Phòng sáp nhập vào Techcombank	NHNN
2002	5.385.000.000	109.820.000.000	Cổ đông thể nhân nộp tiền mua cổ phần tăng vốn	NHNN
2003	8.050.000.000	117.870.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2003	10.110.000.000	127.980.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2003	52.020.000.000	180.000.000.000	Các cổ đông pháp nhân nộp tiền mua cổ phần	NHNN
2004	22.190.000.000	202.190.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2004	31.950.000.000	234.140.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2004	18.115.000.000	252.255.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2004	7.745.000.000	260.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2004	88.705.000.000	348.705.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2004	63.995.000.000	412.700.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2005	40.375.000.000	453.075.000.000	Trích từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phát hành cổ phần thưởng cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2005	45.130.000.000	498.205.000.000	Cổ đông hiện hữu nộp tiền mua cổ phần	NHNN
2005	4.870.000.000	503.075.000.000	Cổ đông hiện hữu nộp tiền mua cổ phần	NHNN
2005	52.820.000.000	555.895.000.000	Trích từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phát hành cổ phần thưởng cho cổ đông hiện hữu	NHNN

Năm	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Mức vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2005	61.765.000.000	617.660.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC (10%)	NHNN
2006	213.235.000.000	830.895.000.000	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông	NHNN
2006	669.105.000.000	1.500.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2007	250.798.360.000	1.750.798.360.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC, tăng tỷ lệ sở hữu của HSBC lên 15% + Trích Quỹ lợi tức còn lại và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
2007	11.000.000.000	1.761.798.360.000	Phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV	
2007	759.509.590.000	2.521.307.950.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC	
2008	434.973.170.000	2.956.281.120.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 16,45% từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	NHNN, UBCKNN
2008	208.954.590.000	3.165.235.710.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC, tăng tỷ lệ sở hữu của HSBC lên 19,41%	
2008	476.779.000.000	3.642.014.710.000	Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15,06%	
2009	695.000.000.000	4.337.014.710.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ sở hữu 18,5336% từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận còn lại	NHNN, UBCKNN
2009	1.063.402.000.000	5.400.416.710.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu 24,5192% từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	
2010	1.531.767.000.000	6.932.183.710.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông với tỷ lệ 27,6231% từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận còn lại	NHNN, UBCKNN
2011	1.855.895.000.000	8.788.078.710.000	Trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối phát hành 8.000.000 cổ phiếu thưởng cho CBNV và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông theo tỷ lệ 25,6181% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	NHNN, UBCKNN
2012	60.000.000.000	8.848.078.710.000	Trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối phát hành 6.000.000 cổ phiếu thưởng cho CBNV	NHNN, UBCKNN

Năm	Giá trị vốn tăng thêm (VND)	Mức vốn điều lệ sau khi tăng (VND)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2013	30.000.000.000	8.878.078.710.000	Trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối phát hành 3.000.000 cổ phiếu thưởng cho CBNV	NHNN, UBCKNN

Nguồn: Techcombank

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty

6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ

CHỦNG LOẠI SẢN PHẨM/DỊCH VỤ

Techcombank cung cấp 03 loại dịch vụ chính là Dịch vụ Ngân hàng bán buôn, Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp và Dịch vụ Ngân hàng tài chính cá nhân.

a) Dịch vụ Ngân hàng bán buôn

14. Tổng quan

Ngân hàng bán buôn ("**WB**") đóng vai trò dẫn mối quan hệ các khách hàng lớn, trên cơ sở đó tạo nền tảng khách hàng cho các Khối Ngân hàng đầu tư, Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính, Khối Khách hàng doanh nghiệp, Khối Dịch vụ tài chính cá nhân trong hoạt động kinh doanh của Techcombank. Trong năm 2016, Khối WB tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế tín dụng phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Các kết quả trong năm 2016 đã và đang từng bước chứng minh rằng việc xây dựng một Khối WB độc lập và mạnh mẽ là một bước đi chiến lược sáng suốt của ban lãnh đạo trong mục tiêu lớn đưa Techcombank trở thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần tốt nhất Việt Nam – với mô hình kinh doanh của Khối WB phát triển với tầm cỡ khu vực Châu Á.

15. Sản phẩm dịch vụ của Khối WB

Sản phẩm và dịch vụ của Khối WB bao gồm các sản phẩm truyền thống như 1) cho vay, 2) nhận tiền gửi, và 3) các dịch vụ ngân hàng bán buôn khác như dịch vụ thanh toán quốc tế, dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro, dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh, dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản.

Ngoài ra, Khối WB tập trung vào các sản phẩm dịch vụ nhằm tăng doanh thu từ phí bao gồm: nghiệp vụ Quản lý tiền tệ, Dịch vụ tài trợ thương mại và Tài trợ chuỗi cung ứng, Dịch vụ ngân hàng điện tử; Hệ thống tài trợ chuỗi cung ứng trực tuyến – SCF (Supply Chain Financing); Các dịch vụ thu hộ tích hợp và tự động (Cash Collection Services) và các sản phẩm phái sinh (headging tỷ giá, lãi suất, hàng hóa..).

1) Sản phẩm cho vay khách hàng

Các sản phẩm cho vay khách hàng của Khối WB chủ yếu tập trung các khoản cho vay ngắn hạn và trung dài hạn**:**

- Cho vay ngắn hạn: là các khoản cho vay với kỳ hạn tối đa là một năm cho khách hàng doanh nghiệp với lãi suất hợp lý, điều kiện khoản vay linh hoạt, thủ tục đơn giản, thuận tiện. Đa số khoản vay ngắn hạn là khoản vay tài trợ vốn lưu động đáp ứng nhu cầu tài chính mang tính thời vụ hoặc cả chu kỳ kinh doanh, giúp doanh nghiệp ổn định nguồn tài chính và tăng tính chủ động trong việc lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Khối cùng triển khai mạnh

mẽ các dịch vụ bao thanh toán, tài trợ kho vận, tài trợ bên bán, sản phẩm thấu chi và tài trợ xuất, nhập khẩu.

- Khoản vay trung và dài hạn: là các khoản vay có thời hạn từ trên 1 năm, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng trong việc đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, tăng năng lực và công suất hoạt động. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay này được áp dụng theo phương thức thả nổi, cạnh tranh.

2) Sản phẩm nhận tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi đa dạng, gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn:

- Tiền gửi không kỳ hạn: tiền gửi được sử dụng linh hoạt, có thể rút tiền tại bất kỳ thời điểm nào, đảm bảo an toàn, chính xác, bảo mật. Doanh nghiệp có thể sử dụng vượt quá số dư trên tài khoản nếu tham gia sản phẩm thấu chi. Tiền gửi không kỳ hạn được thực hiện theo các loại tiền VND, USD và các ngoại tệ khác. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng huy động duy trì ở mức 33,16%, là một trong các tỷ lệ khá hiệu quả so với thị trường.
- Tiền gửi có kỳ hạn: được thực hiện dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn Khách hàng có thể lựa chọn thời hạn tiền gửi phù hợp với nhu cầu và lãi suất áp dụng, có thể là lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi, đồng thời có thể dùng làm tài sản đảm bảo vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại Techcombank hay tổ chức tín dụng khác. Tiền gửi có kỳ hạn thông thường được tự động quay vòng khi đến hạn.

3) Các dịch vụ ngân hàng bán buôn khác

- Dịch vụ thanh toán quốc tế: thư tín dụng xuất nhập khẩu, dịch vụ nhờ thu xuất nhập khẩu, nhận chuyển tiền đến; chuyển tiền ra nước ngoài; thanh toán biên mậu dành cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc.
- Dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro: giao dịch hối đoái giao ngay dành cho các doanh nghiệp có nhu cầu mua bán ngoại tệ cho hoạt động xuất nhập khẩu; giao dịch hối đoái kỳ hạn nhằm giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro về tỷ giá; giao dịch ngoại hối đoái hoán đổi; liên kết cung cấp ngoại tệ tiền mặt dành cho các tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực du lịch, xuất khẩu lao động, tư vấn du học trong việc thu mua ngoại tệ mặt và sản phẩm đại lý thu đổi ngoại tệ ủy nhiệm dành cho các tổ chức kinh tế có nguồn thu ngoại tệ.
- Dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh: Nghiệp vụ tài trợ thương mại bao gồm tài trợ xuất khẩu nông sản, tài trợ nhà phân phối, tài trợ nhà cung cấp, bao thanh toán, tài trợ dự án trọn gói. Nghiệp vụ bảo lãnh gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh phát hành, bảo lãnh đối ứng và một số loại bảo lãnh khác. Bên cạnh đó các sản phẩm tài trợ L/C và nhờ thu D/A, D/P cho các doanh nghiệp xuất khẩu với lãi suất ưu đãi và L/C trả chậm có điều khoản thanh toán ngay được đánh giá là một giải pháp hữu hiệu cho các doanh nghiệp nhập khẩu.
- Dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản: bao gồm các dịch vụ như quản lý các khoản phải chi (thanh toán bằng séc, thanh toán chuyển khoản, thanh toán trực tuyến...); quản lý các khoản phải thu (đặt quầy thu tiền tại các điểm chỉ định, thu tiền mặt qua các kênh hay thu tiền mặt tại điểm chỉ định...); quản lý thanh khoản (quản lý tài khoản tập trung, tiết kiệm online, ngân hàng trực tuyến).

16. Hoạt động năm 2016

Với mục tiêu mang đến các dịch vụ tài chính vượt trội, phù hợp nhu cầu của các Khách hàng lớn, trong năm vừa qua, Khối WB đã phối hợp chặt chẽ với các Khối kinh doanh khác trong ngân hàng như Khối Ngân hàng đầu tư, Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính, Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Khối Dịch vụ tài chính cá nhân để cung cấp giải pháp đồng bộ cho cả chuỗi giá trị của khách hàng.

Bên cạnh đó, Khối WB cũng xây dựng các chương trình gắn kết khách hàng bán buôn, đem lại giá trị gia tăng lớn cho khách hàng:

- Chương trình hợp tác toàn diện giữa Khối WB với các khách hàng đầu ngành trong đó có bất động sản, hàng không, hàng tiêu dùng, sản xuất và lắp ráp ô tô, bảo hiểm;
- Các chương trình tri ân nhiều ý nghĩa cho khách hàng như chương trình Loyalty dành cho khách hàng doanh nghiệp.

Năm 2016, Techcombank tiếp tục thực hiện định hướng phát triển Khối WB theo đúng chiến lược chung của Techcombank và lộ trình đã đề ra với hai mục tiêu chính là: đa dạng hóa cơ sở khách hàng và tăng thị phần hầu bao.

Theo đó, khách hàng luôn giữ vai trò trọng tâm và cao nhất trong mô hình hoạt động của Khối WB. Từng gói giải pháp được thiết kế chi tiết nhằm đáp ứng nhu cầu tổng quan của khách hàng. Chính sách bán hàng, chính sách giá và khẩu vị rủi ro được xây dựng phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Để làm được điều đó, Techcombank tin tưởng rằng phát triển con người, hệ thống dữ liệu, hệ thống vận hành cùng với văn hóa doanh nghiệp tạo nên nền tảng vô cùng quan trọng.

Giải pháp Ngân hàng giao dịch, một trong những lĩnh vực trọng tâm được Techcombank ưu tiên đầu tư và phát triển, tiếp tục là mũi nhọn phát triển của Techcombank trong năm 2016 và các năm tiếp theo. Các giải pháp trọn gói và đồng bộ về tài trợ thương mại, quản lý dòng tiền và tài trợ chuỗi với chất lượng cao cấp được kì vọng tạo ra bước đột phá và khác biệt trong việc cung cấp dịch vụ của Techcombank tới khách hàng.

Dựa trên nền tảng hỗ trợ vững chắc, mảng ngân hàng bán buôn cũng giữ vai trò kết nối các đơn vị kinh doanh khác của Techcombank nhằm đẩy mạnh các hoạt động bán chéo, thúc đẩy bán, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng doanh nghiệp cũng như phát huy thế mạnh của một ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, góp phần đưa Techcombank trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói và ưu việt nhất trên thị trường.

17. Định hướng phát triển

Mảng dịch vụ của Khối WB trong những năm tiếp theo sẽ tập trung phát triển vào các nhóm khách hàng bao gồm:

- Doanh nghiệp lớn và siêu lớn;
- Doanh nghiệp quy mô trung bình;
- Doanh nghiệp đa quốc gia/có vốn đầu tư nước ngoài; và
- Khách hàng định chế tài chính/các định chế tài chính phi ngân hàng.

Các nhóm khách hàng này được phân chia theo khu vực miền Bắc, Trung, Nam và theo các cụm vùng nhằm tăng cường khả năng quản lý và khai thác theo từng địa bàn. Việc xác định rõ phân khúc khách hàng và địa bàn sẽ giúp Techcombank xây dựng chiến lược phát triển Khối WB phù hợp hòa chung với chiến lược phát triển bền vững của toàn Techcombank.

Định hướng phát triển Khối WB tập trung vào các hoạt động sau:

- *Khách hàng:* Nâng cao năng lực hiểu khách hàng để hiểu về chuỗi giá trị của khách hàng. Phối hợp chặt chẽ với các Khối Ngân hàng đầu tư, Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính, Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Khối Dịch vụ tài chính cá nhân để cung cấp giải pháp tài chính đồng bộ, tổng thể cho khách hàng và cả hệ sinh thái của khách hàng.
- *Sản phẩm & Dịch vụ:* Xây dựng các chương trình kinh doanh toàn diện và tăng thị phần hầu bao (wallet share) để Techcombank trở thành ngân hàng giao dịch chính. Phát triển Ngân hàng giao dịch để tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ nhằm tăng thu nhập từ phí và tiền gửi không kỳ hạn.
- *Nguồn lực & Tổ chức:* Nâng cao năng lực của RM để họ có đủ năng lực cung cấp được các sản phẩm dịch vụ ưu việt tới khách hàng, biến Techcombank thành ngân hàng giao dịch chính của khách hàng.
- *Hệ thống vận hành:* Hoàn thiện mô hình tín dụng và quy trình tín dụng. Tăng năng suất lực lượng bán hàng và trải nghiệm của khách hàng thông qua các dịch vụ ngân hàng số.
- *QTRR:* Cải tiến chính sách tín dụng liên quan đến việc thẩm định, tài sản đảm bảo, chính sách ứng xử khác nhau đối với các phân khúc, phân nhóm khách hàng; xây dựng cơ chế phê duyệt từng phần, phê duyệt trước và phê duyệt có điều kiện.

b) Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp

18. Tổng quan

Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp là một trong các nòng cốt hoạt động kinh doanh của Techcombank. Đến hết 2016, Khối khách hàng doanh nghiệp ("**Khối BB**") đã cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khoảng 17.112 khách hàng doanh nghiệp thuộc phân khúc vừa và nhỏ. Sản phẩm và dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp của của Khối BB bao gồm 1) cho vay, 2) nhận tiền gửi, 3) các dịch vụ ngân hàng bán buôn khác như dịch vụ thanh toán quốc tế, dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro, dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh, dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản

1) Sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp

Năm 2016, tổng dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 17.364 tỷ đồng, tăng 23,87% so với năm 2015. Các sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp chính mà Khối BB đang triển khai gồm các khoản cho vay ngắn hạn, khoản cho vay trung và dài hạn:

- Cho vay ngắn hạn: là các khoản cho vay với kỳ hạn tối đa là một năm cho khách hàng doanh nghiệp với lãi suất hợp lý, điều kiện khoản vay linh hoạt, thủ tục đơn giản, thuận tiện. Đa số khoản vay ngắn hạn là khoản vay tài trợ vốn lưu động đáp ứng nhu cầu tài chính mang tính thời vụ hoặc cả chu kỳ kinh doanh, giúp doanh nghiệp ổn định nguồn tài chính và tăng tính chủ động trong việc lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Khỗi cùng triển khai mạnh mẽ các dịch vụ bao thanh toán, tài trợ kho vận, tài trợ bên bán, sản phẩm thấu chi và tài trợ xuất, nhập khẩu.
- Khoản vay trung và dài hạn: là các khoản vay có thời hạn từ trên 1 năm, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng trong việc đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, tăng năng lực và công suất hoạt động. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay này được áp dụng theo phương thức thả nổi, cạnh tranh.

2) Nhận tiền gửi

Năm 2016, tiền gửi tại khách hàng tại Khối BB là 15.938 tỷ đồng, các sản phẩm tiền gửi đa dạng, gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn:

- Tiền gửi không kỳ hạn: tiền gửi được sử dụng linh hoạt, có thể rút tiền tại bất kỳ thời điểm nào, đảm bảo an toàn, chính xác, bảo mật. Doanh nghiệp có thể sử dụng vượt quá số dư trên tài khoản nếu tham gia sản phẩm thấu chi. Tiền gửi không kỳ hạn được thực hiện theo các loại tiền VND, USD và các ngoại tệ khác. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng tiền gửi của Khối BB duy trì ở mức 66%, là một trong các tỷ lệ khá hiệu quả so với thị trường.
- Tiền gửi có kỳ hạn: được thực hiện dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn Khách hàng có thể lựa chọn thời hạn tiền gửi phù hợp với nhu cầu và lãi suất áp dụng, có thể là lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi, đồng thời có thể dùng làm tài sản đảm bảo vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại Techcombank hay tổ chức tín dụng khác. Tiền gửi có kỳ hạn thông thường được tự động quay vòng khi đến hạn.

3) Các dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp khác

- Dịch vụ thanh toán quốc tế: thư tín dụng xuất nhập khẩu, dịch vụ nhờ thu xuất nhập khẩu, nhận chuyển tiền đến; chuyển tiền ra nước ngoài; thanh toán biên mậu dành cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc.
- Dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro: giao dịch hối đoái giao ngay dành cho các doanh nghiệp có nhu cầu mua bán ngoại tệ cho hoạt động xuất nhập khẩu; giao dịch hối đoái kỳ hạn nhằm giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro về tỷ giá; giao dịch ngoại hối đoái hoán đổi; liên kết cung cấp ngoại tệ tiền mặt dành cho các tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực du lịch, xuất khẩu lao động, tư vấn du học trong việc thu mua ngoại tệ mặt và sản phẩm đại lý thu đổi ngoại tệ ủy nhiệm dành cho các tổ chức kinh tế có nguồn thu ngoại tệ.
- Dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh: Nghiệp vụ tài trợ thương mại bao gồm tài trợ xuất khẩu nông sản, tài trợ nhà phân phối, tài trợ nhà cung cấp, bao thanh toán, tài trợ dự án trọn gói. Nghiệp vụ bảo lãnh gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh phát hành, bảo lãnh đối ứng và một số loại bảo lãnh khác. Bên cạnh đó các sản phẩm tài trợ L/C và nhờ thu D/A, D/P cho các doanh nghiệp xuất khẩu với lãi suất ưu đãi và L/C trả chậm có điều khoản thanh toán ngay được đánh giá là một giải pháp hữu hiệu cho các doanh nghiệp nhập khẩu.
- Dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản: bao gồm các dịch vụ như quản lý các khoản phải chi (thanh toán bằng séc, thanh toán chuyển khoản, thanh toán trực tuyến...); quản lý các khoản phải thu (đặt quầy thu tiền tại các điểm chỉ định, thu tiền mặt qua các kênh hay thu tiền mặt tại điểm chỉ định...); quản lý thanh khoản (quản lý tài khoản tập trung, tiết kiệm online, ngân hàng trực tuyến).

19. Hoạt động của Khối Khách hàng doanh nghiệp trong năm 2016

Với mục tiêu mang đến các dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu kinh doanh thực tế của doanh nghiệp trong các ngành nghề khác nhau ở các phân khúc khác nhau, đồng thời đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững cho cả khách hàng và ngân hàng, Khối BB đã có nhiều sáng kiến tiêu biểu mang lại hiệu quả kinh doanh cho mảng khách hàng doanh nghiệp trong năm qua:

- Tái cơ cấu các bộ phận chức năng nhằm phát huy tối đa thế mạnh nguồn nhân lực: Khối BB đã tích cực xây dựng và củng cố đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, am hiểu sâu sắc về khách hàng/

thị trường trong các mảng Phân khúc khách hàng, Chính sách, Chiến lược, Marketing kinh doanh.

- Phát triển hệ thống chính sách, chương trình kinh doanh phù hợp với từng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường thông qua việc triển khai các giải pháp trọn gói, giải pháp đặc thù đáp ứng hiệu quả nhu của từng phân khúc khách hàng.
- Hoàn thiện các quy trình, chính sách nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của khách hàng và ngân hàng, giảm thời gian xử lý nghiệp vụ, trong đó có mô hình kinh doanh riêng biệt cho từng phân khúc khách hàng, mô hình xác định giá dịch vụ nhằm đảm bảo tính cạnh tranh so với thị trường. Hoàn thiện quy trình quản lý nợ, kiểm soát sau giải ngân và kiểm soát phát hành bảo lãnh, chính sách chăm sóc, ưu đãi tài chính và phi tài chính cho khách hàng doanh nghiệp thân thiết cũng như khách hàng truyền thống.
- Triển khai các công cụ quản lý chất lượng, hiệu quả bán nhằm xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp và hiểu khách hàng, bao gồm mô hình bán hàng tiêu chuẩn nhằm quản lý hoạt động và năng suất bán, mô hình tiếp thị giúp đội ngũ bán hiểu và tư vấn phù hợp với từng đối tượng khách hàng, nhằm đánh giá hiệu quả kinh doanh theo nhiều cấp độ.
- Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp thông qua các chương trình ưu đãi lãi suất VND, USD cùng với các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp liên kết với các Sở, Ban, Ngành, Hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ trên toàn quốc.

20. Định hướng kinh doanh trong các năm tới

Cùng với định hướng chung của Techcombank trong việc cung cấp các sản phẩm ưu việt, phù hợp với nhu cầu và đáp ứng kỳ vọng khách hàng, Khối BB đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thị phần, tập trung vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo sự đột phá trong những năm tiếp theo:

- *Chiến lược:* nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc cung cấp giải pháp tài chính doanh nghiệp chất lượng cao thông qua các phương pháp tiếp cận chuyên biệt với từng ngành nghề, khách hàng mục tiêu và lựa chọn chi nhánh theo tiêu chuẩn để phục vụ từng phân khúc khác nhau. Tập trung phát triển phân khúc khách hàng có doanh thu lớn hơn 200 tỷ đồng ("**USME**") và phân khúc khách hàng có doanh thu nằm trong khoảng từ 20 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng ("**SME**") có các đặc điểm: khách hàng có giá trị vòng đời cao nhất, thuộc hệ sinh thái mà Techcombank đang triển khai hoặc có nhiều lợi thế. Ưu tiên cho vay khách hàng hiện hữu và giao dịch chính với Techcombank.
- *Sản phẩm & Dịch vụ:* Xây dựng các chương trình kinh doanh toàn diện và tăng thị phần hầu bao (wallet share) để Techcombank trở thành ngân hàng giao dịch chính. Phát triển Ngân hàng giao dịch để tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ nhằm tăng thu nhập từ phí và tiền gửi không kỳ hạn.
- *Nguồn lực & Tổ chức:* Nâng cao vai trò của đội ngũ bán hàng trực tiếp theo hướng rở thành người tư vấn tài chính cho khách hàng, đồng thời chuyên môn hóa lực lượng bán hàng và kênh phân phối.
- *Hệ thống vận hành:* Xây dựng các trung tâm kinh doanh khách hàng doanh nghiệp hiệu quả. Hoàn thiện mô hình tín dụng và quy trình tín dụng. Tăng năng suất lực lượng bán hàng và trải nghiệm của khách hàng thông qua các dịch vụ ngân hàng số.

- *QTRR:* Cải tiến chính sách tín dụng liên quan đến việc thẩm định, tài sản đảm bảo, chính sách ứng xử khác nhau đối với các phân khúc, phân nhóm khách hàng; xây dựng cơ chế phê duyệt từng phần, phê duyệt trước và phê duyệt có điều kiện.

c) Dịch vụ Ngân hàng tài chính cá nhân

21. Tổng quan

Khối Dịch vụ ngân hàng và tài chính cá nhân ("**Khối PFS**") của Techcombank tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng cá nhân với số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ của Techcombank lên đến 1,32 triệu khách hàng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Sản phẩm và dịch vụ ngân hàng tài chính cá nhân của của Khối PFS bao gồm 1) sản phẩm tiết kiệm và 2) sản phẩm cho vay.

1) Sản phẩm tiết kiệm

Techcombank cung cấp cho khách hàng cá nhân một loạt sản phẩm tiết kiệm với nhiều hình thức đa dạng:

- Tài kiệm Phát Lộc;
- Tiết kiệm dài hạn:
  - Tiết kiệm Đắc Lộc;
  - Tiết kiệm Trường Lộc;
- Tiết kiệm thường;
- Tiết kiệm kết hợp với bảo hiểm:
  - Tiết kiệm An Lộc;
  - Tiết kiệm Tài Hiền;
  - Tiết kiệm Tài Tâm;
  - Superkids;
- Các loại tiền gửi khác:
  - Tiết kiệm Fast Saving;
  - Tiết kiệm Đa Lộc;

2) Sản phẩm cho vay

- Sản phẩm cho vay mua bất động sản:
  - Vay mua nhà thổ cư;
  - Vay mua nhà dự án;
- Sản phẩm cho vay mua ô tô:
  - Vay mua ô tô cũ;
  - Vay mua ô tô mới;
- Sản phẩm vay tiêu dùng thế chấp bất động sản/xây sửa nhà;
- Sản phẩm vay hộ kinh doanh;
- Sản phẩm vay tín chấp;
- Sản phẩm thẻ tín dụng;
- Sản phẩm vay du học.

Techcombank cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân thông qua hệ thống gồm 01 Hội sở chính, 02 văn phòng đại diện và 314 điểm giao dịch. Bên cạnh đó Techcombank có hệ thống ATM riêng với 1.193 máy, POS là 1.587 máy và đã tham gia liên minh thẻ, cho phép khách hàng cá nhân của Techcombank truy cập vào 17.472 máy ATM và 263.427 POS trên toàn quốc tính đến cuối năm 2016. Techcombank cũng đi tiên phong trong việc giới thiệu các kênh giao dịch điện tử, ví dụ như ngân hàng internet (internet banking) và ngân hàng di động (mobile banking), thanh toán hóa đơn và các website bán hàng trên mạng qua ngân hàng internet tại thị trường Việt Nam. Đến tháng 9 năm 2016, Techcombank miễn phí các phí giao dịch qua 2 dịch vụ Internet banking và Mobile banking).

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ truyền thống của Ngân hàng thương mại, Sản phẩm bảo hiểm trong năm 2016 phát triển mạnh với các sản phẩm liên kết với 2 đối tác Manulife và Generali, các sản phẩm tiết kiệm liên kết. Phí bảo hiểm trong năm 2016 thu được 337 tỷ phí.

22. Những thành tựu đã đạt được của Khối PFS năm 2016

Tính đến hết năm 2016, cùng với việc mở rộng cơ sở khách hàng, cải thiện hoạt động tín dụng và phát triển mạng lưới đối tác, mảng dịch vụ tài chính cá nhân đã có nhiều dấu hiệu tích cực:

- Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt mức 4.451,27 tỷ đồng, tăng 107% so với kế hoạch 2016 (4.163 tỷ đồng); tăng 33,95% so với năm 2015 (đạt 3.323 tỷ đồng);
- Doanh số cho vay đạt mức 1.893 tỷ đồng, tăng 34,26% so với năm 2015 (đạt 1.410 tỷ Đồng);
- Tỷ lệ sử dụng sản phẩm/1 khách hàng năm 2016 chiếm 3,86 sản phẩm/khách hàng tăng so với năm 2015 (tỷ lệ sử dụng sản phẩm là 3,08 sản phẩm/khách hàng);
- Huy động đạt 111.786 tỷ Đồng, tăng 10,5% so với kế hoạch 2016 (101.155 tỷ đồng); tăng 19,4% so với năm 2015 (đạt 93.597 tỷ Đồng)
- Phí hoa hồng bảo hiểm đạt 363 tỷ đồng, tăng 288% so với kế hoạch 2016 (130 tỷ đồng).

Trong năm 2016, chất lượng danh mục cho vay của Techcombank tiếp tục được cải thiện cùng với nỗ lực tối đa trong việc giảm nợ quá hạn. Thêm vào đó, nhiều quy trình nghiệp vụ, hệ thống trọng yếu cũng đã được tập trung cải tiến, cắt giảm đáng kể thời gian chờ của khách hàng đồng thời tăng năng suất của đội ngũ bán hàng. Các chương trình chăm sóc khách hàng vay liên tục được triển khai với mục đích tăng doanh số cho vay, kết hợp bán chéo/bán thêm tăng tỷ lệ sử dụng sản phẩm của khách hàng theo đúng định hướng của ngân hàng (4 sản phẩm/khách hàng); qua các chương trình chăm sóc cũng thấy được việc tri ân của Techcombank đối với các khách hàng.

23. Định hướng kinh doanh trong các năm tới

Trong các năm tới, ưu tiên của Techcombank đối với mảng bán lẻ là phát triển các kênh phân phối mới, tối ưu hóa mạng lưới bán hàng thông qua việc xây dựng chiến lược khách hàng theo phân khúc mục tiêu – trong đó cân nhắc kỹ lưỡng nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng từng phân khúc đối với các sản phẩm và dịch vụ. Với những sáng kiến trên, Techcombank tin tưởng việc hoàn thành xuất sắc mục tiêu chủ đạo là phát triển quan hệ bền chặt và lâu dài với khách hàng cũng như tăng cường mức độ gắn kết của khách hàng đối với Techcombank.

Cụ thể một số định hướng kinh doanh trong các năm tới hướng đến mục tiêu “KH là trọng tâm”:

- Với nền tảng kim chỉ nam “khách hàng là trên hết”, năm 2017 chúng tôi tiếp tục định vị các hoạt động của mình bằng các chỉ số đo lường rõ ràng về thời gian gắn bó của khách hàng, số lượng sản phẩm trên mỗi khách hàng sử dụng. Chúng tôi cũng xác định rõ các sản phẩm chính tương ứng với mỗi phân khúc và định vị sự khác biệt chúng tôi tạo ra ở mỗi sản phẩm chúng tôi cung

cấp, mỗi dịch vụ chúng tôi phục vụ khách hàng.

- Năm 2017 Techcombank sẽ tăng trưởng mạnh mẽ các hoạt động thu hút khách hàng mới cũng như giữ chân và phục vụ khách hàng cũ. Hàng loạt các cải tiến cũng sẽ được áp dụng ở các hệ thống fronline – nơi phục vụ hàng triệu khách hàng đến giao dịch hàng ngày cũng như trên các kênh thay thế như digital banking và hàng loạt mối liên kết chiến lược với các tập đoàn lớn để tạo ra hệ thống giá trị không thể copy – chúng tôi kỳ vọng rằng Techcombank sẽ ngày càng hiểu và phục vụ nhu cầu của khách hàng tốt hơn.
- Chúng tôi hướng tới trọng tâm trong việc tạo ra sản phẩm dịch vụ thẻ 2016-2020 với các tiêu chí hướng tới khách hàng ở các khía cạnh: (1) Tăng sự tiện lợi cho khách hàng; (2) Tăng sự an toàn cho khách hàng; (3) Tăng cơ hội tiết kiệm chi phí cho khách hàng và (4) Tăng sự đơn giản và dễ dàng tiếp cận dịch vụ. Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp nằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển dịch vụ thẻ và dịch vụ tài khoản thanh toán phù hợp với từng đối tượng khác hàng, tạo điều kiện cho người dân Việt Nam được tiếp cận với các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt hiện đại tạo những giá trị căn bản nhất cho người dân trong hoạt động thanh toán chi trả phục vụ kinh doanh và tiêu dùng cuộc sống.
- Techcombank hiểu rằng, chỉ có khi nào mọi lúc, mọi nơi mà chúng tôi có thể đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng thì lúc đó mục tiêu phát triển dịch vụ Digital Banking mới có thể đạt yêu cầu. Do vậy, trong các năm tới Techcombank tiếp tục đầu tư vào hệ thống công nghệ - một trong những sức mạnh cạnh tranh của chúng tôi đã được thị trường công nhận – từ các kênh giao tiếp tiện ích với khách hàng mà còn hỗ trợ trong việc ra các quyết định tức thời khi khách hàng cần và có nhu cầu được chúng tôi phục vụ.

Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng Bancasurance bằng việc hoàn thiện mô hình bán hàng và dịch vụ, tối ưu hóa các nguồn lực và quy trình bán hàng, đầu tư mạnh về công nghệ cũng như phối hợp chặt chẽ với các đối tác nhằm hiểu rõ nhu cầu khách hàng, tăng thêm các tiện ích, nâng cao chất lượng bán hàng và dịch vụ và đưa đến cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất trên thị trường.

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM DỊCH VỤ:

Techcombank hướng tới trở thành ngân hàng số một Việt Nam năm 2020 về mặt hiệu quả kinh doanh, với tốc độ tăng trưởng quy mô ấn tượng, thị phần cao, quan hệ sâu với khách hàng và được thị trường đánh giá cao với giá trị vốn hóa lớn. Để thực hiện được mục tiêu đó, chiến lược kinh doanh của Techcombank là lấy khách hàng làm trọng tâm và hoạt động dựa trên các nền tảng xuất sắc. Trong khi môi trường kinh doanh luôn thay đổi và các đối thủ cạnh tranh ngày một nhiều hơn, chiến lược này là kim chỉ nam dẫn đường giúp Techcombank vượt qua thách thức và mang lại giá trị tối đa cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cũng như tất cả đội ngũ cán bộ nhân viên của Ngân hàng.

Techcombank hiểu rằng chúng tôi chỉ có thể thành công khi khách hàng thành công. Chính vì vậy, mọi việc Techcombank làm đều hướng tới khách hàng. Tập trung xây dựng mối quan hệ thân thiết, có chiều sâu với khách hàng, đáp ứng nhu cầu khách hàng mọi lúc, mọi nơi, chiếm trọn niềm tin khách hàng trong mọi hoạt động là điều cốt lõi trong chiến lược của Techcombank. Mục tiêu chiến lược của Techcombank là tới năm 2020 có tỷ lệ nắm giữ bình quân 4 sản phẩm trên mỗi khách hàng.

Để làm được như vậy, chiến lược của Techcombank đã xác định rõ ràng 3 nền tảng cần ưu tiên hoàn thiện và vươn tới sự vượt trội là: (1) nhân sự vượt trội; (2) dữ liệu vượt trội; và (3) vận hành vượt trội. Trong đó:

- Nhân sự xuất sắc hướng tới

- Đề xuất những giá trị rõ ràng cho nhân viên trên toàn hệ thống
- Nâng cao năng lực của lực lượng kinh doanh, đội ngũ lãnh đạo và chuyên gia thông qua đào tạo và huấn luyện; và
- Thống nhất các giá trị cốt lõi và lương thưởng với chiến lược toàn ngân hàng.

- Dữ liệu xuất sắc hướng tới
  - Hiểu rõ nhu cầu của khách hàng, xác định và đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng một cách chủ động;
  - Minh bạch trong quản lý hiệu quả hoạt động; và
- Vận hành và quản trị rủi ro xuất sắc hướng tới
  - Dẫn đầu trong các chức năng tập trung hoá;
  - Dẫn đầu tỷ lệ tự động hoá cao; và
  - Dẫn đầu trong việc phát triển các kênh giao dịch điện tử thay thế từ xa.
  - Văn hóa Quản trị rủi ro thấm nhuần trong mọi tầng lớp cán bộ nhân viên trong tổ chức

Các nền tảng vững chắc này sẽ giúp Techcombank phục vụ tốt nhất và chuyên biệt hóa ba phân khúc khách hàng cốt lõi và từ đó xây dựng các mô hình kinh doanh tương ứng để dẫn dắt thay đổi đời sống tài chính bằng việc đưa đến cho họ những giải pháp tài chính toàn diện, đó là khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân. Trong đó:

- Để phục vụ khách hàng doanh nghiệp lớn, Techcombank đang xây dựng & phát triển đội ngũ phục vụ khách hàng chuyên trách chuyên trách cho khách hàng lớn hoặc những chuyên viên khách hàng ("**RM**") chuyên biệt theo ngành cho các phân khúc còn lại. Điều này có nghĩa là mỗi RM sẽ là bạn, là đối tác kinh doanh của khách hàng, không chỉ chạy theo nhu cầu khách hàng mà còn thấu hiểu môi trường kinh doanh để có thể đưa ra những tư vấn có giá trị cho khách hàng và phục vụ nhu cầu của khách hàng trên nền tảng năng lực về ngân hàng giao dịch thuận tiện, không giới hạn, ngân hàng đầu tư mạnh mẽ và hiệu quả.
- Đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, dựa trên những hiểu biết sâu sắc về nhu cầu khách hàng, hành vi và định vị giá trị, Techcombank hướng tới việc đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của khách hàng đúng thời điểm khách hàng cần bằng cách hiểu và đưa ra những đề xuất giá trị khác biệt với từng tiểu phân khúc khách hàng trọng tâm, với các gói sản phẩm và đội ngũ chuyên viên khách hàng chuyên biệt cho từng phân khúc, với dịch vụ hiệu quả để tiết kiệm thời gian và chi phí của khách hàng. Đặc biệt, mô hình phục vụ tại các trung tâm khách hàng doanh nghiệp được thiết kế riêng cho từng phân khúc kết hợp với đa dạng kênh dịch vụ sẽ là cơ sở để Techcombank gia tăng mức độ hài lòng và cải thiện độ gắn bó của các khánh hàng doanh nghiệp.
- Xây dựng mối quan hệ lâu dài, bền vững với khách hàng ở phân khúc khách hàng cá nhân để thấu hiểu và đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng là mong muốn của Techcombank. Thấu hiểu nhu cầu khách hàng, dựa vào khả năng bán chéo và giữ chân khách hàng, Techcombank sẽ làm sâu sắc mối quan hệ với khách hàng hiện hữu, đẩy mạnh mang khách hàng mới về với ngân hàng để tối đa hóa lợi ích bằng cách mang lại cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính mà họ thực sự cần thiết và có giá trị khi họ cần với chất lượng vượt trội. Techcombank cũng hiểu rằng tài chính là một phần nhu cầu trong dòng chảy cuộc sống của khách hàng cá nhân, vì vậy Techcombank đã và đang mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược để tạo ra một

hệ sinh thái đáp ứng tốt nhất nhu cầu sản phẩm, dịch vụ ưu việt và khác biệt cho khách hàng cá nhân.

6.1.2. Huy động vốn

Bảng 6: Tình hình vốn huy động của Techcombank 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017 theo loại hình

STT	Loại hình	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	*%*	*triệu đồng*	*%*	*triệu đồng*	*%*
1	Các khoản nợ và vay NHNN	-	0,00%	1.447.970	0,69%	1.000.000	0,49%
2	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	20.745.990	12,09%	24.886.126	11,80%	20.881.956	10,22%
3	Tiền gửi của khách hàng	142.239.546	82,92%	173.448.929	82,26%	172.100.212	84,24%
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	85.891	0,05%	67.892	0,03%	-	0,00%
5	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	336.421	0,20%	587.383	0,28%	-	0,00%
6	Phát hành giấy tờ có giá	8.133.896	4,74%	10.414.842	4,94%	10.320.295	5,05%
	Tổng	**171.541.744**	**100%**	**210.853.142**	**100%**	**204.302.463**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Tại thời điểm cuối năm 2016, tổng nguồn vốn huy động của Techcombank tăng trưởng mạnh, đạt 210.853 tỷ đồng, tăng 22,9% so với năm 2015. Trong đó nguồn vốn huy động chính từ tiền gửi của khách hàng với tỷ lệ trên tông vốn huy động từ 82%-83% hàng năm. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác chiếm khoảng 12% trong tổng vốn huy động. Các hình thức huy động vốn khác chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng vốn huy động.

6 tháng đầu năm 2017 tổng vốn huy động của Techcombank đạt 204.302 tỷ đồng bằng 97,9% cả năm 2016. Trong đó, nguồn huy động chủ yếu vẫn từ tiền gửi của khách hàng (84%).

Techcombank huy động 99% tiền gửi của khách hàng từ nguồn vốn trong nước, chủ yếu 65% là cá nhân và 35% là từ các tổ chức kinh tế, đặc biệt là từ công ty TNHH và các công ty cổ phần.

Bảng 7: Tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước và nước ngoài của Techcombank 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017

STT	Đối tượng	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	*%*	*triệu đồng*	*%*	*triệu đồng*	*%*
1	Trong nước	170.320.377	99,15%	208.663.796	98,96%	203.474.941	99,59%
2	Ngoài nước	1.464.958	0,85%	2.189.346	1,04%	827.522	0,41%
	Tổng	**171.541.744**	**100%**	**210.853.142**	**100%**	**204.302.463**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Techcombank phân chia quản lý khách hàng theo 3 loại hình chính bao gồm: khối Ngân hàng bán buôn, khối Ngân hàng doanh nghiệp và khối Ngân hàng tài chính cá nhân. Cả 3 khối này đều có các loại hình tiền gửi đa dạng khác nhau như không kỳ hạn, có kỳ hạn và tiền ký quỹ. Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn có tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng với 72%, tiền gửi không kỳ hạn chỉ chiếm từ trên 18% - 20% trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng.

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình năm 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017

STT	Loại hình tiền gửi	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	*%*	*triệu đồng*	*%*	*triệu đồng*	*%*
I	**Tiền gửi không kỳ hạn**	**26.787.141**	**18,83%**	**35.826.887**	**20,66%**	**31.934.909**	**18,56%**
1	Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	23.861.243	16,78%	31.030.697	17,89%	27.827.706	16,17%
2	Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.925.898	2,06%	4.796.190	2,77%	4.107.203	2,39%
II	**Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn**	**112.902.604**	**79,37%**	**134.053.365**	**77,29%**	**136.809.785**	**79,49%**
1	Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	102.664.274	72,18%	125.958.279	72,62%	128.231.270	74,51%
2	Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	10.238.330	7,20%	8.095.086	4,67%	8.578.515	4,98%
III	**Tiền ký quỹ**	**2.549.801**	**1,79%**	**3.568.677**	**2,06%**	**3.355.518**	**1,95%**
1	Tiền gửi ký quỹ bằng VND	2.049.976	1,44%	3.405.369	1,96%	3.211.261	1,87%
2	Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	499.825	0,35%	163.308	0,09%	144.257	0,08%
	Tổng cộng	**142.239.546**	**100%**	**173.448.929**	**100%**	**172.100.212**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

6.1.3. Hoạt động tín dụng

Đến 31/12/2016, dư nợ cho vay khách hàng của Techcombank đạt 142.616 tỷ đồng, tăng 27,7% so với năm 2015.

Danh mục tín dụng của Techcombank luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi Khối quản trị rủi ro và dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong qui trình; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn. Nhờ đó mặc dù số dư nợ tăng trưởng nhanh, Techcombank vẫn kiểm soát tốt các khoản nợ quá hạn nợ xấu được thể hiện bằng tỷ lệ nợ nhóm 3-5 đã giảm từ 1,67% năm 2015 xuống 1,57% năm 2016. Đồng thời, Techcombank tiếp tục trích lập lượng lớn dự phòng rủi ro để gia tăng tỷ lệ thu hồi vốn (lên 66,57% đến cuối năm 2016).

Đến 30/6/2017, tổng dư nợ cho vay khách hàng của Techcombank là 131.884 tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ của năm 2016. Mức dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cũng tăng theo đó nhưng vẫn tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và nằm trong mức kiểm soát rủi ro của Techcombank.

Bảng 9: Hoạt động tín dụng của Techcombank 2015, 2016 và 06 tháng đầu năm 2017

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
1	Tổng dư nợ cho vay	112.179.889	142.616.004	131.884.341
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.167.241)	(1.495.475)	(1.725.610)
3	Dự nợ cho vay thuần	111.012.648	141.120.529	130.158.731
4	Dư nợ cho vay/Nguồn vốn huy động	64,71%	66,93%	63,71%
5	Dư nợ cho vay/Tổng tài sản	57,82%	59,96%	56,02%
6	Tỷ lệ nợ quá hạn	1,67%	1,57%	2,06%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Dư nợ cho vay theo loại hình

Bảng 10: Dư nợ theo thời gian cho vay gốc năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Loại hình cho vay	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
1	Nợ ngắn hạn	30.492.970	27,18%	35.884.319	25,16%	32.455.820	24,61%
2	Nợ trung hạn	45.690.256	40,73%	62.492.501	43.82%	52.626.807	39,90%
3	Nợ dài hạn	35.996.663	32,09%	44.239.184	31.02%	46.801.714	35,49%
	Tổng	**112.179.889**	**100%**	**142.616.004**	**100%**	**131.884.341**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Khoản vay trung hạn có tỷ trọng lớn nhất trong các loại vay với trên 40% tổng dư nợ cho vay khách hàng. Nợ dài hạn đứng thứ hai với 30% tỷ trọng trong tổng dư nợ. Bằng các biện pháp quản trị rủi ro đa dạng và quy chuẩn, Techcombank đang giữ vững cân đối tỷ lệ nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời kiểm soát tốt rủi ro tín dụng của Ngân hàng.

Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Ngành nghề	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
I	**Cho vay các tổ chức kinh tế**	**62.056.029**	**55,32%**	**80.972.179**	**56,78%**	**72.329.700**	**54,84%**
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	172.336	0,15%	66.167	0,05%	80.936	0,06%
2	Khai khoáng	2.234.085	1,99%	1.528.042	1,07%	914.623	0,69%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	13.317.353	11,87%	16.793.775	11,78%	15.405.338	11,68%

STT	Ngành nghề	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.030.914	0,92%	1.270.437	0,89%	1.502.091	1,14%
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	67.045	0,06%	24.549	0,02%	36.732	0,03%
6	Xây dựng	4.542.728	4,05%	7.329.029	5,14%	7.921.093	6,01%
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa môtô, ôtô, xe máy và xe có động cơ khác	8.395.698	7,48%	10.798.437	7,57%	9.907.111	7,51%
8	Vận tải kho bãi	7.096.432	6,33%	6.045.594	4,24%	4.398.072	3,33%
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	236.939	0,21%	2.370.756	1,66%	1.633.048	1,24%
10	Thông tin và truyền thông	1.799.047	1,60%	894.777	0,63%	1.451.907	1,10%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.849.102	1,65%	3.911.569	2,74%	5.091.500	3,86%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.579.947	15,68%	24.182.046	16,96%	18.020.968	13,66%
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	66.708	0,06%	161.191	0,11%	159.137	0,12%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	382.823	0,34%	462.050	0,32%	446.836	0,34%
15	Hoạt động của Đảng cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Quản lý Nhà nước, An ninh Quốc phòng; Bảo hiểm Xã hội bắt buộc	1.200	0,00%	-	0,00%	2.653	0,00%
16	Giáo dục và đào tạo	47.336	0,04%	31.624	0,02%	76.631	0,06%
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	74.458	0,07%	97.574	0,07%	73.361	0,06%

STT	Ngành nghề	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	47.039	0,04%	80.563	0,06%	49.407	0,04%
19	Hoạt động dịch vụ khác	1.366.745	1,22%	4.285.579	3,00%	4.958.473	3,76%
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	1.748.094	1,56%	638.420	0,45%	199.783	0,15%
II	**Cho vay cá nhân**	**50.123.860**	**44,68%**	**61.643.825**	**43,22%**	**59.554.641**	**45,16%**
Tổng cộng		**112.179.889**	**100%**	**142.616.004**	**100%**	**131.884.341**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Cho vay các tổ chức kinh tế, với trên 55% dư nợ cho vay hàng năm đạt 80.972 tỷ đồng năm 2016, luôn có tỷ trọng cao hơn so với cho vay cá nhân (45% hàng năm). Cho vay cá nhân cũng tăng trưởng đều cùng với tổng dư nợ và đạt 61.644 tỷ đồng năm 2016 và đạt mức đáng ghi nhận 59.554 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2017.

Các món cho vay các tổ chức kinh tế liên quan đến hoạt động Công nghiệp chế biến, chế tạo; kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong dư nợ cho vay cả hai năm 2015 và 2016 (lần lượt là gần 12% và 16-17%). Hoạt động Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa môtô, ôtô, xe máy là hai nhóm có tỷ trọng cao thứ hai với tỷ trọng trong tổng dư nợ cho vay từ 4% đến 7%. Các ngành và lĩnh vực khác có tỷ trọng nhỏ nhưng vẫn đủ để hoài hòa giữa các ngành trong nền kinh tế. Trong tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp, công ty TNHH và công ty cổ phần có tỷ trọng cao nhất lần lượt là 22% và 28% trong năm 2016, 20% và 29% trong 6 tháng đầu năm 2017.

Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp

Bảng 12: Dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Ngành nghề	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
I	**Cho vay các tổ chức kinh tế**	**62.056.029**	**55,32%**	**80.972.179**	**56,78%**	**72.329.700**	**54,84%**
1	Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước	3.883.063	3,46%	3.795.377	2,66%	3.146.792	2,39%
2	Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	35.341.185	31,50%	32.321.234	22,66%	26.926.807	20,42%
3	Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước	566.505	0,50%	283.305	0,20%	587.931	0,45%

STT	Ngành nghề	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
4	Công ty cổ phần khác	20.183.279	18,00%	41.220.658	28,91%	38.666.321	29,32%
5	Doanh nghiệp tư nhân	903.358	0,81%	881.741	0,62%	488.812	0,37%
6	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	760.975	0,68%	1.701.518	1,19%	1.835.597	1,39%
7	Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	90.141	0,08%	31.547	0,02%	27.339	0,02%
8	Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	166.913	0,15%	422.558	0,30%	517.385	0,39%
9	Khác	160.610	0,14%	314.241	0,22%	132.716	0,10%
II	**Cho vay cá nhân**	**50.123.860**	**44,68%**	**61.643.825**	**43,22%**	**59.554.641**	**45,16%**
Tổng cộng		**112.179.889**	**100%**	**142.616.004**	**100%**	**131.884.341**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

- **Dư nợ cho vay theo nhóm nợ**

Bảng 13: Phân tích chất lượng nợ cho vay theo nhóm nợ năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Nhóm nợ	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017		Tỷ lệ dự phòng rủi ro
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%	
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	108.565.644	96,78%	138.203.644	96,91%	126.281.575	95,75%	0%
2	Nợ cần chú ý	1.750.539	1,56%	2.166.056	1,52%	2.886.631	2,19%	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	309.301	0,28%	396.736	0,28%	408.638	0,31%	20%
4	Nợ nghi ngờ	537.739	0,48%	474.551	0,33%	779.510	0,59%	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	1.016.666	0,91%	1.375.017	0,96%	1.527.987	1,16%	100%
	Tổng	**112.179.889**	**100%**	**142.616.004**	**100%**	**131.884.341**	**100%**	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Chính sách của Techcombank là luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của NHNN. Trước ngày 1/6/2014, Techcombank tuân thủ tiêu chuẩn phân loại và trích lập dự phòng rủi ro được quy định tại Quyết Định số 493/2005/QĐ-NHNN (NHNN ban hành ngày 22/04/2005) (đã được sửa đổi theo Quyết Định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007) để phân loại nợ thành nhiều nhóm khác nhau dựa trên số ngày quá hạn của nợ đã đến hạn thanh toán.

Từ ngày 1/6/2014, Techcombank phân loại khoản cho vay khách hàng theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02.

Các khoản dư nợ thuộc Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) luôn giữ vững ở mức từ 96% - 97% trong tổng dư nợ, đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng theo các quy định của NHNN và quy định nội bộ của Techcombank. Các khoản nợ có chất lượng kém chỉ có tỷ trọng nhỏ (từ trên 0,3% - 1,5% trong tổng dư nợ hàng năm.

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Bảng 14: Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
1	Dự phòng chung	756.015	1.001.355	978.457
2	Dự phòng cụ thể	411.226	494.120	747.153
	Tổng	**1.167.241**	**1.495.475**	**1.725.610**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của Techcombank được tính phù hợp với quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật có liên quan. CAR của Techcombank tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 ổn định ở mức 13,12% và tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 là 14,61%. Tỷ lệ này của Techcombank cao hơn mức tối thiểu 9% do Ngân Hàng Thanh Toán Quốc Tế theo Công ước Basel đề xuất và theo yêu cầu của NHNN.

Bảng dưới đây minh họa phương pháp mà Techcombank sử dụng để tính CAR tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017:

Bảng 15: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại 30/6/2017

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số liệu thực hiện
Vốn tự có	**27.004.760**
Vốn cấp 1	17.856.853
Vốn cấp 2	9.147.908
Các khoản phải trừ khi tính vốn tự có	-
Tổng tài sản "Có" rủi ro	**184.879.412**
Tổng giá trị tài sản "Có" xác định theo mức độ rủi ro	176.504.390
Tài sản "Có" có hệ số rủi ro bằng 0%	-
Tài sản "Có" có hệ số rủi ro bằng 20%	4.815.136
Tài sản "Có" có hệ số rủi ro bằng 50%	8.240.461
Tài sản "Có" có hệ số rủi ro bằng 100%	97.642.358
Tài sản "Có" có hệ số rủi ro bằng 150%	1.521.749

Tài sản "Có" có hệ số rủi ro bằng 250%	64.284.685
Tổng giá trị tài sản "Có" tương ứng của cam kết ngoại bảng xác định theo mức độ rủi ro	8.375.022
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (%)	**14,61%**

Nguồn: Techcombank

Techcombank đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất sau khi mua lại 172.353.345 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ tính cao hơn mức tối thiểu 9% theo quy định.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Kinh doanh ngoại tệ phục vụ khách hàng doanh nghiệp

Chất lượng dịch vụ

Mặc dù thị trường ngoại hối trong những năm qua cạnh tranh vô cùng khốc liệt, Techcombank vẫn duy trì được chất lượng dịch vụ tốt nhất trong việc phục vụ khách hàng

- Mạng lưới chi nhánh rộng lớn với 314 điểm giao dịch, chi nhánh;
- Dịch vụ ngoại hối đơn giản, nhanh chóng và an toàn tuyệt đối;
- Đảm bảo những giải pháp tài chính ưu việt phù hợp chính xác với nhu cầu giao dịch ngoại hối của khách hàng
- Đội ngũ giao dịch viên ngoại hối năng động, chuyên nghiệp với hai kênh chuyên biệt phục vụ khách hàng:
  - Kinh doanh và phân phối kênh chi nhánh: phục vụ khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng bán lẻ; đồng thời triển khai các chương trình bán sản phẩm ngoại hối trên toàn hệ thống;
  - Kinh doanh và sản phẩm cấu trúc: trực tiếp phục vụ khách hàng doanh nghiệp lớn;
- Nhóm phân tích thị trường với kỹ năng chuyên sâu về phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, cung cấp các bản tin ngoại hối hàng ngày đến khách hàng.
- Sản phẩm và dịch vụ ngoại hối đa dạng, đáp ứng được tất cả các nhu cầu của khách hàng. Techcombank hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên phát triển các giải pháp tài chính ngoại hối phái sinh giúp khách hàng kiểm soát rủi ro tránh được sự biến động không mong muốn của tỷ giá ngoại tệ.

Cơ sở dữ liệu khách hàng

Từ năm 2009 đến năm 2016, cơ sở dữ liệu khách hàng có tốc độ tăng trưởng đột phá. Lượng khách hàng mới hàng năm đạt mức đột biến lên con số 1.258 khách hàng năm 2016, gấp 3,67 lượng khách mới của năm 2009 và 1,27 lần lượng khách hàng mới của năm 2015. Số lượng doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ ngoại hối năm 2016 đạt 6.476 khách hàng, tăng 173% so với năm 2009.

Hình 2: Số khách hàng mới hàng năm từ 2009 đến 2016

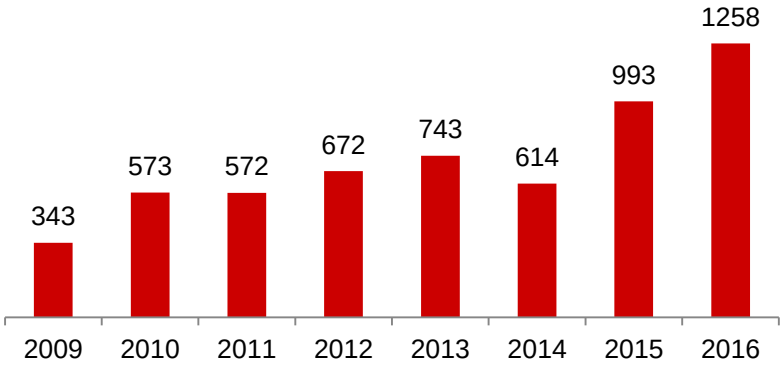

Nguồn: Techcombank

Hình 3: Số doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ngoại hối từ 2009 đến 2016

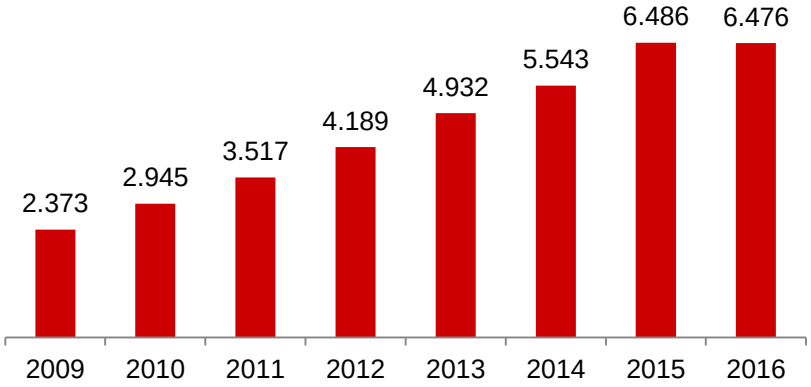

Nguồn: Techcombank

Khối lượng giao dịch ngoại hối

Năm 2016, tổng khối lượng các giao dịch ngoại hối với khách hàng doanh nghiệp và các định chế tài chính phi ngân hàng so với năm 2009 đạt mức tăng ấn tượng 271%, lên 14,18 tỷ USD tương đương. Techcombank vẫn duy trì vị trí top 4 các ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại hối cao nhất.

Sự tích cực của Techcombank trong việc cung cấp tới khách hàng những giải pháp phù hợp và sự năng động trên thị trường góp phần vào sự phát triển của thị trường ngoại hối tại Việt Nam, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế. Thị trường ngoại hối sẽ trở nên cởi mở hơn với những sản phẩm tài chính sáng tạo có thể được giao dịch và cung ứng tới khách hàng. Techcombank sẽ trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên trên thị trường cung ứng giải pháp tới khách hàng và thanh khoản tới toàn thị trường.

- **Kinh doanh ngoại tệ phục vụ khách hàng định chế tài chính**

Mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, các quỹ đầu tư và các đinh chế tài chính phi ngân hàng khác là chìa khóa cho tham vọng đưa Techcombank trở thành nhà tạo lập thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam.

Hiện nay Techcombank đã thiết lập quan hệ giao dịch ngoại hối với hầu hết các ngân hàng, các quỹ đầu tư và công ty bảo hiểm hoạt động tại thị trường Việt Nam, đáp ứng nhu cầu quy đổi ngoại tệ cho các tổ

chức này. Trong giai đoạn từ 2009 đến 2016, tổng khối lượng giao dịch ngoại hối của Techcombank trên thị trường liên ngân hàng tăng trưởng ngoạn mục từ mức 3,97 tỷ USD lên tới 48,83 tỷ USD, góp phần giúp Techcombank trở thành ngân hàng tăng trưởng nhanh nhất về khối lượng giao dịch ngoại hối liên ngân hàng. Techcombank thường xuyên được xếp vào top những ngân hàng giao dịch tich cực nhất trên thị trường ngoại hối liên ngân hàng, dù quy mô tổng tài sản tương đối nhỏ so với một số ngân hàng quốc doanh. Techcombank cũng là ngân hàng tiên phong và dẫn đầu thị trường trong việc tạo lập thị trường cho những sản phẩm phái sinh ngoại hối và lãi suất. Một trong những thành tựu sáng giá nhất trong năm 2016 của Techcombank trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối là việc thực hiện thành công giao dịch ngoại hối với giá trị xấp xỉ 1 tỷ USD, lớn nhất trong lịch sử của thị trường tài chính Việt Nam.

Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán trong nước

Techcombank cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, hệ thống ATM, POS, kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng ("**Citad**") và các kênh thanh toán thoả thuận song phương với các ngân hàng khác. Trong đó thanh toán điện tử là kênh thanh toán chính tại Techcombank. Các năm qua hệ thống thanh toán điện tử của Techcombank luôn được vận hành ổn định, hầu như không xảy ra lỗi ảnh hưởng tới giao dịch. Cục Công nghệ NHNN luôn có trách nhiệm và hỗ trợ nhiệt tình Techcombank trong việc xử lý các giao dịch chuyển tiền qua hệ thống Citad, đảm bảo chất lượng thanh toán của Techcombank được duy trì ổn định. Bên cạnh đó, các kênh thanh toán song phương VCB-Money của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("**VCB-Money**") và kênh thanh toán song phương giữa Techcombank và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("**BIDV-TCB**") luôn được tận dụng tối đa nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng cũng như nội bộ Techcombank.

Tình hình và kết quả hoạt động năm 2015, 2016 và 6 tháng năm 2017

Bảng 16: Giao dịch đi của Dịch vụ thanh toán trong nước năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: món/triệu đồng

Kênh thanh toán	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng năm 2017	
	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số
Citad	2.279.175	1.357.102.189	3.528.689	1.751.779.168	3.100.200	1.045.417.820
BIDV-TCB	344.186	138.841.647	493.6	206.362.785	295.615	115.851.734
VCB-Money	13.529	493.529.974	13.149	587.582.277	5.895	283.144.429
Tổng	**2.636.890**	**1.989.473.810**	**3.541.838**	**2.545.724.230**	**3.401.710**	**1.444.413.983**

Nguồn: Techcombank

Bảng 17: Giao dịch đến của Dịch vụ thanh toán trong nước năm 2015, 2016 và 6 tháng năm 2017

Đơn vị: món/triệu đồng

Kênh thanh toán	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng năm 2017	
	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số

Citad	3.259.532	1.305.301.918	4.249.157	1.733.045.442	2.566.243	1.048.815.555
BIDV-TCB	396.673	138.647.100	475.66	206.288.773	284.859	115.784.021
VCB-Money	16.658	497.840.040	19.863	590.329.006	10.994	286.272.554
Tổng	**3.672.863**	**1.941.789.058**	**4.269.020**	**2.529.663.221**	**2.862.096**	**1.450.872.130**

Nguồn: Techcombank

- **Dịch vụ thanh toán quốc tế**

Trong những năm gần đây, hoạt động thanh toán quốc tế tại Techcombank luôn được coi là một thế mạnh và tăng trưởng ổn định qua các năm kể cả về doanh số và số lượng giao dịch. Chi tiết về doanh số thanh toán quốc tế qua hệ thống SWIFT các năm 2015-2016 như sau:

Bảng 18: Giao dịch đi của Dịch vụ thanh toán quốc tế năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: món/triệu đồng

	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng năm 2017	
Kênh thanh toán	**Số món**	**Trị giá**	**Số món**	**Trị giá**	**Số món**	**Trị giá**
Chuyển tiền TTR	62.780	101.440.549	65.654	103.663.153	34.194	54.684.024
Thanh toán theo phương thức LC/DP	8.573	27.829.464	9.122	33.280.410	4.318	20.262.557
Tổng	**71.353**	**129.270.013**	**74.776**	**136.943.563**	**38.512**	**74.946.581**

Nguồn: Techcombank

Techcombank cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho các cá nhân và tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ… qua hệ thống Swift bao gồm 2 kênh thanh toán là chuyển tiền TTR và thanh toán theo phương thức LC/DP. Chuyển tiền TTR có số lượng giao dịch đi và giá trị lớn nhất với trên 60 nghìn món/năm và giá trị giao dịch hàng năm trên 100 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó thanh toán theo phương thức LC/DP đạt 8-9 nghìn món/năm với tổng giá trị giao dịch khoảng trên dưới 30 nghìn tỷ đồng.

Bảng 19: Giao dịch đến của Dịch vụ thanh toán quốc tế năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: món/triệu đồng

	Năm 2015		Năm 2016		6 tháng năm 2017	
Kênh thanh toán	**Số món**	**Trị giá**	**Số món**	**Trị giá**	**Số món**	**Trị giá**
Chuyển tiền TTR	62.301	57.406.945	75.666	74.438.563	33.925	40.630.899
Thanh toán theo phương thức LC/DP	3.240	7.853.210	3.699	9.454.607	1.623	5.161.139
Tổng	**65.541**	**65.260.155**	**79.365**	**83.893.170**	**35.548**	**45.792.038**

Nguồn: Techcombank

Giao dịch thanh toán quốc tế đến Techcombank ít hơn giao dịch đi với lượng giao dịch chuyển tiền TTR đạt khoảng 60 - 70 nghìn món (60-75 nghìn tỷ đồng) hàng năm và số lượng giao dịch thanh toán theo phương thức LC/DP chỉ đạt hơn 3 -4 nghìn món/năm tương đương với 8-9 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra Techcombank còn cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho khách hàng cá nhân thông qua dịch vụ Western Union. Doanh số thanh toán qua dịch vụ Western Union các năm 2015-2016 như sau:

Bảng 20: Doanh số thanh toán qua dịch vụ Western Union năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị: USD

Doanh số	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng năm 2017
Nhận tiền	26.191.402	25.441.395	10.379.462
Chuyển tiền	1.175.033	1.013.446	368.449
Tổng	**27.366.435**	**26.454.841**	**10.747.911**

Nguồn: Techcombank

6.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện nay, Techcombank duy trì 44 tài khoản với các loại ngoại tệ khác nhau như USD, EUR, JPY, SGD, CHF, GBP, AUD, THB, HKD, CNY tại các Ngân hàng có mạng lưới toàn cầu như Standard Charter Bank, Citibank, Wells Fargo, JP Morgan Chase, BNY Mellon, SMBC, BNP Paribas, Natixis, HSBC, Deutsche Bank, Commerzbank, Unicredit ING, ANZ, UOVB, Commonwealth….

Đồng thời, Techcombank cũng thiết lập quan hệ đại lý với trên 800 ngân hàng và các chi nhánh của họ trên toàn thế giới. Đến quý 31 tháng 12 năm 2016, Techcombank đã thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế với các ngân hàng tại 112 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nhờ mạng lưới ngân hàng đại lý rộng, Techcombank luôn là ngân hàng hàng đầu về dịch vụ chuyển tiền và tài trợ thương mại tại Việt Nam với rất nhiều giải thưởng uy tín do các tổ chức uy tín và ngân hàng đại lý trao tặng như:

- Giải thưởng Ngân hàng tài trợ thương mại nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Asian Banking&Finance trao tặng;
- Giải thưởng Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam 2007-2016 do Alpha Southest Asia trao tặng; và
- Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ điện đạt chuẩn cao nhất trong suốt hơn 10 năm qua do Standard Charter Bank, Citibank, Wells Fargo, JP Morgan Chase, BNY Mellon, HSBC trao tặng.

6.1.6. Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn

Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn

Techcombank sử dụng trên 45 nghìn tỷ đồng hàng năm để đầu tư chứng khoán, mang lại khoản lãi thuần mua bán chứng khoán đầu tư năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 lần lượt là 481 tỷ đồng và 549 tỷ đồng.

Hoạt động chứng khoán kinh doanh được đầu tư năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 trên 8 nghìn tỷ đồng mang lại khoản lãi lần lượt 125 tỷ đồng năm 2016 và 279,6 tỷ 6 tháng đầu năm 2017 đồng.

Ngoài ra, Techcombank còn góp vốn đầu tư dài hạn vào các công ty với tổng giá trị gần 600 tỷ đồng năm 2015 và 2016. Đáng chú ý là đầu năm 2017, Techcombank đã thoái vốn thành công tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam và giảm khoản góp vốn, đầu tư dài hạn xuống còn hơn 7 tỷ đồng tại 30/06/2017.

Bảng 21: Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
1	Chứng khoán kinh doanh	1.875.993	8.024.620	8.226.308
2	Chứng khoán đầu tư	45.017.189	45.674.924	48.199.282
3	Góp vốn, đầu tư dài hạn	597.151	577.746	7.355
	Tổng cộng	**47.490.333**	**54.277.290**	**56.432.945**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Bảng 22: Chứng khoán kinh doanh năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Loại chứng khoán	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
I	**Chứng khoán Nợ**	**1.842.845**	**98,23%**	**8.035.905**	**100,14%**	**8.233.111**	**100,08%**
1	Trái phiếu Chính phủ	-	0,00%	5.823.972	72,58%	6.852.822	83,30%
2	Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	104.413	5,57%	960.155	11,97%	734.889	8,93%
3	Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1.738.432	92,67%	1.251.778	15,60%	645.400	7,85%
II	**Chứng khoán Vốn**	**42.253**	**2,25%**	**-**	**0,00%**	**-**	**0,00%**
1	Cổ phiếu do các TCTD trong nước phát hành	42.253	2,25%	-	0,00%	-	0,00%
2	Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành		0,00%	-	0,00%	-	0,00%
III	**Dự phòng chứng khoán kinh doanh**	**(9.105)**	**-0,49%**	**(11.285)**	**-0,14%**	**(6.803)**	**-0,08%**
	Tổng cộng	**1.875.993**	**100%**	**8.024.620**	**100%**	**8.226.308**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bảng 23: Chứng khoán đầu tư năm 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

STT	Loại chứng khoán	31/12/2015		31/12/2016		30/06/2017	
		triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
I	**Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**	**39.243.607**	**87,17%**	**38.575.369**	**84,46%**	**40.698.747**	**39.243.607**

1	Chứng khoán Nợ	39.138.605	86,94%	38.428.116	84,13%	40.552.944	39.138.605
2	Chứng khoán Vốn	105.002	0,23%	147.253	0,32%	145.803	105.002
II	**Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**	**6.902.350**	**15,33%**	**8.560.113**	**18,74%**	**7.636.755**	**6.902.350**
1	Trái phiếu đặc biệt VAMC	3.741.995	8,31%	2.922.058	6,40%	-	3.741.995
2	Chứng khoán nợ khác	3.160.355	7,02%	5.638.055	12,34%	7.636.755	3.160.355
III	**Dự phòng chứng khoán đầu tư**	**(1.128.768)**	-2,51%	**(1.460.558)**	-3,20%	**(136.220)**	**(1.128.768)**
	Tổng cộng	**45.017.189**	**100%**	**45.674.924**	**100%**	**48.199.282**	**45.017.189**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

Bảng 24: Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
1	Đầu tư dài hạn khác	601.230	582.672	12.384
2	Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	(4.079)	(4.926)	(5.029)
	Tổng	**597.151**	**577.746**	**7.355**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank

6.1.7. Hoạt động của các công ty con

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (TechcomSecurities):

Năm 2016, tổng doanh thu thuần của Techcom Securities đạt 824 tỷ đồng, tăng trưởng 33% so với năm 2015. Tổng chi phí hoạt động trong năm của Techcom Securities là 73 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế cả năm của Techcom Securities đạt 604 tỷ đồng, tăng trưởng 14% so với năm 2015.

Bên cạnh đó, TechcomSecurities tiếp tục giữ vững vị thế là là nhà tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp hàng đầu thị trường Việt Nam, chiếm trung bình khoảng 30% thị phần với khối lượng phát hành lên đến 26 nghìn tỷ. Ngoài ra, TechcomSecurities chiếm tới 78% thị phần môi giới trái phiếu doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ những thành tích nổi bật này, năm 2016, TechcomSecurities được tạp chí Finance Asia trao tặng giải thưởng là "Best DCM House in Vietnam – Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam" và tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam – Best Bond House in Vietnam", giai đoạn từ 2007 – 2016).

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank AMC):

Trong năm 2016, Techcombank AMC tập trung triển khai chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thu hồi nợ, xử lý tài sản đảm bảo cho Techcombank. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thu hồi nợ, Techcombank AMC đặc biệt chú trọng tối ưu hóa phần mềm xử lý nợ để hỗ trợ tốt nhất cho cán bộ nhân viên, cũng như giảm thời gian, nâng cao hiệu quả công việc. Qua đó đã hỗ trợ tích cực cho Techcombank trong việc xử lý phát mãi tài sản, thu hồi các khoản nợ xấu và nợ bán cho các doanh

nghiệp khác.

Cụ thể, kết quả thu hồi nợ năm 2016 đạt 75% so với kế hoạch đề ra, cao hơn so với năm 2015 (71%). Tổng số thu tiền mặt, tài sản kê biên, tài sản thu giữ chuyển bán thành công…đều đạt kết quả cao hơn so với năm 2015.

Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác thu hồi nợ dẫn đến kết quả thu nợ tăng, Techcombank AMC có những kết quả tốt trong việc quản lý và kiểm soát thực hiện kế hoạch chi phí, nhờ đó giảm tổng chi phí phát sinh trong kỳ là 13% so với năm 2015.

Xét về kết quả hoạt động kinh doanh: Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lãi vay trong năm 2016 của Techcombank AMC 160 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 106 tỷ VNĐ, tăng 25 tỷ đồng so với năm 2015.

- **Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ Thương (TechcomCapital):**

Năm 2016, lợi nhuận trước thuế của TechcomCapital đạt 80 triệu Đồng và các tỷ lệ an toàn tài chính luôn đảm bảo ở mức an toàn và trong khung quy định cho phép.

- **Công ty Tài chính TNHH MTV Kỹ Thương (TechcomFinance):**

Tháng 1 năm 2015, HĐQT Techcombank thông qua việc mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (VCFC) và đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Kỹ Thương (TechcomFinance). Việc mua lại có hiệu lực từ ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Trong năm 2014, trước khi trở thành công ty con của Techcombank, lợi nhuận trước thuế của TechcomFinance (lúc đó là VCFC) đạt gần 13 tỷ đồng, chỉ bằng 1/8 lợi nhuận trước thuế của năm 2013, nguyên nhân chính là do công ty trích lập dự phòng rủi ro tín dụng hơn 100 tỷ, so với mức 470 triệu của năm 2013.

Tháng 11/2015, TechcomFinance chuyển trụ sở kinh doanh về tầng 14, số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Trong năm 2016, TechcomFinance vẫn tiếp tục tập trung vào việc kiện toàn tổ chức hoạt động, hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, hệ thống báo cáo và duy trì các hoạt động kinh doanh hiện có của Công ty.

Xét về kết quả kinh doanh, tổng doanh thu thuần của TechcomFinance đạt 33 tỷ đồng, tổng chi phí hoạt động trong năm là 6 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế cả năm của TechcomFinance đạt 28 tỷ đồng tiếp tục giữ ở mức ổn định.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

6.2.1. Tổng quan

Techcombank đã và đang tiếp tục xây dựng một chiến lược QTRR vững mạnh với một hệ thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh và những hướng dẫn vận hành chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong trung và dài hạn. Khối Quản trị rủi ro thuộc sự giám sát của HĐQT, Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO) và Ban Điều Hành là một trong những nhân tố chủ yếu của hoạt động Techcombank và được thực hiện chặt chẽ ngay từ khi Techcombank đi vào hoạt động.

Ý thức rằng QTRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một NHTM, Techcombank xây dựng chiến

lược QTRR dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong qui trình; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn.

Chiến lược QTRR cơ bản của Techcombank là xây dựng một hệ thống QTRR phù hợp với Chiến lược và mô hình phát triển kinh doanh kèm theo các hướng dẫn vận hành chi tiết. Chiến lược này sẽ được triển khai tương thích với mức độ rủi ro mà Techcombank gặp phải, cho phép vừa phát triển kinh doanh vừa đảm bảo việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro. Chiến lược QTRR sẽ gắn chặt với các hoạt động kinh doanh chủ chốt của Techcombank và linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài.

Để xây dựng được hệ thống QTRR như vậy, Techcombank đã liên tục củng cố nền tảng của Khung quản trị rủi ro bằng việc phát huy những thành tựu đạt được và phát triển cán bộ nòng cốt thông qua công tác đào tạo. Cùng với việc áp dụng những công cụ QTRR và ứng dụng công nghệ mới nhất, công tác QTRR sẽ được áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động của Techcombank.

6.2.2. Nhiệm vụ của Khối quản trị rủi ro

- Hoạch định, xây dựng chiến lược và triển khai thực hiện kế hoạch QTRR toàn hệ thống
- Xây dựng chính sách qui định, triển khai và giám sát việc tuân thủ thực hiện đảm bảo giảm thiểu rủi ro toàn hệ thống.
- Hỗ trợ các khối kinh doanh và các đơn vị trong các chương trình hành động của khối, giám sát việc thực hiện các chính sách qui định QTRR. Hỗ trợ xây dựng các chính sách, sản phẩm tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận của Ngân hàng.
- Xây dựng các công cụ định lượng và đánh giá rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, định kỳ Kiểm soát rủi ro toàn danh mục, kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng toàn hệ thống.
- Thực hiện các công việc kiểm tra, tái thẩm định các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng, đưa ra những ý kiến độc lập và những đề xuất giảm thiểu rủi ro tín dụng.
- Đưa ra các quyết định phê duyệt theo chính sách, sản phẩm của Techcombank một cách rõ ràng, nhất quán trong phạm vi thời gian quy định.
- Kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng và tài sản đảm bảo toàn hệ thống. Quản lý danh mục QTRR, cung cấp các báo cáo phân tích và cảnh báo rủi ro, xây dựng các công cụ Quản trị kiểm soát Rủi ro.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý tài sản bảo đảm và hệ thống thu hồi nợ nhằm giảm thiểu tổn thất cho Techcombank.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý Vốn nhằm giảm thiểu tổn thất cho Techcombank.

6.2.3. Cơ cấu tổ chức của Khối quản trị rủi ro

Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Khối quản trị rủi ro

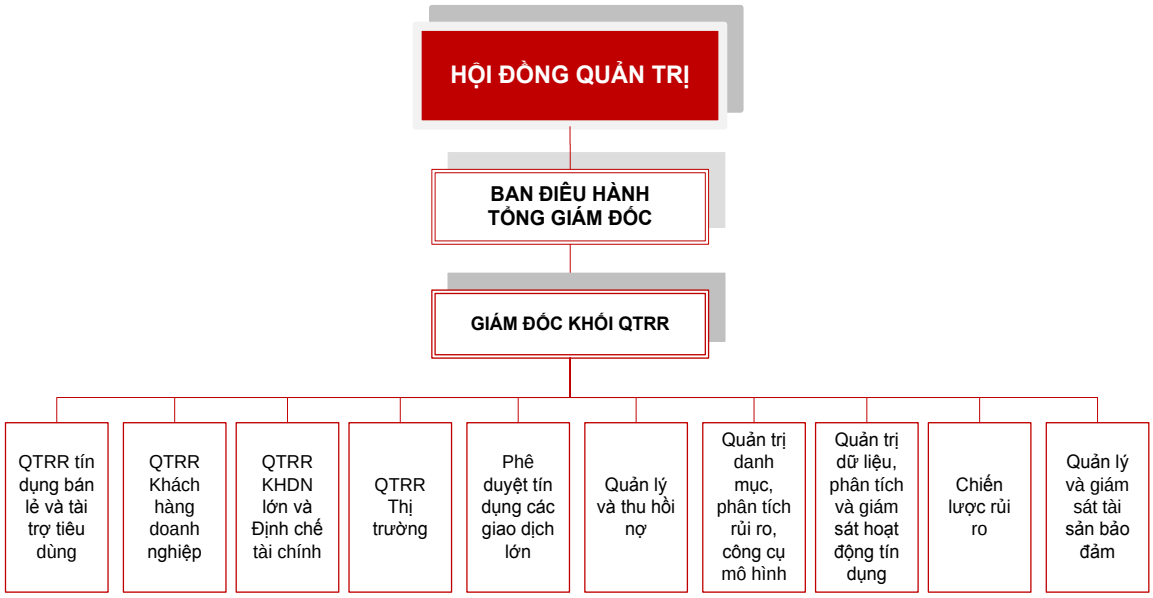

Quản trị rủi ro tín dụng bán lẻ và tài trợ tiêu dùng

- Phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu và các công cụ QTRR phục vụ công tác QTRR cho danh mục tín dụng cá nhân và giám sát và cảnh báo sớm danh mục tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng;
- Xây dựng và chỉnh sửa hệ thống chính sách tín dụng cá nhân bao gồm: Khẩu vị rủi ro, chính sách tín dụng, chính sách thẩm định/phê duyệt và đóng góp ý kiến về chính sách sản phẩm tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng;
- Thiết lập đội điều tra hồ sơ tín dụng giả mạo để điều tra các hồ sơ giả mạo nhằm hạn chế rủi ro;
- Phát triển các mô hình quản trị rủi ro tín dụng cá nhân bao gồm hệ thống xếp hạng khách hàng trước và sau phát vay để hỗ trợ quy trình thẩm định/phê duyệt cũng như các mô hình dự báo cho công tác lập kế hoạch nợ xấu cho danh mục tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng. Triển khai và quản lý hệ thống SM để tự động hóa các chính sách và mô hình xếp hạng tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng trên hệ thống LOS;
- Thực hiện các công việc về thẩm định các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng, đưa ra những ý kiến độc lập và những đề xuất giảm thiểu rủi ro tín dụng;
- Đưa ra các quyết định phê duyệt theo chính sách, sản phẩm của Techcombank một cách rõ ràng, nhất quán trong phạm vi thời gian quy định.

Quản trị rủi ro khách hàng doanh nghiệp lớn và định chế tài chính

Là đầu mối tại Khối Quản trị rủi ro đảm bảo công tác quản trị rủi ro tín dụng theo phân khúc KHDN lớn và ĐCTC, bao gồm:

- Chính sách quản trị rủi ro, chính sách đặc thù theo phân khúc (khẩu vị rủi ro, quy định, quy trình, hướng dẫn, sản phẩm liên quan tới hoạt động kinh doanh…).
- Tái thẩm định;
- Thực hiện nhận diện và cảnh báo sớm; đề xuất kịp thời các hành động cụ thể nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro cho Techcombank.

- Quản lý chất lượng nợ và dự phòng, giám sát việc thực hiện đảm bảo tuân thủ các giới hạn tín dụng theo quy định, khẩu vị từng thời kỳ.

Quản trị rủi ro thị trường:

- Quản trị rủi ro thị trường phát sinh trong hoạt động kinh doanh của toàn Ngân hàng thông qua xây dựng và thực hiện kiểm soát hạn mức rủi ro, phân tích rủi ro danh mục, cảnh báo và đề xuất các phương án phòng ngừa và hạn chế rủi ro.
- Xây dựng phương pháp đo lường rủi ro thị trường, các mô hình hậu kiểm phương pháp đo lường, nhằm đảm bảo các mô hình là phù hợp.
- Đánh giá rủi ro thị trường đối với các sản phẩm, chương trình trên toàn Ngân hàng.

Quản trị rủi ro khách hàng doanh nghiệp

- Là đầu mối tại Khối Quản trị rủi ro thực hiện phối hợp với Khối KHDN Vừa và Nhỏ (Khối BB) trong việc xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng, chính sách tín dụng, sản phẩm tín dụng, thực hiện nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp.
- Tập trung tác nghiệp từ khi khách hàng phát sinh nghĩa vụ tại Techcombank cho đến trước khi phát sinh nợ quá hạn, đề xuất kịp thời các hành động cụ thể nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro tín dụng cho Ngân hàng.

Phê duyệt tín dụng các giao dịch lớn

- Phê duyệt tín dụng theo các thẩm quyền được ngân hàng ủy quyền trong thời gian được qui định một cách nhanh chóng, hiệu quả, nhất quán và hài hòa giữa khẩu vị rủi ro và chính sách kinh doanh của ngân hàng.
- Tham gia đóng góp vào chính sách quản trị rủi ro của ngân hàng.

Quản lý thu hồi nợ

- Giám sát tổng thể phân luồng toàn hệ thống đảm bảo mọi khoản nợ vay có vấn đề trong hệ thống Techcombank đều được phân luồng đúng và đủ. Kiểm soát và nghiên cứu nâng cao chất lượng công tác quản trị phân luồng nợ vay có vấn đề.
- Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm điều phối, thực hiện các công việc liên quan đến mua, bán và xử lý nợ xấu với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)
- Tổ chức, điều phối, thực hiện công tác thư ký cho các phiên họp định kỳ/bất thường của Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng/Các hội đồng khác phục vụ công tác xử lý nợ.
- Là đơn vị đầu mối quản lý và giám sát book Xử lý nợ, bao gồm công tác chuyển các khoản nợ sang book Xử lý nợ và công tác phát sinh khi khoản nợ đã thuộc book Xử lý nợ, ... và các công việc khác theo mô tả trong văn bản “Quy trình chuyển giao và quản lý nợ có vấn đề về tập trung tại hội sở”.
- Thực hiện các công việc kiểm tra, tái thẩm định các hồ sơ khách hàng doanh nghiệp và cá nhân thuộc phân luồng Giải Pháp Tài Chính và/hoặc theo yêu cầu của Hội Đồng Xử Lý Nợ & Rủi Ro Tín Dụng/Hội Đồng Tín Dụng cao cấp.
- Giám sát quá trình triển khai phương án tái cấu trúc cùng với Vùng/Chi nhánh, tư vấn phương án điều chỉnh nếu cần thiết.
- Quản trị giám sát danh mục khách hàng tái cấu trúc tài chính tổng hợp báo cáo định kỳ tới Ban

điều hành...

- Tham mưu cho Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng/Hội đồng tín dụng các vấn đề liên quan:
  - Thể hiện quan điểm độc lập trong quá trình tái thẩm định phương án tái cấu trúc tài chính/hoạt động của doanh nghiệp và cá nhân.
  - Phản biện và tham vấn giải pháp tháo gỡ các khó khăn trong quá trình triển khai tái cấu trúc tài chính/hoạt động của doanh nghiệp và cá nhân.
  - Thư ký cho Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng/Hội đồng tín dụng theo phân công.
- Tham mưu cho Ban điều hành các vấn đề liên quan:
  - Chính sách liên quan tới chiến lược xử lý nợ/tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và cá nhân trong từng thời kỳ.
  - Điều chỉnh các chính sách tín dụng/Khẩu vị rủi ro của Techcombank nhằm mục đích giảm thiểu tổn thất khi khách hàng phát sinh nợ vay có vấn đề.
  - Đóng góp ý kiến xây dựng/đề xuất điều chỉnh Quy chế Tổ chức và hoạt động của hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng khi có yêu cầu.
  - Văn bản chính sách liên quan đến hoạt động phân luồng, giám sát phân luồng nợ có vấn đề trên toàn hệ thống. Góp ý/đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan đến Quy trình, quy định về nợ có vấn đề của Techcombank.
- Thực hiện các công việc theo sự phân công của Khối QTRR.

Thực hiện thêm các chức năng khác được quy định bổ sung trong các Quy trình, quy định, hướng dẫn của Techcombank trong từng thời kỳ (nếu có).

Quản trị danh mục, phân tích rủi ro và công cụ mô hình

- Tổng hợp thông tin, thực hiện các báo cáo quản trị rủi ro danh mục tín dụng và đề xuất và kiểm soát cấu trúc Danh mục tín dụng và các ngưỡng QTRR tín dụng;
- Xây dựng và dự báo chất lượng tín dụng của toàn danh mục, Đánh giá tác động và thay đổi Danh mục tín dụng theo kế hoạch đã xây dựng đầu năm;
- Thực hiện phân loại nợ và quản lý phân loại nợ, dự phòng Rủi Ro Tín dụng;
- Xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng cho các nhóm khách hàng khác nhau của khối Khách hàng Doanh nghiệp và Ngân hàng bán buôn. Theo dõi, đánh giá định kỳ tính chính xác và hiệu quả của hệ thống tín dụng khách hàng;
- Xây dựng các mô hình QTRR tín dụng khác như mô hình tính toán định lượng rủi ro khác như: LGD, EAD, Pricing Models/Facilities Profitability (mô hình tính giá cho khách hàng);
- Xây dựng hệ thống thông tin QTRR, cung cấp các báo cáo và dữ liệu QTRR.

Chiến lược rủi ro

- Xây dựng khung chính sách quản trị rủi ro, khung chính sách tín dụng bao gồm những chính sách, quy định nghiệp vụ cấp cao do HĐQT/ARCO ban hành;
- Triển khai các quy định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng nhà nước và ban hành lại các văn bản hướng dẫn về rủi ro của Ngân hàng nhà nước trên toàn hệ thống;
- Hỗ trợ các đơn vị rủi ro kinh doanh trong xây dựng các văn bản nghiệp vụ tín dụng và QTRR cho từng phân khúc khách hàng;

- Tham gia góp ý, nhận diện rủi ro các văn bản/qui định do các đơn vị trong và ngoài Techcombank ban hành;
- Xây dựng, hỗ trợ xây dựng các chính sách qui định qui chế vận hành hội đồng diễn đàn theo yêu cầu từng thời kỳ, thư ký và điều phối, vận hành các các Hội đồng/Diễn đàn khi được yêu cầu;
- Xây dựng kế hoạch, phối hợp quản lý/thực hiện các dự án QTRR theo chiến lược phát triển chung của toàn Ngân hàng/chiến lược phát triển Quản trị rủi ro bao gồm: quản lý tổng quan danh mục dự án mà Khối là chủ tri hoặc phối hợp triển khai; cập nhật và báo cáo tiến độ dự án; quản lý, điều phối, kiểm soát việc thực hiện các dự án mà Khối QTRR là đơn vị chủ trì; thực hiện hoặc phối hợp triển khai các dự án theo yêu cầu, chỉ đạo của Ban giám đốc Khối (từng dự án cụ thể).
- Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao nhận thức và tăng cường QTRR toàn hệ thống; hỗ trợ thực hiện rủi ro hoạt động và xây dựng các chốt kiểm soát chất lượng QTRR nội khối;
- Xây dựng kế hoạch hành động của khối, kế hoạch phát triển nhân sự và chiến lược QTRR, kế hoạch tài chính và là đầu mối làm việc với Tài chính và các đơn vị khác về chiến lược và kế hoạch hành động;
- Đầu mối của Khối QTRR làm việc với các bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ và bên ngoài (kiểm toán nôi bộ, thanh tra NHNN…);
- Quản lý hệ thống phân quyền phê duyệt tín dụng của Techcombank;
- Lập kế hoạch, xây dựng, quản lý, theo dõi/giám sát thực hiện: ngân sách, nguồn lực, chi phí của toàn Khối.

Quản lý và giám sát tài sản bảo đảm

- Xây dựng và quản trị hệ thống chính sách chung về tài sản bảo đảm toàn hệ thống;
- Phối hợp làm việc với các bộ phận trong hệ thống về xây dựng và điều chỉnh chính sách liên quan tới tài sản bảo đảm;
- Xây dựng các bộ tiêu chí, quy chuẩn liên quan tới việc đánh giá, kiểm soát hoạt động của các tổ chức liên kết với Techcombank trong hoạt động quản lý và giám sát tài sản bảo đảm và giám sát chất lượng hoạt động của các bộ phận liên kết nói trên trong quá trình hợp tác với Techcombank;
- Đầu mối giải đáp và truyền thông về hệ thống văn bản chính sách chung về tài sản bảo đảm hệ thống;
- Giám sát tài sản bảo đảm hệ thống thông qua công tác rà soát danh mục tài sản bảo đảm và thực địa tài sản bảo đảm;
- Cảnh báo các tồn tại về rủi ro tài sản bảo đảm/rủi ro trong công tác quản lý và giám sát tài sản bảo đảm;
- Điều tra, khảo sát thị trường (quy hoạch, chính sách nhà nước…) liên quan tới giá tài sản bảo đảm;
- Xây dựng các khung giá hàng hóa, ô tô… phục vụ hoạt động định giá tài sản bảo đảm.

Quản trị dữ liệu, phân tích và giám sát hoạt động tín dụng

- Chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện và giám sát Data Mart và chuẩn hóa dữ liệu chung của Khối QTRR.
- Quản trị dữ liệu, giám sát, khai thác và phân tích dữ liệu từ các hệ thống liên quan đến hoạt động

thẩm định, tái thẩm định và phê duyệt tín dụng: Data warehouse, LOS, ARA, FAST-UP, ECM, CRIB, CCMS, T24, ICS, WB Applications …

- Đầu mối của Khối QTRR phối hợp với IT phân quyền sử dụng các hệ thống liên quan đến hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng.
- Đầu mối kiểm soát các yêu cầu phát triển và cải tiến hệ thống của Khối Quản trị rủi ro.
- Kiểm soát tính hiệu quả hoạt động phê duyệt tín dụng dựa vào các báo cáo hiệu quả: Pipeline, ANF và các báo cáo khác.
- Kiểm soát tính hiệu quả và minh bạch quy trình làm việc/workflow/process của các bộ phận thẩm định, phê duyệt nhằm đưa ra các đề xuất cải tiến, hoàn thiện các quy trình tác nghiệp.
- Phân tích và giám sát định kỳ thông tin dữ liệu trên hệ thống hoạt động thẩm định và phê duyệt, đảm bảo thông tin các hồ sơ tín dụng được thẩm định, phê duyệt thực hiện theo đúng quy trình tác nghiệp, từ đó làm cơ sở đánh giá tính nhất quán, tính phù hợp về hoạt động thẩm định và phê duyệt.
- Đầu mối theo dõi, báo cáo, đề xuất các phương pháp và thực hiện cải tiến quy trình chung của toàn ngân hàng.
- Thực hiện vai trò vận hành các Hội đồng.
- Vận hành hoạt động phân luồng hồ sơ tín dụng từ khâu thẩm định lên các cấp phê duyệt theo đúng quy định phân luồng phê duyệt của ngân hàng.

6.2.4. Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro

Techcombank – hiểu rõ khách hàng để quản trị rủi ro tốt hơn

Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ đảm bảo sức khỏe tài chính và sự phát triển bền vững của một ngân hàng. Vì vậy, trong những năm gần đây các ngân hàng Việt Nam rất chú trọng đầu tư và đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro.

Sự khác biệt của Techcombank là tất cả mọi chiến lược và hoạt động của chúng tôi đều đặt khách hàng ở trung tâm, làm thế nào để mang lại giá trị cho khách hàng, đi song hành cùng với sự phát triển thịnh vượng của khách hàng thay vì tập trung bằng mọi cách để bán sản phẩm của mình. Khi hiểu khách hàng, chất lượng của sản phẩm dịch vụ sẽ sát với nhu cầu của khách hàng, và theo đó chúng tôi cùng phát triển đồng hành với khách hàng. Hiểu rõ điều này, "Khách hàng là trọng tâm" cũng chính là kim chỉ nam cho hoạt động quản lý rủi ro của Techcombank và được thể hiện qua các góc độ sau:

Mô hình quản lý rủi ro hướng tới khách hàng

Với mục tiêu QTRR hiệu quả, thông suốt, minh bạch và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, mô hình quản trị tại Techcombank tách biệt các chức năng bán hàng và phê duyệt chấp nhận rủi ro, theo đó các bộ phận chức năng đều có vai trò độc lập của mình. Việc có chung một mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, nhằm phát triển kinh doanh song hành với đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả là vô cùng thách thức. Tuy nhiên, mô hình QTRR được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng và với định hướng "QTRR chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn" đã giúp chúng tôi ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn.

Không chỉ cung cấp các giải pháp tài chính cho khách hàng, Techcombank đồng thời tư vấn các cơ cấu

tài chính và cung cấp nguồn tài chính cho cả khách hàng của khách hàng. Các khách hàng của Techcombank như Tập đoàn Vingroup- Công ty CP ("**Vingroup**") được cung cấp nguồn vốn cho các dự án xây dựng, bên cạnh đó, Techcombank cũng tư vấn các giải pháp quản trị, quản lý rủi ro hiệu quả đồng thời với việc cung cấp nguồn tín dụng cho các khách hàng trong hệ sinh thái của Vingroup như các nhà thầu, nhà cung cấp và các khách hàng mua bất động sản… Thông qua cách QTRR trên cơ sở bảo vệ khách hàng này, Techcombank kiểm soát chặt chẽ được dòng vốn, chi phí, doanh thu bán hàng, chủ động với các khó khăn của doanh nghiệp và giảm thiểu các rủi ro. Vingroup ngày càng phát triển, và Techcombnk cũng sẽ lớn mạnh song hành cùng khách hàng.

Techcombank xây dựng các phương thức quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản linh hoạt và chủ động dự phòng cho các phương án rủi ro. Việc linh hoạt trong quản trị, giúp vừa quản lý được vốn mà đơn giản trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng. Một số sản phẩm được đánh giá cao, trong đó đặc biệt là các sản phẩm trái phiếu Doanh nghiệp bán cho các khách hàng cá nhân cũng được các khách hàng nhiệt tình tham gia.

Văn hóa tuân thủ đảm bảo tính hệ thống và chuẩn mực

Với mục tiêu chiến lược là Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, Techcombank đã luôn tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro. Việc nghiêm túc tuân thủ các qui định pháp luật, các chuẩn mực tiêu chuẩn quốc tế và chủ động thực hiện áp dụng toàn hệ thống, Techcombank nhằm hướng tới xây dựng hệ thống minh bạch tin cậy đối với các khách hàng và đối tác.

Văn hóa tuân thủ được xây dựng, phát huy và đề cao ở Techcombank. Các cán bộ Techcombank nghiêm túc và đề cao tính tự giác tuân thủ, không dung túng bao che các vi phạm. Bên cạnh đó còn chủ động cam kết thực hiện các chuẩn mực hành vi và đạo đức nghề nghiệp.

Basel II

Basel II, một chuẩn mực quản trị rủi ro hiện đại, đã sớm được Techcombank nghiên cứu và từng bước triển khai ngay từ năm 2012. Techcombank đã hoàn tất các yêu cầu của NHNN trong việc đánh giá chênh lệch, và tính toán CAR.

Trong năm 2016, Techcombank tiếp tục thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng vốn nội bộ, thiết lập các kịch bản và hoàn thiện các yêu cầu (về thông tin, tài liệu, quy trình …). Việc tự đánh giá cũng mang lại các kết quả giúp Techcombank quản trị nội bộ tốt hơn và sẵn sàng nguồn lực áp dụng sớm các tiêu chuẩn quản trị rủi ro Basel II.

Việc tuân thủ áp dụng tiêu chuẩn Basel II sẽ giúp Ngân hàng bảo đảm nguồn vốn lành mạnh, tính toán được những các chi phí rủi ro, minh bạch thông tin và có các phương án dự phòng cho các rủi ro bên ngoài tác động.

Liên tục cải tiến

Techcombank hiểu rằng để đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, chỉ có liên tục cải tiến các công cụ tự động hóa mới có các giải pháp phù hợp. Việc phát triển các công cụ QTRR tự động hóa, trên nền tảng dữ liệu vượt trội là giải pháp giúp Techcombank hiểu được đầy đủ khách hàng nhất, vừa phục vụ được đầy đủ các nhu cầu thực sự của khách hàng, giảm thiểu thời gian và chi phí vận hành, đồng thời nhận diện sớm nhất, chủ động và quản lý hiệu các rủi ro. Không dừng lại ở việc nhiều năm qua luôn dẫn đầu

thị trường trong các đầu tư nghiên cứu liên tục cải tiến, phát triển về công nghệ thông tin và dữ liệu, nhiệm vụ này tiếp tục là trọng tâm phát triển nền tảng QTRR của Techcombank trong các năm tới.

Con người Techcombank cũng không bao giờ dừng lại, trong năm 2016, bên cạnh phát triển các chuyên môn nghiệp vụ bán hàng, nhân sự chú trọng vào mục tiêu "mỗi Techcomers là một chuyên gia về quản trị rủi ro". Để thực hiện được điều này, các cán bộ Techcombank đặc biệt là các cán bộ bán hàng trực tiếp được đào tạo thường xuyên về nhận diện, đánh giá rủi ro và các giải pháp giảm thiểu. Bên cạnh các khóa đào tạo tập trung, các cán bộ QTRR trực tiếp đi gặp khách hàng và đồng hành của các đơn vị kinh doanh trong các công tác đánh giá, thẩm định, kiểm soát và nhận diện rủi ro là phương thức đào tạo trực tiếp hiệu quả đối với các cán bộ bán hàng trực tiếp.

Trên tất cả, văn hóa rủi ro từng bước được xây dựng, theo đó, mỗi cán bộ Techcombank đều có trách nhiệm quản trị rủi ro. Mọi nhân viên của Techcombank hiểu rõ các rủi ro phát sinh, kiểm soát các rủi ro là cách duy nhất để Techcombank phát triển bền vững và đạt được các mục tiêu chiến lược.

6.2.5. Quản trị tuân thủ và rủi ro hoạt động

Hoạt động đã triển khai trong năm 2016

Việc xây dựng và hoàn thiện Khung Quản trị rủi ro hoạt động – kim chỉ nam trong công tác QTRR hoạt động tại Techcombank - theo các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế đã giúp công tác QTRR hoạt động tại Techcombank trong năm 2016 được triển khai một cách bài bản, gắn kết trên cả 3 tuyến phòng thủ.

Các công cụ QTRR hoạt động tại Techcombank được triển khai mở rộng, đồng bộ tại các Khối kinh doanh và các Khối hỗ trợ, đặc biệt bắt đầu tập trung vào việc nhận diện sớm rủi ro ngay từ giai đoạn thiết kế/xây dựng quy trình/sản phẩm kinh doanh để vừa đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho Khách hàng vừa kiểm soát tốt rủi ro cho Khách hàng và Ngân hàng. Bên cạnh đó, cơ chế tiếp nhận báo cáo, phối hợp, theo dõi, xử lý các rủi ro/tổn thất phát sinh trên toàn hệ thống tiếp tục được duy trì để xử lý hiệu quả kịp thời, đồng thời hạn chế lặp lại các rủi ro hoạt động/tổn thất đối với Ngân hàng.

Xây dựng văn hóa QTRR và tuân thủ là một nhiệm vụ trọng tâm và mang tính chất dài hạn trong định hướng công tác QTRR hoạt động của Techcombank. Với mục tiêu văn hóa QTRR từ các cấp Lãnh đạo cao nhất được lan tỏa tới các cấp Lãnh đạo và toàn thể CBNV, năm 2016 Techcombank tiếp tục triển khai các hoạt động truyền thông, đào tạo, tăng cường nhận thức nhằm nâng cao năng lực QTRR hoạt đông/tuân thủ cho toàn bộ CBNV. Nhờ đó, từng vị trí chức danh nắm bắt, hiểu được những RRHĐ có thể gặp phải trong quá trình vận hành và chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các vi phạm tuân thủ/rủi ro đạo đức nghề nghiệp.

Kế hoạch và định hướng

Trong các năm tới, Techcombank tập trung vào các nhiệm vụ sau trong công tác QTRR hoạt động:

- Vận hành hiệu quả Khung Quản trị rủi ro hoạt động một cách nhất quán trên toàn hệ thống, đưa công tác QTRR hoạt động gắn liền với hoạt động của tất cả đơn vị theo sự chỉ đạo, định hướng của Hội đồng rủi ro hoạt động và Pháp lý.
- Xây dựng một văn hóa QTRR hoạt động mạnh mẽ, trở thành một cấu phần quan trọng trong Văn hóa tổ chức của Techcombank.

6.3. Thị trường hoạt động

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Techcombank đã thành lập 01 hội sở, 02 văn phòng đại diện và

314 chi nhánh, điểm giao dịch tại các tỉnh thành trên cả nước. Ngoài ra, Techcombank đã triển khai mạng lưới 1.193 máy ATM riêng và 1.587 máy POS đặt tại các nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn, v.v. để phục vụ hoạt động giao dịch thanh toán của các khách hàng là chủ thẻ. Đến quý IV năm 2016, Techcombank đã tham gia liên minh thẻ, cho phép khách hàng cá nhân truy cập vào 17.472 máy ATM và 263.427 máy POS trên toàn quốc.

Hiện tại, Techcombank đã có trên 1,32 triệu khách hàng cá nhân và khoảng 17.532 khách hàng doanh nghiệp đang sử dụng dịch vụ của Techcombank. Techcombank đã thiết lập một hệ thống dịch vụ toàn diện nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, Techcombank cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng trên thị trường Việt Nam.

Ở thời điểm hiện tại, mạng lưới phân phối của Techcombank là mạng lưới lớn thứ ba trong khối ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Hiện Techcombank đã và đang triển khai hàng loạt các dự án, trong đó:

- Các đơn vị kinh doanh đang triển khai các dự án tái cấu trúc mô hình kinh doanh và tổ chức hoạt động, các sáng kiến nhằm phân khúc và tìm hiểu sâu hơn nhu cầu khách hàng, phát triển các gói sản phẩm, phân bổ và bố trí đội ngũ kinh doanh phù hợp nhất với nhu cầu của khách hàng. Techcombank cũng đang triển khai các chương trình phát triển kinh doanh theo hệ sinh thái, đồng thời có các sáng kiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp các sản phẩm về ngân hàng giao dịch, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ ngày càng hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Các đơn vị hỗ trợ tiếp tục các dự án xây dựng các nền tảng vượt trội, cụ thể là:
  - Nhân sự vượt trội, với Dự án Phân nhóm và Phát triển nghề nghiệp (JobCat) (được đề cập chi tiết tại Mục 9. Chính Sách Với Người Lao Động);
  - Dữ liệu vượt trội, với các dự án về chiến lược dữ liệu, quản trị rủi ro, đặc biệt là Dự án Basel II (được đề cập chi tiết tại mục 6.2 Quản Trị Rủi Ro Và Bảo Toàn Vốn);
  - Vận hành vượt trội, với các dự án tối ưu hóa hoạt động chi nhánh, tinh gọn và hợp nhất hệ thống vận hành, chiến lược số…

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và luỹ kế đến quý gần nhất

Bảng 25: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016 và lũy kế đên quý II năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2017
	triệu đồng	*triệu đồng*	*%*	*triệu đồng*
Tổng giá trị tài sản	**191.993.602**	**235.363.136**	**22,59%**	**232.143.626**

Vốn điều lệ	**8.878.079**	**8.878.079**	**0%**	**8.878.079**
Thuế và các khoản phải nộp	**224.551**	**376.979**	**67,88%**	**443.079**
Vốn chủ sở hữu	**16.457.566**	**19.586.476**	**19,01%**	**21.751.118**
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	13.379.387	15.736.077	17,61%	8.822.571
Tổng lãi thuần	**9.343.942**	**11.918.726**	**27,56%**	**7.164.966**
Trong đó:				
Thu nhập lãi thuần	*7.213.680*	*8.142.221*	*12,87%*	*4.406.093*
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	*1.272.138*	*1.955.764*	*53,74%*	*1.046.343*
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	*(192.002)*	*240.201*	*-*	*119.183*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	*63.400*	*124.780*	*96,81%*	*279.612*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	*87.948*	*481.457*	*447,43%*	*549.278*
Lãi thuần từ hoạt động khác	*887.963*	*973.833*	*9,67%*	*764.457*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	*10.815*	*470*	*-95,65%*	*-*
Tổng thu nhập hoạt động	**9.343.942**	**11.918.726**	**27,56%**	**7.164.965**
Tổng chi phí hoạt động	**(3.678.848)**	**(4.260.995)**	**15,82%**	**(2.051.941)**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.627.889)	(3.661.091)	0,92%	(2.378.976)
Lợi nhuận trước thuế	**2.037.205**	**3.996.640**	**96,18%**	**2.734.049**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(508.017)	(847.794)	66,88%	(549.780)
Lợi nhuận sau thuế	**1.529.188**	**3.148.846**	**105,92%**	**2.184.269**
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	9,73%	17,50%	79,86%	11,06%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC 6 tháng đầu năm 2017 của Techcombank)

Tổng tài sản của Techcombank tăng 22,59% so với năm 2015, đạt 235 nghìn tỷ năm 2016. Vốn điều lệ giữ nguyên ở mức 8.878 tỷ đồng nhưng vốn chủ sở hữu tăng 19% từ 16.457 tỷ đồng năm 2015 lên 19.586 tỷ đồng năm 2016 do sự đóng góp 5.489 tỷ từ lợi nhuận chưa phân phối và việc Techcombank không chia cổ tức các năm gần đây để tập trung tích lũy cho sự phát triển ổn định.

Tổng thu nhập hoạt động của Techcombank năm 2016 so với năm 2015 tăng 27,56%, đạt gần 12 nghìn tỷ đồng. Tổng lãi thuần tăng từ hơn 9 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên gần 12 nghìn năm 2016, đạt mức tăng

ấn tượng 27,56%. Lãi thuần 6 tháng đầu năm 2017 cũng tăng mạnh, 19,4% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 7.165 tỷ đồng.

Trong cơ cấu tổng lãi thuần, thu nhập lãi thuần năm 2016 đạt 8.142 tỷ đồng, tăng gần 13% so với năm 2015, đây là khoản thu nhập lớn nhất, chiếm từ 70% - 80% tổng thu nhập hoạt động của Techcombank. Thu nhập từ các hoạt động dịch vụ đứng thứ 2 về tỷ trọng và chiếm khoảng 13% - 16% tổng thu nhập. Các khoản thu nhập khác có lãi thuần chiếm tỷ trọng nhỏ.

Tổng chi phí hoạt động của Techcombank đạt 4.261 tỷ đồng năm 2016, tăng 15,82% so với năm 2015. Tỷ lệ tổng chi phí hoạt động trên tổng lãi thuần giảm từ 39% năm 2015 xuống còn 35% năm 2016 và 28% trong 6 tháng đầu năm 2017. Lương và các chi phí liên quan chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động (trên 50% hàng năm), đứng thứ 2 là chi phí thuê văn phòng và tài sản (trên 10% hàng năm), các chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí hoạt động.

Năm 2016 là một năm thành tựu của Techcombank khi lợi nhuận sau thuế đạt 3.149 tỷ đồng, tăng 106% so với năm 2015. 6 tháng đầu năm 2017, Techcombank cũng đạt mức lợi nhuận sau thuế cao, 2.184 tỷ đồng, tăng 72,27% so với cùng kỳ năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2016 đạt mức kỷ lục 17,5%, trong khi đó 6 tháng đầu năm 2017 đạt 11,06%.

7.2. *Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo*

Hoạt động của Tổ Chức Phát Hành trong năm 2016 chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố bên trong và nhóm các nhân tố bên ngoài. Cả hai nhóm nhân tố này sẽ tác động đến Tổ Chức Phát Hành theo cả hai chiều, vừa mang lại những thuận lợi nhưng cũng tạo ra những khó khăn.

Khó khăn

Kinh tế thế giới được dự báo sẽ đối mặt với nhiều khó khăn sau sự kiện Brexit. Rào cản thương mại sẽ là nguyên nhân khiến cho thương mại toàn cầu giảm sút. Từ đó, tăng trưởng GDP sẽ ở mức thấp hơn so với dự báo được IMF và WB đưa ra từ đầu năm 2016 khi lần lượt ở mức 3,4% và 2,9%. Những biến động của kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam. Theo đó, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ một số thị trường như Mỹ, EU được dự báo sẽ giảm xuống. Đây là một trong nhiều nhân tố khiến cho GDP của Việt Nam trong năm 2016 chỉ tăng 6,21%, thấp hơn nhiều so với năm 2015 ở mức 6,68%. GDP tăng trưởng thấp sẽ khiến cho nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng sụt giảm, từ đó tác động đến doanh thu của các ngân hàng nói chung và của Tổ Chức Phát Hành nói riêng.

Việt Nam đã tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng Kinh tế chung ASEAN (AEC) cũng đã thành lập, do đó trong hội nhập có cơ hội nhưng cũng có thách thức.

Việc mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Trong khi các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều yếu kém: trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém... Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối là nhãn tiền khi mà các hỗ trợ từ phía Chính Phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn nữa.

Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỉ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cơn sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng. Trong trường hợp đó, thị trường vốn chưa phát triển sẽ khiến hệ thống ngân hàng phải chịu mức độ thiệt hại lớn hơn do rủi ro gây nên.

Trong bối cảnh đó, thể chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn rất nhiều bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, chưa hình thành môi trường làm việc và kinh doanh lành mạnh. Trong những năm qua, Tổ Chức Phát Hành tư vấn của McKinsey, đã đưa vào áp dụng nhiều chuẩn mực quốc tế về quản trị và điều hành, tuy vậy điều đó chủ yếu giúp nâng cao được năng lực quản trị điều hành của Tổ chức Phát hành chứ không cải thiện được về mặt môi trường. Do quy định của các tổ chức xếp hạng về việc xếp hạng của tổ chức không vượt quá xếp hạng của môi trường nên xếp hạng của Tổ chức Phát hành khó có thể được cải thiện nhanh chóng.

Thuận lợi

Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, LC,… sẽ được hưởng lợi từ xu thế này.

Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỉ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đổi lại, hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Sau giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thì đến nay về cơ bản các ngân hàng đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại. Kết quả này có được là nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của NHNN trong việc xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém. Trong đó, đáng chú ý là việc NHNN đã chủ động làm việc với Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công an nhằm tìm kiếm các giải pháp giúp các ngân hàng có thể đẩy nhanh quá trình xử lý tài sản đảm bảo đối với các khoản nợ xấu.

Trong năm 2016, Tổ Chức Phát Hành tiếp tục tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu. Đi cùng với tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng cho vay có điểm tín dụng cao, Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện quản trị rủi ro tốt, giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức 1,57% (giảm 0,1% so với cùng kì 2015).

Bên cạnh đó, Tổ Chức Phát Hành đã kiểm soát tốt chi phí trong năm 2016 thông qua việc xác định và cắt giảm các chi phí không cần thiết, đồng thời cải thiện các loại chi phí giúp tăng doanh thu cũng như năng suất làm việc trong Techcombank, tỷ lệ Chi phí/thu nhập của Tổ Chức Phát Hành trong năm 2016 giảm xuống chỉ còn 35,8% từ mức 39,4% của năm 2015.

Tổ Chức Phát Hành có lợi thế về công nghệ và đây tiếp tục là cơ sở giúp chúng tôi đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân

hàng cũng như tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Techcombank so với các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam

Trải qua chặng đường hơn 23 năm với tốc độ phát triển mạnh mẽ và những thành tích kinh doanh vượt trội, Techcombank đã nhiều lần được ghi nhận là một tổ chức tài chính uy tín với danh hiệu Ngân hàng tốt nhất Việt Nam. So với các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam, Techcombank có nhiều thế mạnh góp phần khẳng định vị thế trên thị trường trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng và dịch vụ có liên quan.

Hệ thống phân phối hàng đầu trên thị trường

Techcombank đã thiết lập được một mạng lưới phân phối rộng lớn, hiện đại và hiệu quả nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ ngân hàng cho khách hàng, kể cả hệ thống các mô hình chi nhánh và hệ thống ngân hàng điện tử. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, mạng lưới phân phối của Techcombank là mạng lưới lớn thứ ba trong khối ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam với 01 hội sở, 02 văn phòng đại diện và 314 điểm giao dịch trên cả nước chỉ sau Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Á Châu. Techcombank cũng đang dẫn đầu trong nhóm các ngân hàng TMCP về số lượng máy ATM với 1.193 chiếc.

Ngoài ra hệ thống POS được trang bị tại các đơn vị chấp nhận thẻ của Techcombank cũng ngày càng mở rộng, tính đến hết 31 tháng 12 năm 2016, Techcombank đã triển khai được mạng lưới POS với số lượng 1.587 máy tại các đơn vị chấp nhận thẻ là nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn,… phục vụ chủ thẻ giao dịch thanh toán.

Dẫn đầu về khách hàng

Với mạng lưới rộng và thế mạnh nền tảng công nghệ vững chắc, các sản phẩm tiện lợi, ưu việt của Techcombank đang phục vụ trên 1,32 triệu khách hàng cá nhân trên khắp Việt Nam và khoảng 17.532 khách hàng doanh nghiệp đang tin tưởng và sử dụng dịch vụ của Techcombank tính đến cuối năm 2016. Không chỉ dẫn đầu về quy mô mà chất lượng và sự trung thành của khách hàng cũng là một trong những điểm mạnh của Techcombank. Đây là thành quả của chiến lược khách hàng là trọng tâm, trong đó tiêu chí đầu tiên và quan trọng nhất được yêu cầu đối với các nhân viên phục vụ khách hàng là phải hiểu khách hàng, nhận diện được nhu cầu và tìm ra giải pháp giúp khách hàng thành công hơn nữa, chứ không phải là bán được nhiều sản phẩm, dịch vụ. Để nâng cao hiệu quả phục vụ, bên cạnh việc sử dụng đội ngũ độc lập đánh giá dưới góc nhìn của khách hàng như "Khách hàng bí mật", Ngân hàng đã chủ động hàng tháng thăm dò ý kiến khách hàng đánh giá về chất lượng của sản phẩm dịch vụ từ cuối năm 2015, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh trong 2016. Nhờ đó, điểm hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của Techcombank năm 2016 lên tới 97%, và Techcombank tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gửi gắm của ngày càng nhiều khách hàng.

Thành tích về lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế năm 2016 tăng 1.959 tỷ đồng so với năm 2015; tương ứng với tỷ lệ tăng 96,18%. Trong đó phần lớn thu nhập của Techcombank là thu lãi từ các hoạt động tín dụng. Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2016 là 11.919 tỷ đồng, trong đó thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ là 1.956 tỷ đồng.

Đầu năm 2016, nền kinh tế vẫn tiếp tục có những chuyển biến tích cực, tổng tài sản của Techcombank tại 31/12/2016 đã đạt 235.363 tỷ đồng tăng 22,59% so với thời điểm cuối năm 2015. Thu nhập lãi thuần năm 2016 tăng khoảng 12,87% so với cùng kỳ năm trước; thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 53,74%.

Chi phí hoạt động trên thu nhập hoạt động thuần của Techcombank năm 2016 là 35,8%, năm 2015 là 39,4%, tỷ lệ này giảm chủ yếu là do chi phí hoạt động tăng nhẹ (15,82%) trong khi thu nhập hoạt động thuần tăng 27,56% so với năm 2015. Quy mô phát triển, hiệu quả hoạt động của Techcombank vẫn luôn duy trì ở mức cao với chỉ số ROE 9,73% năm 2015 và 17,50% năm 2016. Đây là mức tăng trưởng đáng ghi nhận vì đây là khoảng thời gian mà rất nhiều ngân hàng thương mại ở Việt Nam phải gánh chịu sức ép lớn về chi phí vốn và khả năng thanh khoản. Bên cạnh đó, Techcombank luôn duy trì tỷ lệ cho vay trên huy động 70,91% năm 2015 và 71,77% năm 2016, đây là tỷ lệ khá tốt so với các ngân hàng khác, chính vì thế Techcombank luôn duy trì khả năng thanh khoản cao hơn so với các ngân hàng bạn. Thay vì phải đối mặt với việc thu hẹp lãi suất biên vốn gây ra nhiều khó khăn cho nhiều ngân hàng khác của Việt Nam, Techcombank đã có khả năng tiếp cận với các cơ hội đầu tư, kinh doanh tốt trên thị trường.

Đến hết năm 2016, lợi nhuận trước thuế của Techcombank đạt 3.997 tỷ đồng, tăng 96,18% so với cùng kỳ năm 2015. Tổng tài sản ghi nhận tại ngày 31/12/2016 là 235.363 tỷ đồng.

Dẫn đầu về chất lượng sản phẩm

Với hiểu biết vượt trội về nhu cầu và hành vi của khách hàng, Techcombank là ngân hàng dẫn đầu về cung cấp các sản phẩm dịch vụ đáp ứng đúng và đủ nhu cầu của khách hàng. Không chỉ cung cấp các sản phẩm huy động đơn thuần, Techcombank đã phát triển các dịch vụ toàn diện hỗ trợ, nhờ đó khiến ngày càng nhiều khách hàng sử dụng Techcombank là ngân hàng giao dịch chính. Minh chứng cho thành công này là tổng số dư tài khoản thanh toán của khách hàng tại Techcombank tăng hơn 34% trong năm 2016 và giải thưởng Ngân hàng quản lý tiền mặt nội địa tốt nhất Việt Nam 2016 do Asian Banking & Finance trao tặng hay Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2016 do FinanceAsia trao tặng. Đối với các sản phẩm cho vay, Techcombank đã tiếp nối thành công của những năm trước và mang lại các giải pháp vượt trội, được ghi nhận không chỉ từ khách hàng mà còn từ các tổ chức quốc tế thông qua các giải thưởng giá trị như Ngân hàng tài trợ thương mại nội địa tốt nhất Việt Nam 2016, Sản phẩm vay thế chấp và vay mua nhà của năm do Asian Banking & Finance trao tặng. Các sản phẩm thẻ của Techcombank tiếp tục duy trì được vị thế dẫn đầu, trong đó năm 2016 Techcombank đứng thứ 2 toàn thị trường về doanh số chi tiêu qua thẻ Visa, chỉ sau Vietcombank, dẫn đầu thị trường về Sản phẩm thẻ đồng thương hiệu (Leadership in Co-brand products 2016) và dẫn đầu thị trường về doanh số chi tiêu trung bình của dòng sản phẩm Thẻ Ghi Nợ dành cho phân khúc Khách hàng cao cấp (Highest Average Spend for Visa Affluent Debit 2016). Trên hết, số dư và sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của Techcombank liên tục tăng lên cho thấy sự ghi nhận của khách hàng đối với vị thế dẫn đầu về sản phẩm của Techcombank trên thị trường.

Quản trị rủi ro và tín dụng hiệu quả

Techcombank rất chú trọng đến việc phát triển và triển khai các chính sách, quy trình và cơ cấu tổ chức mạnh mẽ để quản trị và kiểm soát các rủi ro tín dụng, thị trường và rủi ro hoạt động. Ngoài việc thành lập các thiết chế như Ủy Ban Kiểm Toán Và Quản Trị Rủi Ro (“ARCO”), Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Có (“ALCO”) và các Phòng Kiểm Toán và Kiểm Soát tuân thủ tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam thuộc Bộ phận Kiểm toán và kiểm soát tuân thủ để thiết lập các chính sách QTRR và giám sát việc thực hiện các chính sách đó, Techcombank đã tiến hành nhiều bước cho thấy nỗ lực của Techcombank trong việc

thực hiện cam kết về hệ thống QTRR mạnh mẽ. Techcombank là một trong số những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam (i) tách biệt chức năng phân tích và phê duyệt tín dụng ra khỏi chức năng cho vay, (ii) tập trung chức năng phân tích tín dụng và quy trình phê duyệt tín dụng tại cấp độ Trụ Sở chính hoặc Vùng, và (iii) tách biệt chức năng kiểm soát rủi ro thị trường ra khỏi các hoạt động ngân quỹ.

Quản trị rủi ro tại Techcombank được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng. Định hướng "*Quản trị rủi ro chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn*" đã giúp Techcombank ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn. Mặc dù số dư nợ tăng trưởng nhanh, Techcombank vẫn kiểm soát tốt các khoản nợ quá hạn, được thể hiện bằng tỷ lệ nợ nhóm 3-5 giảm từ 1,67% năm 2015 xuống 1,57% năm 2016. Tỷ lệ dự phòng trên dư nợ quá hạn (nhóm 3-5) của Ngân hàng tăng lên trong năm 2016 và đạt mức 66,6%, thể hiện sự cẩn trọng và an toàn của Techcombank trong hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, Techcombank còn xây dựng các phương thức quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản linh hoạt, đồng thời chủ động dự phòng cho các phương án rủi ro. Việc linh hoạt trong quản trị, giúp vừa quản lý được vốn vừa đơn giản trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng.

Đứng đầu về khả năng CNTT

Techcombank luôn được coi là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại nhất tại Việt Nam. Xác định hệ thống công nghệ là xương sống cho hoạt động của ngân hàng nên Techcombank không ngừng đầu tư cho phát triển công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như cạnh tranh được với các đối thủ khác.

Đặc biệt, năm 2016 đánh dấu một năm phát triển của Techcombank về đầu tư công nghệ thông qua việc triển khai hàng loạt sáng kiến cải tiến giúp ngân hàng nâng cao được chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nhiều chi phí cho ngân hàng. Có thể kể đến dự án nâng cấp, tối ưu hệ thống thẻ đã đưa dịch vụ thẻ của Techcombank lên một tầm cao mới với nhiều tính năng thậm chí còn ưu việt hơn so với các Ngân hàng quốc tế, góp phần đưa Techcombank thành ngân hàng có dịch vụ thẻ tốt nhất Việt Nam. Ví dụ như việc thực hiện real time giữa hệ thống thẻ (CMS) với hệ thống Core – banking (T24) của ngân hàng: Trước đây khi khách hàng có yêu cầu trợ giúp thẻ thì phải chờ từ 3h đến 6h mới có phản hồi của ngân hàng hoặc khi khách hàng nộp tiền thanh toán thẻ thì ngày làm việc hôm sau tiền mới vào tài khoản do hệ thống CMS và T24 không real time mà cần có người thực hiện cập nhật thông tin từ CMS sang T24. Với việc cải tiến tích hợp 2 hệ thống thì dữ liệu khách hàng được đồng bộ ngay lập tức và các yêu cầu trợ giúp, giao dịch nộp tiền của khách hàng được hệ thống thực hiện tự động ngay.

Bên cạnh đó, Techombank không ngừng nâng cao trải nghiệm của khách hàng, tập trung phát triển dịch vụ Mobile Banking và dấu ấn là Giải thưởng Ngân hàng triển khai Mobile Banking thành công nhất do tạp chí Asian Banker trao tặng.

Năm 2016 cũng là năm biến động với sự bùng nổ các cuộc tấn công mạng cùng các thủ đoạn ngày càng tinh vi và tập trung tấn công vào ngành ngân hàng, đặc biệt là hệ thống giao dịch điện tử trực tuyến. Trong bối cảnh ấy, đội ngũ công nghệ của Techcombank đã chủ động xây dựng các phương án đối phó, tích cực phòng chống từ xa và đảm bảo hoạt động của ngân hàng an toàn, liên tục. An ninh thông tin của Techcombank đã thành lập bộ phận chuyên trách thực thi giám sát, phát hiện, phản ứng với các tấn công đặc thù có chủ đích (APT) mà các hệ thống công nghệ hiện nay không thể ngăn chặn được. Qua đó An ninh thông tin của TCB đã phát hiện, ngăn chặn được nhiều trường hợp tội phạm công nghệ và lừa đảo

tấn công vào hệ thống công nghệ của ngân hàng, đảm bản an toàn cho ngân hàng và thông tin giao dịch của khách hàng. Bộ phận An ninh thông tin của Techcombank đã được lựa chọn là 1 trong 6 thành viên của Ban điều hành Mạng lưới ứng cứu sự cố an ninh công nghệ thông tin trong ngành ngân hàng của NHNN, đồng thời CISO của Techcombank đã được nhận được giải thưởng The ASEAN CSO AWARDS.

Đội ngũ quản lý tâm huyết và giàu kinh nghiệm

Các cán bộ quản lý cao cấp của Techcombank rất giàu kinh nghiệm lãnh đạo trong ngành ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Đứng đầu HĐQT là ông Hồ Hùng Anh, là người có kinh nghiệm lâu năm về quản lý và điều hành, là Chủ tịch HĐQT làm việc toàn thời gian tại Techcombank. Ngày 23 tháng 09 năm 2016, HĐQT Techcombank đã bổ nhiệm ông Nguyễn Lê Quốc Anh vào chức vụ Tổng Giám đốc. Trước đó, ông Nguyễn Lê Quốc Anh từng đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành kiêm Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng. Ông Nguyễn Lê Quốc Anh tốt nghiệp Tiến sỹ công nghệ hạt nhân tại Đại học Purdue bang Indiana và tại trường Đại học bang California (Hoa Kỳ) là chuyên gia trong các lĩnh vực: thiết lập tư duy chiến lược, quản lý dự án, phân tích kinh doanh và xây dựng mô hình kinh doanh hiệu quả, chiến lược kinh doanh và marketing, xây dựng kiến trúc hệ thống công nghệ. Ông Quốc Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm và từng giữ các vị trí cao cấp tại các tổ chức lớn tại Mỹ như T-Mobile US, Wells Fargo Bank, Nissan USA, Fortress Investment Group, TransMarket Group, McKinsey & Co, Viện Nghiên cứu khoa học liên bang Hoa Kỳ, Pacific Gas & Electric Co và nhiều tổ chức quốc tế khác. Ông Nguyễn Lê Quốc Anh gia nhập Techcombank từ tháng 5/2015 với vị trí Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng.

Đội ngũ quản lý cao cấp của Techcombank có thành tích cao trong việc thực hiện thành công nhiều cải tiến sáng tạo và dẫn đầu thị trường, gồm (i) quyết định đầu tư rất sớm và đáng kể vào nền tảng CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế cao nhất; (ii) chú trọng vào việc xây dựng chính sách và quy trình QTRR; (iii) thiết lập văn hóa kinh doanh đặt trọng tâm vào việc tạo lập và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng; (iv) triển khai các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo có khả năng thu hút khách hàng; và (v) mở rộng hệ thống các mô hình chi nhánh đến các đô thị và các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

Techcombank cũng thực hiện chính sách chủ động trong việc tuyển dụng các chuyên gia trung và cao cấp được đào tạo bài bản và giàu kinh nghiệm tại các tổ chức tín dụng hàng đầu của Việt Nam và quốc tế, các NHTMNN và NHNN, để tăng cường cho đội ngũ quản trị hiện tại.

8.2. Triển vọng phát triển

Sau một giai đoạn liên tục tăng tốc thì tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2016 đã lần đầu tiên giảm sút so với năm trước do tác động từ sự sụt giảm của công nghiệp khai khoáng, nông nghiệp chịu ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường và giá cả hàng hóa trên thế giới… Tăng trưởng GDP quý I/2017 tiếp tục thấp hơn so với cùng kỳ 2 năm trước, cho thấy xu thế sụt giảm tăng trưởng có thể tiếp diễn trong năm 2017, ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển và nhu cầu tài chính của khách hàng Việt Nam. Thị trường bất động sản chuyển đổi nhanh theo hướng vững chắc hơn nhưng cũng chậm hơn, qua đó làm giảm tác động đến tăng trưởng trong ngắn hạn.

Theo đó, tăng trưởng tín dụng 2017 có thể ở mức tương đương năm 2016 (trên 18%), trong bối cảnh tiến độ xử lý nợ xấu còn chậm. Mặc dù lịch trình triển khai Basel II được đẩy lùi sẽ làm giảm áp lực lên các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, việc nâng Hệ số rủi ro của Các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản dùng tính Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được nâng từ mức 150% lên 200% và giảm tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại về 50% trong năm 2017 và

40% từ năm 2018 (theo Thông tư 06/2016/TT-NHNN) sẽ khiến các ngân hàng thận trọng hơn trong việc cho vay kinh doanh bất động sản, đồng thời khiến các ngân hàng phải đẩy mạnh cho vay ngắn hạn, hướng vào các sản phẩm như vay vốn lưu động, vay tiêu dùng… Đồng thời, mặc dù dự báo lạm phát và tỷ giá năm 2017 sẽ không biến động mạnh, tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại khiến cho áp lực thanh khoản đối với các ngân hàng không cao nhưng dự kiến các ngân hàng sẽ phải nâng huy động trung, dài hạn để đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định.

Sức ép tập trung vào một số sản phẩm và kỳ hạn nhất định sẽ làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam năm 2017, trong đó các tổ chức tín dụng nhỏ và có năng lực yếu có thể sẽ càng phải phụ thuộc vào giá cả để cạnh tranh với các tổ chức tín dụng có uy tín và nguồn lực để thu hút và phục vụ khách hàng. Điều đó sẽ khiến biên lợi nhuận của các tổ chức tín dụng này tiếp tục bị thu hẹp, trong khi vẫn tiếp tục phải đối mặt với áp lực trích lập dự phòng để xử lý các tài sản có chất lượng thấp tồn đọng từ trước đó. Ngược lại, các tổ chức tín dụng có năng lực tốt có thể sẽ tận dụng cơ hội này để tiếp tục mở rộng hoạt động và đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn và càng phức tạp của khách hàng. Theo đó, kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng trong năm 2017 dự kiến sẽ có sự phân hóa mạnh, với lợi thế ngày càng nghiêng về các tổ chức tín dụng tốt như Techcombank.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức phát hành với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh kinh tế ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao và chi tiết, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì định hướng chiến lược của Techcombank hướng tới sự tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu và làm sâu sắc mối quan hệ với khách hàng và gia tăng giá trị của doanh nghiệp dựa trên các nền tảng xuất sắc về nhân sự, dữ liệu, vận hành và quản trị rủi ro là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Với thế mạnh sẵn có, Techcombank tiếp tục chú trọng vào xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hoá và phù hợp với yêu cầu hội nhập; kết hợp xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho toàn hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ của nền kinh tế. Techcombank tin tưởng rằng sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành nghề, chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

9. Chính sách đối với người lao động

Trân trọng con người và không ngừng đầu tư vào các hoạt động phát triển nhân lực chính là chìa khóa giúp Techcombank khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Techcombank tự hào là ngân hàng đầu tiên thiết kế và xây dựng Dự án Phân nhóm và Phát triển nghề nghiệp (JobCat). Khởi động từ đầu năm 2014, Jobcat là một trong những dự án lớn của Techcombank với mục tiêu chuẩn hóa năng lực, xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng nhóm vị trí và tăng cường hiệu quả đào tạo phát triển. Trong năm 2015 và 2016, Jobcat đã triển khai 130 lớp học (trực tiếp và trực tuyến) cho 2.340 cán bộ trực tiếp bán hàng (tương ứng với 6.021 lượt học). Trong giai đoạn 2, kết quả thi năng lực đầu ra đạt 90,20%, tang 20,27% so với điểm thi đầu vào (75%).

Trong năm 2016, dự án JobCat đã kết hợp với Sáng kiến nâng cao năng lực chuyên viên dịch vụ khách hàng doanh nghiệp để hoàn thành 08 bộ Khung phát triển năng lực tổng thể cho chuyên viên quan hệ

khách hàng của Khối khách hàng doanh nghiệp và sẽ đưa vào sử dụng từ đầu năm 2017.

Với cam kết đầu tư mạnh mẽ vào các dự án đào tạo nhằm nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, lãnh đạo, Techcombank đã xây dựng và triển khai rộng rãi các chương trình và dự án về hỗ trợ, đào tạo và phát triển, thu hút nhân tài.

Tại Techcombank, những chính sách đãi ngộ nhân tài được chú trọng phát triển ngay từ những ngày đầu. Techcombank chủ trương phân chia lực lượng cán bộ nhân viên ("**CBNV**") thành 6 phân khúc, sau đó áp dụng những lợi ích tài chính và phi tài chính để tuyển dụng và giữ cán bộ trong từng phân khúc. Techcombank luôn ghi nhận và tưởng thưởng kịp thời cho những nỗ lực và cống hiến của CBNV cần mẫn, hiệu quả và sáng tạo.

Với hệ thống chính sách đào tạo bài bản và khen thưởng đồng bộ, chúng tôi tự hào khi văn hóa khích lệ đã được tạo dựng, đẩy mạnh và trở thành một nét bản sắc riêng, vững vàng qua nhiều thế hệ CBNV Techcombank.

Chế độ làm việc của Techcombank đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành như được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tham gia các hoạt động Công đoàn, nghỉ lễ và nghỉ phép…. Cán bộ nhân viên có quyền lợi được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ, môi trường làm việc an toàn, hiện đại và đảm bảo vệ sinh an toàn. Ngoài ra, CBNV còn được hỗ trợ các khoản phụ cấp nhằm đảm bảo hoàn thành công việc và các chế độ lương thưởng, phúc lợi tương ứng với đóng góp của CBNV.

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Techcombank có 7.168 cán bộ và nhân viên với cơ cấu như sau:

Bảng 26: Cơ cấu lao động Techcombank ngày 30/6/2017

STT	Chỉ tiêu phân loại	Số lượng tại thời điểm 31/3/2017	Tỷ lệ (%)
1	**Theo trình độ**	**7.168**	**100%**
	Đại học và trên đại học	6.573	91,70%
	Cao đẳng, trung cấp	595	8,30%
2	**Theo loại hợp đồng lao động**	**7.168**	**100,00%**
	Không thời hạn	3.892	54,30%
	Có thời hạn	3.276	45,70%
3	**Theo giới tính**	**7.168**	**100%**
	Nữ	5.121	71,44%
	Nam	2.047	28,56%

(Nguồn: Techcombank)

Techcombank có một lực lượng lao động được đào tạo bài bản và có trình độ học vấn cao. Tính tới thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, 91,7 % nhân viên của Techcombank đạt trình độ đại học và trên đại học trong đó khoảng 5,05% nhân viên đạt trình độ thạc sĩ và tiến sĩ, trong đó có nhiều người tốt nghiệp từ các trường đại học nước ngoài, 8,3% có trình độ cao đẳng và trung cấp.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Techcombank, cổ tức hàng năm do HĐQT đề xuất, kiến nghị và do ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Techcombank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Techcombank hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Techcombank sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu.

Trong 3 năm gần đây, với chiến lược tích lũy nguồn lực cho việc phát triển ổn định, Techcombank chưa thực hiện chia cổ tức, dù bằng tiền mặt hay bằng tài sản khác.

11. Tình hình tài chính

Bảng 27: Tình hình tài chính Techcombank 2015, 2016 và 6 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
1. Vốn tự có			
- Vốn điều lệ	8.878.079	8.878.079	8.878.079
- Tổng tài sản	191.993.602	235.363.136	235.363.136
- Tỷ lệ an toàn vốn	14,74%	13,12%	14,61%
2. Chất lượng tài sản			
- Tỷ lệ nợ xấu	1,67%	1,57%	2,06%
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	62,22%	65,92%	62,17%
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	90,89%	90,87%	89,71%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13,01%	22,21%	13,85%
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	10,09%	11,69%	10,68%
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	62,45%	48,94%	38,27%
4. Khả năng thanh khoản			
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	17,12%	19,07%	25,44%
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND	73,52%	77,54%	117,38%
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày ngoại tệ	32,13%	28,08%	40,08%
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	45,91%	41,51%	37,59%

Nguồn: Techcombank

(Tính toán các hệ số trên áp dụng theo các quy định hướng dẫn về xếp loại ngân hàng thương mại cổ phần của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Bảng 28: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT
3	Ông Nguyễn Thiều Quang	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên
7	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên độc lập

*12.1.1. Ông **Hồ Hùng Anh** – Chủ tịch HĐQT*

- Họ và tên: Hồ Hùng Anh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 023762401 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử tại Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết
- Quá trình công tác:
  - Trước khi gia nhập Techcombank: Ông Hồ Hùng Anh có nhiều kinh nghiệm quản trị, điều hành tại các tổ chức/công ty tài chính, thương mại uy tín ở trong nước và nước ngoài như: Công ty TNHH Quốc Tế Sammex; Công ty Cổ phần Tập Đoàn Ma San.
  - Tại Techcombank: Ông Hồ Hùng Anh gia nhập Techcombank từ tháng 3/2004 đến nay. Từ tháng 8/2008, ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT tại Techcombank.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương; Thành viên HĐTV Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Masan; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017):* 11.935.866 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *11.935.866 cổ phần, chiếm 1,34% vốn điều lệ*

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017):*

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Ông Hồ Hùng Anh là Phó Chủ tịch HĐQT	133.171.185	15%
Nguyễn Thị Thanh Tâm	Mẹ đẻ	80.158	0,01%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.1.2. Ông **Nguyễn Đăng Quang** – Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT*

- Họ và tên: Nguyễn Đăng Quang
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 022948090 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/1/2008
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.
- Quá trình công tác:
  - Trước khi gia nhập Techcombank: Ông Nguyễn Đăng Quang đã từng có nhiều năm công tác tại Viện Khoa học Việt Nam.
  - Tại Techcombank: Ông Nguyễn Đăng Quang gia nhập Techcombank từ năm 1994. Trước khi tham gia HĐQT, Ông Nguyễn Đăng Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị, với kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Techcombank, cũng như với tư cách thành viên HĐQT tại Tập đoàn Masan. Ông giữ chức danh Phó chủ tịch thứ nhất từ tháng 5/2008

đến tháng 4/2014 và thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2016. Từ tháng 3/2016 đến nay, Ông giữ chức vụ Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Masan;
  Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
  Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
  Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
  Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo;
- Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày *31/07/2017*): 2.855.158 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 2.855.158 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017):*

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Ông Nguyễn Đăng Quang là Chủ tịch HĐQT	133.171.185	15%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.1.3. Ông **Nguyễn Thiều Quang** – Phó Chủ tịch HĐQT*

- Họ và tên: Nguyễn Thiều Quang
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- CMND: 022633862 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 8/12/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donhetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk).
- Quá trình công tác:
  - *Tại Techcombank:* *Ông Nguyễn Thiều Quang tham gia HĐQT Techcombank từ năm 1999 và là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 tới nay.*

Ông Nguyễn Thiều Quang có kinh nghiệm điều hành phong phú và từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như Tập đoàn Masan, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam-Vinaconex và Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn-Senco.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
  - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bất động sản Ma San;
  - Thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – Vinaconex;
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghệ môi trường và xây dựng Sài gòn-Senco;
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017)*: 10.085.477 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu: 10.085.477 cổ phần, chiếm 1,14% vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017)*:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Phùng Minh Nguyệt	Vợ	251.236	0,03%
Nguyễn Thiều Quyên	Em ruột	94.863	0,01%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.1.4. Ông **Nguyễn Cảnh Sơn** – Phó Chủ tịch HĐQT*

- Họ và tên: Nguyễn Cảnh Sơn
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Nơi sinh: Thanh Chương – Nghệ An
- CMND: 011227614 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 27/12/2011
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng tại Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết.
- Quá trình công tác:
  - Trước khi gia nhập Ông Nguyễn Cảnh Sơn từng có nhiều năm kinh nghiệm

Techcombank: tại Tập đoàn T&M Trans với vai trò Chủ tịch Tập đoàn.

- Tại Techcombank: Ông Nguyễn Cảnh Sơn tham gia HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 và là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 4/2009 tới nay.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eurowwindow Holding;
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần EuroFinance;
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Công nghệ cao;
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam;
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa;
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch T&M Vân Phong;
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần quản lý và khai thác tổ hợp TTVHTM-KS Hà Nội-Matsxcova (HMMO);
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Hà Nội – Mátxcơva (Incentra);
  - Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Phát triển công nghệ cao (Hitech);
  - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Eurowindow.
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017)*: 5.451.807 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu: 5.451.807 cổ phần, chiếm 0,61% vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017)*:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Eurowindow Holding	Chủ tịch HĐQT	34.823.400	3,92%
Công ty CP EuroFinance	Thành viên HĐQT	28.285.060	3,19%
Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ cao	Thành viên HĐQT	1.994.961	0,22%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.1.5. Ông **Đỗ Tuấn Anh** – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc*

- Họ và tên: Đỗ Tuấn Anh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 011800866 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 28/2/2008

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Tài sản Đầu tư tại Trường Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore.
- Quá trình công tác:
  - Trước khi gia nhập Techcombank: Ông Đỗ Tuấn Anh từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại NHNN như: Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng – NHNN.
  - Tại Techcombank: Ông Đỗ Tuấn Anh gia nhập Techcombank từ năm 2007. Ông là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Techcombank từ tháng 6/2015.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐTV – Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương;
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017)*: 56.945 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu: 56.945 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017):* Không
- Hành vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.1.6. Ông **Lee Boon Huat** – Thành viên HĐQT*

- Họ và tên: Lee Boon Huat
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Hộ chiếu: E3859540E cấp ngày 6/5/2013
- Quốc tịch: Singapore
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin).
- Quá trình công tác:
  - Trước khi gia nhập Techcombank: Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn như: Ủy ban tiền tệ Singapore, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương Mại Hoàng gia Canada, Ngân hàng Hóa học và Ngân hàng Standard Chartered.
  - Tại Techcombank: Ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank tháng 12/2012 đến tháng 4/2014 và là Thành

viên HĐQT từ tháng 5/2014 đến nay.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017):* 0 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017):* Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.1.7. Ông **Nguyễn Đoan Hùng** – Thành viên HĐQT*

- Họ và tên: Nguyễn Đoan Hùng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1953
- Nơi sinh: Phú Thọ
- CMND: 011259710 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 19/5/2007
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Yên Phong, Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học về Quản lý tài chính tại Trường Đại học Luân Đôn.
- Quá trình công tác:
  - *Trước khi gia nhập Techcombank:* *Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại NHNN và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý như: Trưởng Ban Nghiên cứu và phát triển thị trường vốn, Chánh Văn phòng Thống đốc NHNN và Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối. Ngoài ra, ông cũng từng là Giám đốc dự khuyết Ngân hàng Thế giới, Phó Chủ tịch UBCKNN.*
  - *Tại Techcombank:* *Ông Nguyễn Đoan Hùng là Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Techcombank từ tháng 5/ 2014.*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017):* 54 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *54 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Không

(tính đến ngày 31/07/2017):

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

12.2. Ban Tổng giám đốc

Bảng 29: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Tổng Giám đốc
2	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc

*12.2.1. Ông **Nguyễn Lê Quốc Anh** – Tổng Giám đốc*

- Họ và tên: Nguyễn Lê Quốc Anh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Hộ chiếu: 530948835 cấp ngày 26/2/2016 tại Hoa Kỳ
- Quốc tịch: Hoa Kỳ
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ chuyên ngành Kỹ sư Hạt nhân tại Đại học Purdue (Mỹ) và Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế lượng tại Đại học bang California, East Bay (Mỹ).
- Quá trình công tác:
  - Trước khi gia nhập Techcombank: Ông Nguyễn Lê Quốc Anh đã có gần 20 năm kinh nghiệm và từng được giao phụ trách các vị trí cao cấp như Giám đốc chiến lược đầu tư, Giám đốc phát triển dự án tại các tổ chức toàn cầu như T-Mobile US, Wells Fargo Bank, Nissan USA, Fortress Investment/Transmarket Group, McKinsey & Co.
  - Tại Techcombank: Ông Nguyễn Lê Quốc Anh được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng của Techcombank từ tháng 05/2015, và được giao kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành từ tháng 03/2016 đến 22/9/2016. Từ 23/9/2016 ông được bổ

	nhiệm làm Tổng Giám đốc.
• Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành:	Tổng Giám đốc
• Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
• Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017):*	0 cổ phần
- *Đại diện sở hữu:*	*0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- *Cá nhân sở hữu:*	*0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
• Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017):*	Không
• Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
• Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành:	Không
• Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
• Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành:	Không

*12.2.2. Ông **Đỗ Tuấn Anh** – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:*

Vui lòng xem mục IV - 12.1.5.

12.2.3. *Ông **Phạm Quang Thắng** – Phó Tổng Giám đốc*

Ông **Phạm Quang Thắng** – Phó Tổng Giám đốc

• Họ và tên:	Phạm Quang Thắng
• Giới tính:	Nam
• Năm sinh:	1973
• Nơi sinh:	Hà Nội
• Thẻ căn cước:	001073009147 do Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 20/5/2016
• Quốc tịch:	Việt Nam
• Dân tộc:	Kinh
• Quê quán:	Nam Hà
• Trình độ văn hóa:	12/12
• Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán quốc tế tại Trường Đại học công nghệ Swinburne.
• Quá trình công tác:	
- *Tại Techcombank:*	*Ông Phạm Quang Thắng được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế từ tháng 01/2014. Trước đó, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Kế toán trưởng; Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, Kế hoạch và Chiến lược, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế*
• Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành:	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ*(tính đến ngày 31/07/2017)*: 113.932 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *113.932 cổ phần, chiếm 0,0128 % vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần*(tính đến ngày 31/07/2017)*:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Dư Thị Thu Hương	Vợ	42.085	0,0047%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

12.3. Ban Kiểm soát

Bảng 30: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng Ban kiểm soát kiêm Thành viên Chuyên trách
2	Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên Chuyên trách
3	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên
4	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên

*12.3.1. Ông **Hoàng Huy Trung** – Trưởng Ban kiểm soát kiêm Thành viên Chuyên trách*

- Họ và tên: Hoàng Huy Trung
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 011830065 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 26/3/2003
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành ngân hàng, tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế, chuyên ngành tài chính - Ngân hàng Học Viện Tài chính
- Quá trình công tác:
  - *Trước khi gia nhập* *Ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm làm việc trong*

Techcombank:	*lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam.*
- *Tại Techcombank:*	*Ông Hoàng Huy Trung gia nhập Techcombank từ 2008. Từ tháng 12/2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban Kiểm Soát, kiêm nhiệm thành viên chuyên trách Techcombank.*
• Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành:	Trưởng Ban kiểm soát Techcombank kiêm Thành viên Chuyên trách
• Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
• Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017)*:	17.461 cổ phần
- *Đại diện sở hữu:*	*0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
- *Cá nhân sở hữu:*	*17.461 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều l*
• Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017)*:	Không
• Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
• Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành:	Không
• Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
• Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành:	Không

*12.3.2. Bà **Nguyễn Thu Hiền** –Thành viên Ban kiểm soát Chuyên trách*

• Họ và tên:	Nguyễn Thu Hiền
• Giới tính:	Nữ
• Năm sinh:	1965
• Nơi sinh:	Hà Nội
• CMND:	040165000091 do Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC cấp ngày 01/08/2016
• Quốc tịch:	Việt Nam
• Dân tộc:	Kinh
• Quê quán:	Nghệ An
• Trình độ văn hóa:	12/12
• Trình độ chuyên môn:	Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga, Thạc sỹ khoa học về kinh tế.
• Quá trình công tác:	
- *Trước khi gia nhập Techcombank:*	*Bà Nguyễn Thu Hiền đã có nhiều năm công tác tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Hai Bà Trưng, Hà Nội.*
- *Tại Techcombank:*	*Bà Nguyễn Thu Hiền tham gia Techcombank từ năm 1993 và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trong trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng. Từ tháng 01/2013 đến nay, bà Nguyễn Thu Hiền là thành viên Chuyên trách Ban Kiểm Soát Techcombank.*
• Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ	Thành viên Chuyên trách

Chức Phát Hành:

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017)*: 923.616 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *923.616 cổ phần: chiếm 0,01% vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017)*:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Phạm Hiền Trang	Con đẻ	3.295.479	0,37%
Nguyễn Thị Lam Hương	Em ruột	180.566	0,02%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.3.3. Bà **Bùi Thị Hồng Mai** –Thành viên Ban kiểm soát*

- Họ và tên: Bùi Thị Hồng Mai
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 011923690 do Công an TP.Hà Nội cấp ngày 9/4/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phú Yên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:
  - *Trước khi gia nhập Techcombank:* *Bà Bùi Thị Hồng Mai từng có nhiều năm công tác tại Công ty TNHH Nhà máy bia Châu Á Thái Bình Dương-Hà Nội (trước đây là Công ty TNHH nhà máy bia Hà Tây).*
  - *Tại Techcombank:* *Từ tháng 4/2010 đến nay, bà Bùi Thị Hồng Mai là thành viên Ban Kiểm Soát Techcombank.*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hùng Tinh; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư INB.
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày* 15 cổ phần

31/07/2017):

- *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
- *Cá nhân sở hữu:* *15 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017)*:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Lê Quang Vinh	Chồng	15.790	0,0018%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

*12.3.4. Ông **Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes** – Thành viên Ban kiểm soát*

- Họ và tên: Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Hộ chiếu: P 3143771 cấp ngày 7/10/2008 tại Cộng hoà Áo
- Quốc tịch: Cộng hòa Áo
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị - Đại học Klagenfurt.
- Quá trình công tác:
  - *Trước khi gia nhập Techcombank:* *Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn.*
  - *Tại Techcombank:* *Từ tháng 4/2012 đến nay, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban Kiểm Soát Techcombank.*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017)*: 0 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần*(tính đến ngày 31/07/2017)*: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

12.4. Kế toán trưởng

Bảng 31: Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Bùi Thị Khánh Vân	Kế toán trưởng

Bà **Bùi Thị Khánh Vân** – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Bùi Thị Khánh Vân
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1980
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng Tài chính, tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Quá trình công tác:
  - *Tại Techcombank:* *Bà Bùi Thị Khánh Vân được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng từ tháng 01 năm 2014. Trước đó bà từng giữ nhiều vị trí quản lý trong Techcombank từ năm 2003 như: Quyền Kế toán trưởng, Trưởng phòng báo cáo tài chính và quản lý sổ cái kế toán, Trưởng phòng báo cáo định kỳ.*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ *(tính đến ngày 31/07/2017):* 0 cổ phần
  - *Đại diện sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
  - *Cá nhân sở hữu:* *0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần *(tính đến ngày 31/07/2017):* Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan tới Tổ Chức Phát Hành: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

13. Tài sản

Bảng 32: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	**TSCĐ hữu hình**	**1.518.287**	**576.836**	**37,99%**

1	Nhà cửa vật kiến trúc	241.190	219.330	90,94%
2	Máy móc thiết bị	1.121.608	288.154	25,69%
3	Phương tiện vận tải	153.345	68.799	44,87%
4	TSCĐ hữu hình khác	2.144	553	25,79%
II	**TSCĐ vô hình**	**668.490**	**343.934**	**51,45%**
1	Phần mềm máy vi tính	641.837	319.851	49,83%
2	Quyền sử dụng đất có thời hạn	22.250	21.909	98,47%
3	TSCĐ vô hình khác	4.403	2.174	49,38%
III	**Bất động sản đầu tư**	**1.447.256**	**1.278.536**	**88,34%**
1	Nhà cửa	1.447.256	1.278.536	88,34%
	Tổng cộng	**3.634.033**	**2.199.306**	**60,52%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016
Tổng tài sản	235.363	279.017	18,55%
Tổng dư nợ tín dụng	159.010	181.067	13,87%
Lợi nhuận trước thuế	3.149	5.020	59,42%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân gia quyền	17,50%	18,17%	3,83%
Cổ tức *	-	-	-

Nguồn: Techcombank và Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017

Lưu ý:

- Techcombank chưa có kế hoạch chia cổ tức năm 2017 và kế hoạch lợi nhuận cổ tức 2018 được ĐHĐCĐ thông qua.

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận sau thuế là 20%.

- Giả định năm 2017, Techcombank phát hành thành công Đợt 1 ~ 70.000.000 cổ phiếu với giá 30.000 đồng/cổ phiếu vào tháng 10/2017.

Phương hướng kinh doanh của Techcombank năm 2017:

- Về khách hàng, Techcombank sẽ tiếp tục tăng cường mối quan hệ với khách hàng hiện tại, tăng cường bán chéo và bán thêm để tăng số lượng sản phẩm trên một khách hàng.
- Về doanh thu, Techcombank năm 2017 sẽ đi theo hướng tăng đóng góp từ thu phí dịch vụ trong tổng doanh thu để giảm thiểu rủi ro tín dụng và sự phụ thuộc vào dư nợ nhờ việc tận dụng hiệu quả hệ thống ngân hàng giao dịch.
- Về huy động, Techcombank tập trung tăng trưởng huy động để đảm bảo tỷ lệ cho vay/huy động theo NHNN thấp hơn 80% đảm bảo vững chắc thanh khoản. Trong cấu phần huy động, Techcombank sẽ tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán bằng cách tăng các tính năng và công cụ thanh toán điện tử giúp

khách hàng thuận tiện trong việc thanh toán qua đó thực hiện giao dịch chính qua Techcombank. Techcombank đã thành lập khối Ngân hàng Dịch vụ tháng 3/2017 để tập trung phát triển dịch vụ phí và giao dịch.

- Về phát triển tín dụng, Techcombank sẽ thay đổi cấu trúc dư nợ khi chuyển trọng tâm tăng trưởng từ khối ngân hàng bán buôn sang khối ngân hàng bán lẻ để hạn chế rủi ro tập trung, tăng biên lợi nhuận (NIM) toàn hàng và tăng tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo yêu cầu của Basel II. Đồng thời ngân hàng tiếp tục tăng dư nợ của các nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (phân khúc USME & SME) trong chuỗi giá trị hiện tại thông qua việc xây dựng và hoàn thiện các mô hình và quy trình quản trị rủi ro tín dụng vượt trội.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam nhằm đưa ra những đánh giá về dự phóng hoạt động kinh doanh mà Công ty đã xây dựng.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi trừ trường hợp xảy ra những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phần được chào bán thành công theo đợt chào bán này sẽ được đăng ký bổ sung với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Tổ Chức Phát Hành cam kết đưa các cổ phần phát hành thêm vào giao dịch trên thị trường có tổ chức trong thời hạn 1 năm theo quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phần tập trung của Techcombank.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…)

17.1. Trái phiếu chuyển đổi do Techcombank

Trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành ngày 28 tháng 12 năm 2010 (“Trái Phiếu”) (được trình bày chi tiết tại Mục 22 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Techcombank) với các điều kiện điều khoản cơ bản ban đầu như sau:

- Tổng số Trái Phiếu chào bán: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu;
- Tổng mệnh giá Trái Phiếu phát hành: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng);
- Tổng số Trái Phiếu đang lưu hành: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu;
- Kỳ hạn: 10 năm;
- Lãi suất:
    - 5 năm đầu tiên của kỳ hạn Trái Phiếu là 0,00%
    - Từ năm thứ 6, lãi suất áp dụng là 15,00%/năm hoặc lãi suất trần áp dụng cho các trái phiếu tương tự nếu mức lãi suất trần đó nhỏ hơn 15,00%.

- Quyền chuyển đổi: Người sở hữu Trái Phiếu có thể chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phiếu phổ thông sau 5 năm. Giá trị quyền chuyển đổi là 101.135,72 VND/Trái Phiếu.

Ngày 26/7/2016, HĐQT của Techcombank ban hành Quyết định số 1088/QĐ-NQ-HĐQT-TCB về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Trái Phiếu. Theo đó, gia hạn việc chuyển đổi Trái Phiếu từ năm thứ 6 của thời hạn Trái Phiếu sang một thời điểm khác muộn hơn, được xác định theo thông báo chuyển đổi của HĐQT của Techcombank, trước khi Trái Phiếu đáo hạn. Do có việc gia hạn thời gian chuyển đổi nên hiện nay không có trái chủ nào thực hiện chuyển đổi cổ phiếu. Trong thời gian gia hạn chuyển đổi Trái Phiếu, lãi suất được áp dụng đến ngày ngay trước ngày đầu tiên của năm chuyển đổi là 0,00%. Từ ngày đầu tiên của năm chuyển đổi, lãi suất áp dụng là 15,00%/năm hoặc lãi suất trần áp dụng đối với loại công cụ nợ giống hoặc tương tự như Trái Phiếu theo quy định của NHNN nếu mức lãi suất trần đó nhỏ hơn 15,00%. Giá trị quyền chuyển đổi Trái Phiếu được bổ sung thêm một khoản tiền, mỗi năm tương ứng với số tiền lãi trên Trái Phiếu theo lãi suất 15%/năm, cho khoảng thời gian gia hạn áp dụng lãi suất 0,00%/năm nêu trên.

Giá chuyển đổi ban đầu là 17.188,38 VND/cổ phần phổ thông, có mệnh giá 10.000 VND tại ngày phát hành. Sau khi Techcombank phát hành cổ phần thưởng trong năm 2011, giá chuyển đổi giảm xuống 13.683,04 VND/cổ phần phổ thông do các điều khoản chống pha loãng của Trái Phiếu.

Nếu Techcombank chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán theo Bản Cáo Bạch này với giá chào bán dưới mức giá 13.683,04 VND/cổ phiếu thì giá chuyển đổi của Trái Phiếu sẽ thay đổi do các điều khoản chống pha loãng của Trái Phiếu. Giả định rằng giá chào bán thực tế và mức giá chào bán là 10.000 VND/cổ phần thì giá chuyển đổi Trái Phiếu sẽ giảm xuống 12.356,11 VND/cổ phần phổ thông.

17.2. Phát hành cổ phần theo chương trình ưu đãi cho người lao động

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 19 tháng 4 năm 2014, ĐHĐCĐ Techcombank đã thông qua chương trình lựa chọn phát hành cổ phần cho người lao động ("Chương Trình") với các nội dung chính như sau (được điều chỉnh thêm bởi HĐQT Techcombank trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ):

- Mục tiêu: Techcombank sẽ trao cho cán bộ và nhân viên của mình quyền mua cổ phần mới của Techcombank với giá bằng mệnh giá.
- Điều kiện: cán bộ và nhân viên của Techcombank do HĐQT lựa chọn đáp ứng được một số yêu cầu về vị trí hoặc thành tích sẽ đủ điều kiện tham gia chương trình.
- Phát hành cổ phần: quyền mua cổ phần sẽ được cấp cho nhân viên được lựa chọn dựa trên thành tích của họ trong năm 2016, 2017, 2018, 2019 và 2020. Cổ phần theo chương trình sẽ được phát hành trên cơ sở hàng năm từ 2018 đến 2022.
- Số lượng cổ phần: Tổng số cổ phần được phép phát hành theo chương trình tối đa là 1,5% số cổ phần hiện hành của Techcombank. Số cổ phần phát hành trong mỗi năm từ 2018 đến 2022 sẽ do HĐQT quyết định nhưng không vượt quá 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Techcombank tại thời điểm phát hành.
- Chấm dứt quyền: quyền mua cổ phần theo Chương Trình sẽ chấm dứt tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động có liên quan hoặc xảy ra một số sự kiện khác theo quyết định của HĐQT.

17.3. Các cam kết khác

Trong quá trình hoạt động thông thường của Techcombank, Techcombank đưa ra các cam kết mà chưa được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán, hay còn gọi là cam kết ngoại bảng.

Các cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh tài chính, chấp nhận thanh toán, thư tín dụng. Nhiều khoản cam kết sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Techcombank chào bán 500.000.000 (năm trăm triệu) cổ phiếu với nguyên tắc xác định giá không thấp hơn mệnh giá đã được ĐHĐCĐ 2017 thông qua và HĐQT Techcombank cam kết báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc điều chỉnh phương án tăng vốn điều lệ năm 2017 để triển khai thành 02 đợt chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết HĐQT số 1014/2017/NQ-HĐQT ngày 21/8/2017 và tiến độ sử dụng vốn đối với từng đợt phát hành, cụ thể như sau:

- ĐỢT 1: Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 70.000.000 (bảy mươi triệu) cổ phiếu
- ĐỢT 2: Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) cổ phiếu

ĐỢT 1: Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 70.000.000 (bảy mươi triệu) cổ phiếu bao gồm những thông tin sau:

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 VND (mười nghìn đồng)/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

70.000.000 (bảy mươi triệu) cổ phần với nội dung cụ thể như sau:

- *Đối tượng*: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt được thông báo cụ thể sau khi UBCK chấp thuận đợt chào bán;
- *Chuyển nhượng*: Cổ đông có quyền mua cổ phần trong đợt chào bán có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình 01 (một) lần cho tổ chức/cá nhân khác và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông không được chuyển nhượng quyền mua cho tổ chức/cá nhân khác. Việc chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài phải được HĐQT chấp thuận trước; và
- *Xử lý số lượng cổ phần không được đăng ký:* Trong trường hợp số lượng cổ phần chào bán không được cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua đăng ký mua hết thì HĐQT sẽ quyết định **(i)** bán một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phần còn lại đó cho cổ đông hoặc tổ chức/cá nhân khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần còn lại mà đã được chào bán cho một số cổ đông hoặc tổ chức/cá nhân khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ,

  (ii) không tiếp tục bán số cổ phần đó nữa và kết thúc đợt chào bán;

  (iii) và/hoặc các phương án khác nhưng đảm bảo điều kiện không thuận lợi hơn so với đợt chào bán

cho cổ đông hiện hữu.

4. Giá chào bán Đợt 1

30.000 đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Cổ phần được chào bán cho cổ đông hiện hữu nên không bắt buộc phải cao hơn giá trị sổ sách hoặc giá thị trường. Trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ và căn cứ tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo khả năng huy động vốn thành công từ đợt chào bán, HĐQT của Tổ Chức Phát Hành sẽ xác định giá chào bán dựa trên các yếu tố sau (i) giá trị sổ sách của Techcombank và mệnh giá cổ phần Techcombank, (ii) chia sẻ lợi ích cho cổ đông từ chính sách tích lũy lợi nhuận và (iii) so sánh với giá trị trường của các ngân hàng khác để tính toán khả năng thành công của đợt chào bán.

- *Giá trị sổ sách và mệnh giá*

Giá trị sổ sách của cổ phần Techcombank tính tại thời điểm 31/12/2016 theo BCTC hợp nhất kiểm toán 2016 là 27.376VND/cổ phần.

Mệnh giá cổ phần của Techcombank là 10.000 VND/cổ phần. Theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2017 được ĐHĐCĐ Techcombank thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 15 tháng 4 năm 2017, giá cổ phần chào bán trong đợt chào bán này tối thiểu bằng mệnh giá.

- *Chia sẻ lợi ích với cổ đông*

Giá trị sổ sách đạt ở mức này là nhờ việc Techcombank thực hiện chính sách tích lũy lợi nhuận thay vì chia cổ tức trong thời gian gần đây. Do vậy, khi quyết định mức giá chào bán cụ thể, HĐQT Techcombank đã xác định mức giá sao cho cổ đông hiện hữu sẽ được hưởng lợi từ mức giá trị sổ sách này.

- *So sánh với giá thị trường của các ngân hàng khác để tính toán khả năng thành công*

Việc xác định mức giá chào bán thích hợp là chìa khóa cho sự thành công của đợt chào bán. Muốn vậy, khi quyết định mức giá cụ thể, HĐQT Techcombank cũng sẽ tham khảo mức giá thị trường cổ phần của các ngân hàng khác có sự tương đồng về quy mô và tính chất hoạt động.

6. Phương thức phân phối

- *Cổ đông đã lưu ký tập trung*: Cổ đông đã lưu ký cổ phần Techcombank tập trung tại TTLKCK thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.
- *Cổ đông chưa lưu ký tập trung*: Cổ đông thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phiếu, thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại Công ty Chứng khoán Kỹ Thương trực thuộc Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Thông tin cụ thể sẽ được công bố trong Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Theo quy định của pháp luật, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ phân phối cổ phần sau khi nhà đầu tư đã được tiếp cận Bản Cáo Bạch. Bản Cáo Bạch sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành và VCSC ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành công bố thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng. Thông báo phát hành sẽ được công bố trong thời hạn 7 ngày làm việc từ ngày hiệu lực của giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp cho đợt chào bán.

Thời gian phân phối sẽ theo thời hạn đăng ký dưới đây và không quá 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng nêu trên có hiệu lực.

Thời gian chào bán dự kiến vào Quý III/2017.

8. Đăng ký mua cổ phiếu, Phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu

- *Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần:* Sẽ được tiến hành trong vòng 20 ngày và sau ngày chốt danh sách cổ đông có quyền mua cổ phần trong đợt chào bán. Thời hạn cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố trong thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng cho đợt chào bán này;
- *Số lượng đăng ký:*

Mỗi cổ phần phổ thông của Techcombank đang được sở hữu vào ngày chốt danh sách cổ đông tương đương với 01 quyền mua cổ phần.

$$\text{Tỷ lệ hưởng quyền} = \frac{\text{Tổng số cổ phần phát hành thêm}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$= \frac{\text{Tổng số cổ phần phát hành thêm}}{\text{Tổng số cổ phần đã phát hành} - \text{Tổng số cổ phiếu quỹ}} = \frac{70.000.000}{887.807.871 - 172.353.345}$$

$$= 0{,}0978$$

Cổ đông sở hữu 01 quyền sẽ được mua 0,0978 cổ phần mới. Số cổ phần mỗi cổ đông hiện hữu được mua sẽ được tính trên tỷ lệ hưởng quyền này và tổng số cổ phần được quyền mua của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến số nguyên gần nhất (nếu có). Việc xử lý số cổ phần lẻ phát sinh sẽ do HĐQT Techcombank quyết định tương tự như xử lý số cổ phần không được đăng ký hết trên đây.

- *Phương thức thanh toán:* Cổ đông đã lưu ký thực hiện thanh toán qua thành viên lưu ký còn cổ đông chưa lưu ký thực hiện thanh toán thông qua hướng dẫn được ghi trong Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng;
- *Chuyển giao cổ phiếu:* Techcombank thực hiện việc chuyển giao cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho cổ đông chưa lưu ký theo số lượng mua thành công tương ứng;
- *Quyền lợi người mua cổ phần:* Người mua cổ phần thành công sẽ trở thành cổ đông của Techcombank đối với số lượng cổ phần mua tương ứng và có các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông quy định tại Điều lệ Techcombank và pháp luật Việt Nam;
- *Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu*: 1 cổ phần.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- *Tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng nhà đầu tư nước ngoài*: Theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 3 tháng 1 năm 2014 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần tại tổ chức tín dụng Việt Nam, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của Techcombank;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của Techcombank trừ trường hợp quy định tại đoạn dưới đây;
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn

điều lệ của Techcombank; và

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của Techcombank.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của Techcombank.

Các tỷ lệ trên bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần của Techcombank.

Giới hạn tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ sở hữu của nước ngoài tại Techcombank được quyết định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông từng thời kỳ và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tổ chức/cá nhân nước ngoài nhận chuyển nhượng quyền mua:

Để đảm bảo tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Techcombank phù hợp với giới hạn nêu trên đây và phù hợp với quy định của Nghị định số 01/2014/NĐ-CP, mọi trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông cho tổ chức/cá nhân nước ngoài phải được HĐQT Techcombank chấp thuận trước. Techcombank cam kết sẽ tuân thủ các quy định về Tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài của các văn bản pháp luật và các văn bản của Techcombank có liên quan.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu của họ: không bị hạn chế chuyển nhượng tuy nhiên việc chuyển nhượng (nếu có) phải phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Techcombank.

Đối với cổ phần chào bán cho cổ đông hoặc tổ chức/cá nhân khác theo quyết định của HĐQT trong trường hợp cổ phần chào bán không được cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng quyền mua đăng ký mua hết như quy định tại phần "Xử lý số lượng cổ phần không được đăng ký" trên đây: sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ.

11. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán cổ phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như nhà đầu tư nước ngoài) phải tuân theo các quy định riêng.

12.1. Thuế thu nhập cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là cá nhân có thể phải nộp 2 loại thuế sau: (i) thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần và (ii) thuế đối với cổ tức được chia từ Techcombank.

Thuế đối với việc chuyển nhượng cổ phần:

- Thuế suất: 0,1%.
- Thu nhập chịu thuế: Do Techcombank là công ty đại chúng nên việc chuyển nhượng cổ phần được xếp vào chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán là giá

chuyển nhượng từng lần. Khi cổ phần của Techcombank chưa được giao dịch tập trung tại sở giao dịch chứng khoán thì giá chuyển nhượng từng lần là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá thực tế chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của Techcombank tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng. Khi cổ phần của Techcombank đã được giao dịch tập trung tại sở giao dịch chứng khoán thì giá chuyển nhượng từng lần là giá chuyển nhượng được xác định theo quy tắc của sở giao dịch chứng khoán.

- Số thuế phải nộp: Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.
- Phương thức và thời điểm nộp: Do Techcombank là công ty đại chúng đã có cổ phần được đăng ký tập trung tại TTLKCK nên thuế sẽ được thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký khấu trừ trước khi thanh toán tiền cho cá nhân (khi cổ phần của Techcombank đã được giao dịch tập trung tại sở giao dịch chứng khoán) hoặc trước khi làm thủ tục chuyển nhượng tại TTLKCK (khi cổ phần của Techcombank chưa được giao dịch tập trung).

Thuế đối với cổ tức:

- Thuế suất: 5%.
- Thu nhập chịu thuế: Là mức cổ tức được chia.
- Số thuế phải nộp: Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.
- Phương thức và thời điểm nộp: Techcombank với tư cách là tổ chức chi trả thu nhập sẽ có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi chia cổ tức.

12.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cổ đông là pháp nhân không phải nộp thuế đối với cổ tức được chia nhưng phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán như sau:

- Thuế suất: 20% đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam và 0,1% đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài.
- Thu nhập chịu thuế: Đối với cổ đông là doanh nghiệp Việt Nam, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán sẽ được xác định theo kỳ. Theo đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài, thu nhập chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán được xác định như đối với cá nhân.
- Số thuể phải nộp: Bằng thuế suất nhân (x) thu nhập chịu thuế.

12.3. Thuế giá trị gia tăng

Theo pháp luật hiện hành, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng cổ phần sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng cổ phần sau ngày kết thúc chào bán thì cổ đông có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong toả với thông tin như sau:

- Tên tài khoản: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**

- Số tài khoản: **124000031777**
- Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Sông Nhuệ**
- Địa chỉ: **số 10 Ngô Quyền, Hà Đông, Hà Nội**

ĐỢT 2: Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) cổ phiếu

1. **Loại cổ phiếu**

   Cổ phần phổ thông

2. **Mệnh giá**

   10.000 VND (mười nghìn đồng)/cổ phần

3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán**

   430.000.000 (bốn trăm ba mươi triệu) cổ phần

4. **Đối tượng:** Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt được thông báo cụ thể tại đợt chào bán thứ 2

5. **Giá chào bán Đợt 2**

Giá chào bán Đợt 2 được xác định với nguyên tắc xác định giá không thấp hơn mệnh giá đã được ĐHĐCĐ 2017 thông qua và do HĐQT quyết định cụ thể trên cơ sở của kết quả chào bán Đợt 1 và tình hình thực tế của thị trường.

6. **Thời gian chào bán**

Dự kiến trong năm 2017 và/hoặc 6 tháng đầu năm 2018 và cách lần chào bán cổ phiếu Đợt 1 không quá mười hai (12) tháng. Thời gian chào bán dự kiến của Đợt 2 không kéo dài quá 90 ngày.

Các nội dung khác bao gồm nhưng không giới hạn bởi, tỷ lệ hưởng quyền, xử lý cổ phiếu lẻ, giới hạn sở hữu cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thời điểm chào bán, phương thức phân phối, phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu sẽ do HĐQT quyết định cụ thể trên cơ sở của kết quả chào bán Đợt 1 và tình hình thực tế của thị trường.

Trước khi phát hành Đợt 2, Techcombank sẽ nộp bổ sung cho UBCKNN hồ sơ các tài liệu về tình hình Ngân hàng, tình hình sử dụng số tiền thu được từ Đợt 1 được xác nhận bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán nếu thời điểm phát hành của Đợt 2 cách Đợt 1 từ 06 tháng trở lên kể từ ngày hoàn thành Đợt 1 và báo cáo cáo các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần thiết), công bố thông tin Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng Đợt 2 theo đúng các quy định của pháp luật.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Việc chào bán được thực hiện nhằm tăng vốn điều lệ của Techcombank. Việc tăng vốn điều lệ của Techcombank là cần thiết nhằm giúp Ngân Hàng nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh, tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả của Ngân Hàng và cho phép Ngân Hàng thực hiện thành công chiến lược phát triển ngân hàng, cụ thể:

- Đáp ứng tốt hơn các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động ngân hàng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng;
- Nâng cao năng lực đầu tư phát triển hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại và xây dựng, phát triển hệ thống trụ sở, mạng lưới hoạt động của ngân hàng; và

- Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

Nhu cầu tăng vốn điều lệ được thể hiện thông qua kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2017 toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán cổ phần (tính theo mệnh giá là 5.000 tỷ đồng) được sử dụng như sau:

- Tăng nguồn vốn đầu tư của ngân hàng vào tài sản cố định, mở rộng mạng lưới: Dự kiến 2.533 tỷ đồng (50,66% tổng số tiền thu được)

+ Đầu tư mở rộng trụ sở, vật kiến trúc và các tài sản cố định khác: Dự kiến 916 tỷ đồng (18,3% tổng số tiền thu được)

+ Đầu tư công nghệ và trang thiết bị khác: Dự kiến 1.617 tỷ đồng (32,3% tổng số tiền thu được)

- Tăng nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và đầu tư trái phiếu chính phủ: Dự kiến 2.467 tỷ đồng (49,4% tổng số tiền thu được).

Căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1014/2017/NQ-HĐQT ngày 21/8/2017 và Nghị quyết số 1039/2017/NQ-HĐQT ngày 22/8/2017 triển khai phát hành cổ phiếu thành 2 Đợt với giá chào bán đợt 1 là 30.000 đồng/cổ phiếu, và giá chào bán đợt 2 đảm bảo nguyên tắc ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở của kết quả chào bán Đợt 1 và tình hình thực tế của thị trường. Theo đó, HĐQT Techcombank sẽ quyết định về việc phân bổ số tiền cụ thể thu được từ 2 đợt chào bán theo tỷ lệ nêu trên của từng khoản mục trên tổng số tiền thu của từng đợt chào bán phù hợp tình hình thực tế và hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần thiết).

Căn cứ ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1014/2017/NQ-HĐQT ngày 21/8/2017 và Nghị quyết số 1039/2017/NQ-HĐQT ngày 22/8/2017 triển khai phát hành cổ phiếu thành 2 Đợt với giá chào bán đợt 1 là 30.000 đồng/cổ phiếu, và giá chào bán đợt 2 đảm bảo nguyên tắc ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở của kết quả chào bán Đợt 1 và tình hình thực tế của thị trường. Theo đó, HĐQT Techcombank sẽ quyết định về việc phân bổ số tiền cụ thể thu được từ 2 đợt chào bán theo tỷ lệ nêu trên của từng khoản mục trên tổng số tiền thu của từng đợt chào bán. Trong trường hợp giá bán đợt 2 điều chỉnh, không phải giá 30.000 đồng/cổ phần và/hoặc tình hình kinh doanh thực tế của Techcombank thay đổi, HĐQT sẽ điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nêu trên phù hợp thực tế và hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng, báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất và các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần thiết).

Tùy thuộc vào kế hoạch hàng năm, HĐQT Techcombank sẽ phê duyệt các kế hoạch chi tiết đầu tư mở rộng mạng lưới, đầu tư công nghệ và trang thiết bị, tăng nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và đầu tư trái phiếu chính phủ. Cụ thể năm 2017, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 694/2017/HĐQT-TCB ngày 12/6/2017 thông qua việc phê duyệt kế hoạch thành lập chi nhánh/Phòng giao dịch năm 2017 tại Đồng Hới, Quảng Bình; Vĩnh Long; Yên Bái; Quảng Ninh; Hưng Yên.

Trong các năm tiếp theo HĐQT có chủ trương xây dựng lại trụ sở của Ngân hàng tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, chi tiết của các kế hoạch trên sẽ được HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ và các cấp có thẩm quyền.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Số fax : (84–24) 3944 6362
Số điện thoại : (84–24) 3944 6368
Website : www.techcombank.com.vn

2. Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209
Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch:

Địa chỉ: Tòa nhà Vinatex – Tài nguyên, lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : (84-28) 3914 3588 Fax : (84-28) 3914 3209
Địa chỉ: 236 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : (84-28) 3914 3588 Fax : (84-28) 38216186

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điên thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

3. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ENRST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số fax : (84–24) 3834 5090
Số điện thoại : (84–24) 3834 5100
Website : www.ey.com.vn

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

2. Phụ lục II: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

3. Phụ lục III: Điều lệ Techcombank

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2015, năm 2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ quý II năm 2017

5. Phụ lục VI: Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư *(nếu có)*

6. Các phụ lục khác *(nếu có).*

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2017

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên: Hồ Hùng Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và tên: Nguyễn Lê Quốc Anh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: Hoàng Huy Trung

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên: Bùi Thị Khánh Vân

Chức vụ: Kế toán trưởng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Họ và tên: Nguyễn Quang Bảo

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội